

Khai thác giá trị làng nghề thủ công truyền thống để phát triển du lịch đường sông ở Vùng Đồng bằng sông Hồng

Đặt vấn đề

Vùng ĐBSH, cái nôi của nền văn minh lúa nước Việt Nam, sở hữu hai tài nguyên đặc trưng là hệ thống làng nghề thủ công truyền thống phân bố dày đặc và mạng lưới sông ngòi trù phú với các chi nhánh phân lưu của hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình. Sự cộng hưởng giữa không gian văn hóa làng nghề và không gian giao thương, sinh thái ven sông tạo nên một tiềm năng to lớn để phát triển các sản phẩm du lịch đường sông mang bản sắc độc đáo.

Đứng trên góc độ lý thuyết kinh tế di sản và phát triển du lịch bền vững, việc kết nối hoạt động khai thác giá trị làng nghề với du lịch đường sông của Vùng ĐBSH không chỉ giúp tạo ra sự đa dạng hóa sản phẩm du lịch mà còn góp phần bảo tồn các di sản văn hoá và tạo sinh kế bền vững cho cộng đồng làng nghề địa phương.

Tuy nhiên, trên thực tế, tiềm năng to lớn này vẫn chưa được khai thác một cách tương xứng và hiệu quả. Sự liên kết giữa các làng nghề ven sông và hoạt động du lịch đường sông của Vùng ĐBSH còn rời rạc, manh mún và thiếu chiến lược phát triển một cách đồng bộ. Nhiều giá trị của làng nghề vẫn chưa được khai thác để xây dựng thành sản phẩm du lịch đường sông hấp dẫn, các "dòng chảy di sản" vẫn còn "tắc nghẽn" chưa thực sự được khơi thông để tạo ra các giá trị kinh tế - xã hội bền vững.

Vậy những "điểm nghẽn" nào đã và đang cản trở việc kết nối hiệu quả giữa hoạt động khai thác giá trị văn hóa của các làng nghề để phát triển trở thành sản phẩm du lịch đường sông?

Bài viết sau đây sẽ đi tìm câu trả lời cho câu hỏi này. Dựa trên góc nhìn lý thuyết về kinh tế di sản và phát triển du lịch bền vững, bài viết tập trung phân tích, làm rõ thực trạng khai thác giá trị làng nghề thủ công truyền thống để phát triển du

lịch đường sông tại một số tuyến của sông Hồng, sông Đuống và sông Đáy. Qua bài viết, người đọc sẽ nhận thấy những vấn đề bất cập, hạn chế đang tạo ra rào cản kết nối giá trị làng nghề với hoạt động du lịch đường sông; khám phá một số mô hình khai thác giá trị làng nghề để phát triển sản phẩm du lịch đường sông ở một số tuyến du lịch đường sông của Vùng ĐBSH. Từ những kết quả nghiên cứu, tác giả bài viết gợi mở một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả bảo tồn, phát huy các giá trị làng nghề gắn với việc xây dựng sản phẩm du lịch làng nghề đường sông, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của Vùng ĐBSH, đặc biệt là các tỉnh, thành phố có nhiều làng nghề thủ công truyền thống hiện nay.

1. Khái niệm “làng nghề truyền thống”, “du lịch làng nghề” và “du lịch làng nghề đường sông”

Theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 52/2018/NĐ-CP, ngày 12 tháng 04 năm 2018 về phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề truyền thống là làng nghề có ít nhất một nghề truyền thống. Làng được công nhận là làng nghề có tối thiểu 20% tổng số hộ trên địa bàn tham gia một trong các hoạt động hoặc các hoạt động ngành nghề nông thôn; hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định tối thiểu 02 năm liên tục tính đến thời điểm đề nghị công nhận và đáp ứng các điều kiện bảo vệ môi trường làng nghề. Đối với các nghề được công nhận là nghề truyền thống cũng phải đáp ứng đủ tiêu chí là nghề đã xuất hiện tại địa phương từ trên 50 năm và hiện đang tiếp tục phát triển tính đến thời điểm đề nghị công nhận; nghề tạo ra những sản phẩm mang bản sắc văn hóa dân tộc; gắn với tên tuổi của một hay nhiều nghệ nhân hoặc tên tuổi của làng nghề.

Du lịch làng nghề là loại hình du lịch mà du khách đến tham quan, tìm hiểu, trải nghiệm các hoạt động sản xuất, văn hóa và đời sống ở các làng nghề. Du lịch làng nghề có khi được hiểu là một loại hình du lịch văn hóa – cộng đồng, trong đó: Không gian du lịch là làng nghề truyền thống; Tài nguyên du lịch chính là sản phẩm thủ công, quy trình sản xuất, tri thức bản địa, phong tục tập quán và cảnh quan làng

nghề; Hoạt động du lịch bao gồm: tham quan quy trình sản xuất, trải nghiệm làm sản phẩm, mua sắm hàng thủ công, thưởng thức ẩm thực, tìm hiểu phong tục lễ hội gắn với nghề. Mục tiêu của du lịch làng nghề là mang lại trải nghiệm văn hóa – giáo dục cho du khách, đồng thời thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm, tạo sinh kế và góp phần bảo tồn di sản văn hoá làng nghề.

Du lịch đường sông là loại hình du lịch diễn ra trên hoặc dọc theo các tuyến sông, sử dụng sông nước làm tuyến vận chuyển và không gian trải nghiệm. Du lịch làng nghề đường sông là sự kết hợp giữa du lịch đường sông và du lịch làng nghề, trong đó dòng sông trở thành tuyến kết nối các làng nghề thủ công truyền thống ven sông để tạo thành sản phẩm du lịch tổng hợp.

Du lịch làng nghề đường sông là một loại hình du lịch văn hóa – trải nghiệm – cộng đồng, trong đó: Không gian du lịch là các tuyến sông và vùng ven sông có làng nghề tập trung; Tài nguyên du lịch là làng nghề thủ công (bao gồm các giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể) kết hợp với tài nguyên sông nước (cảnh quan, bến bãi, hệ sinh thái ven sông); Hoạt động du lịch bao gồm: Tham quan, di chuyển bằng thuyền/tàu trên sông; Dừng chân ở các bến sông để tham quan làng nghề; Trải nghiệm quy trình sản xuất thủ công (làm gốm, dệt lụa, đan mây tre, vẽ tranh dân gian...); Mua sắm sản phẩm và thưởng thức ẩm thực, nghệ thuật dân gian tại không gian ven sông. Mục đích của du lịch làng nghề đường sông là khai thác giá trị của làng nghề, đem đến sự kết nối giá trị cảnh quan sông nước với di sản văn hóa của cộng đồng làng nghề, giúp du khách có trải nghiệm đa tầng, đồng thời hỗ trợ bảo tồn làng nghề và phát triển sinh kế cộng đồng. Đặc điểm khác biệt của du lịch làng nghề đường sông với du lịch làng nghề đường bộ là nó lấy tuyến sông làm hành lang du lịch chính, kết nối nhiều điểm đến làng nghề, mang lại sự trải nghiệm đa dạng và động lực cho du khách, đồng thời đòi hỏi phải có hạ tầng bến thuyền, dịch vụ ven sông bên cạnh sự tham gia chủ động của cộng đồng làng nghề trong việc khai thác giá trị của làng nghề để tạo ra sản phẩm du lịch đường sông.

2. Nhận diện các giá trị của làng nghề thủ công truyền thống có thể được khai thác để phát triển du lịch đường sông ở Vùng ĐBSH

Vùng ĐBSH là một trong những trung tâm phát triển ngành nghề thủ công truyền thống lâu đời và mạnh mẽ của Việt Nam. Theo số liệu thống kê của Hiệp hội Làng nghề Việt Nam, cả nước hiện có hơn 5.400 làng nghề. Trong đó, số lượng làng nghề ở miền Bắc đã chiếm gần 40% và tập trung đông nhất ở Vùng ĐBSH với khoảng 1.500 làng chia thành 11 nhóm nghề chính. Trong đó, có hơn 50 nghề có lịch sử phát triển hàng trăm năm như tơ lụa Vạn Phúc, đúc đồng Ngũ Xã, làm gốm Chu Đậu¹... Trong số 1.500 làng nghề, Vùng ĐBSH có khoảng 300 làng đã được công nhận là làng nghề truyền thống².

Theo các nghiên cứu của Pierre Gourou (1934)³, Phan Gia Bền (1957)⁴, Vũ Trung (2011)⁵, sự phân bố làng nghề trên Vùng ĐBSH không đồng đều. Khu vực phân bố đậm đặc làng nghề nằm dọc hai bên bờ của 5 con sông: sông Hồng, sông Đuống, sông Đáy, sông Luộc và sông Cầu. Các khu vực khác có mật độ làng nghề thấp hơn đáng kể.

Tại khu vực của 5 con sông trên, các cộng đồng làng nghề đã xây dựng và phát triển được nhiều nghề thủ công truyền thống độc đáo như nghề dệt; thêu; đan lát (sợi thừng, mây, tre, nứa, cói, bèo tây...); điêu khắc gỗ (đồ thờ, đồ gia dụng, ván in khắc, nông ngư cụ...); làm gốm, sứ (đồ thờ, đồ gia dụng, đồ trang trí); làm giấy, đồ mã; chạm, đúc đồng (đồ thờ, đồ gia dụng, đồ trang trí); chế tác đá mỹ nghệ (đồ thờ, đồ

¹ PGS.TS. Tô Hiến Thành- TS. Nguyễn Đức Long- Ths. Vũ Đình Thuận: “Phát triển du lịch làng nghề Vùng ĐBSH đến năm 2035: dự báo và một số khuyến nghị giải pháp” Tạp chí nghiên cứu Tài chính Kế toán, Kỳ 2 tháng 6 (số 242) - 2023

² <https://vusta.vn/nhin-lai-su-phat-trien-cua-lang-nghe-o-dong-bang-song-hong-p76046.html>

³ Pierre Gourou (1930) Người nông dân châu thổ Bắc Kỳ, Bản dịch tiếng Việt do Nxb Trẻ- Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp – Tạp chí Xưa và Nay -TP.HCM, 2015

⁴ Phan Gia Bền (1957) Sơ khảo lịch sử phát triển thủ công nghiệp Việt Nam, Nxb Văn Sử Địa, Hà Nội

⁵ Vũ Trung: “Hệ thống làng nghề ở châu thổ sông Hồng hiện nay”, Tạp chí Văn hoá nghệ thuật số 327, tháng 9-2011

gia dụng, đồ trang trí mỹ nghệ...), làm tranh dân gian (in tranh, vẽ tranh); sơn mài; kim hoàn,...

Năm 2024, toàn ngành thủ công mỹ nghệ của Việt Nam đạt giá trị xuất khẩu khoảng 2 tỷ USD⁶. Trong đó, các làng nghề của Vùng ĐBSH chiếm vai trò xuất khẩu chủ lực, chỉ tính riêng thành phố Hà Nội, tổng giá trị sản xuất của làng nghề đạt khoảng 948 triệu USD mỗi năm⁷.

Vùng ĐBSH hiện là thị trường du lịch lớn nhất cả nước với trên 75 triệu lượt khách. Năm 2024, chỉ tính riêng một số địa phương như Thủ đô Hà Nội đã đón khoảng 27 triệu lượt khách (trong đó có khoảng 5,5 triệu lượt khách quốc tế)⁸; tỉnh Quảng Ninh đón 19 triệu lượt khách (trong đó có khoảng 3,5 triệu lượt khách quốc tế)⁹; tỉnh Ninh Bình đón 8,5 triệu lượt khách¹⁰ ... Các làng nghề thủ công truyền thống nằm trong thị trường khách du lịch lớn nhất cả nước, kèm với vị trí thuận lợi gần các con sông lớn, lại sở hữu kho tàng di sản văn hoá vô cùng phong phú, đa dạng nên hoàn toàn có thể trở thành điểm đến thu hút mạnh mẽ khách du lịch, trong đó có du lịch đường sông.

Theo lý thuyết kinh tế di sản [David Throsby, 2001¹¹, Brian Graham, Greg Ashworth, John Tunbridge, 2000¹²], di sản văn hóa, bao gồm cả dạng vật thể và phi vật thể, là một dạng vốn văn hóa (cultural capital) đặc thù có thể được khai thác để phát triển kinh tế và phúc lợi xã hội. Du lịch là cơ chế hiệu quả nhất để chuyển hóa vốn văn hóa thành lợi ích kinh tế - xã hội, tạo ra một mô hình "bảo tồn động" thay vì bảo tồn "đóng băng" khiến di sản trở thành gánh nặng chi phí. Hoạt động du lịch

⁶ <https://van.nongnghieppoitruong.vn/vietnams-handicraft-export-turnover-in-2024-is-expected-to-reach-usd-2-billion-d405631.html>

⁷ <https://hanoitimes.vn/support-initiatives-fuel-growth-in-craft-villages.593620.html>

⁸ <https://vietnamlawmagazine.vn/hanoi-unveils-plan-to-attract-foreign-tourists-this-year-71158.html>

⁹ <https://vietnamtourism.gov.vn/post/60178>

¹⁰ <https://dulichninhbinh.com.vn/printer/2896>

¹¹ David Throsby (2001) Economics and Culture [Kinh tế và văn hoá]. Cambridge University Press; David Throsby (2010) The Economics of Cultural Policy [Kinh tế học của chính sách văn hoá]. Cambridge University Press

¹² Brian Graham, Greg Ashworth, John Tunbridge (2000) A Geography of Heritage: Power, Culture and Economy [Địa lý di sản: quyền lực, văn hóa và kinh tế] Oxford University Press

tạo ra một dòng chảy kinh tế, giúp cộng đồng có nguồn thu để tái đầu tư cho công tác bảo tồn, từ đó tăng cường sức sống cho di sản. Hoạt động này không chỉ tạo việc làm, nâng cao thu nhập mà còn giúp cộng đồng nâng cao ý thức gìn giữ bản sắc trước áp lực của công nghiệp hóa và toàn cầu hóa. Tuy nhiên, để tránh các tác động tiêu cực, việc phát triển du lịch phải tuân thủ nguyên tắc phát triển bền vững, đảm bảo sự cân bằng giữa kinh tế, xã hội - văn hóa, và môi trường (UNWTO, 2005¹³). Lý thuyết du lịch bền vững nhấn mạnh vai trò quản trị của các bên liên quan (chính quyền, doanh nghiệp, cộng đồng địa phương...) và sự tham gia chủ động của cộng đồng địa phương trong việc ra quyết định và hưởng lợi [Bramwell và Lane, 2011¹⁴; Dangi & Jamal, 2016¹⁵].

Trong bối cảnh làng nghề thủ công truyền thống Vùng ĐBSH, việc khai thác các giá trị của làng nghề có một số điểm cần lưu ý. Các di sản văn hoá vật thể mang tính hữu hình, dễ "hàng hóa hóa" thành sản phẩm du lịch thông qua vé tham quan hay bán hàng. Tuy nhiên, nguồn tài nguyên này có tính hữu hạn, phụ thuộc vào không gian vật lý, đòi hỏi chi phí bảo tồn cao và đối mặt với nguy cơ xuống cấp, mất giá trị nếu bị khai thác quá mức. Sản phẩm hàng hóa vật chất cũng dễ bị cạnh tranh bởi các sản phẩm công nghiệp tương tự. Di sản văn hoá phi vật thể, bao gồm tri thức, kỹ năng, ký ức, lễ hội và các tập quán xã hội... là nguồn tài nguyên vô hình. Nó có chi phí bảo tồn thấp hơn (chủ yếu qua truyền dạy), có khả năng tái tạo và linh hoạt thích ứng với bối cảnh mới. Lợi ích kinh tế của di sản phi vật thể đến từ việc tạo ra các dịch vụ trải nghiệm độc đáo, khó sao chép.

Du khách hiện nay có xu hướng ưu tiên trải nghiệm văn hóa địa phương chân thực thay vì chỉ tham quan đơn thuần [Richards, 2018] . Do đó, việc "bán" một câu

¹³ UNWTO (2005). Making Tourism More Sustainable: A Guide for Policy Makers. Madrid: World Tourism Organization and UNEP.

¹⁴ Bramwell và Lane (Ed.) (2011). Tourism Governance: Critical Perspectives on Governance and Sustainability, Routledge, 2011 (hardcover) / ~2014 (paperback)

¹⁵ Dangi, T. B., & Jamal, T. (2016). An integrated approach to "sustainable community-based tourism". Sustainability, 8(5), 475. <https://doi.org/10.3390/su8050475>

chuyện, một quy trình sản xuất, một trải nghiệm sống cùng nghệ nhân sẽ tạo ra lợi thế cạnh tranh độc nhất, giúp định vị thương hiệu văn hóa cho vùng. Tuy nhiên, rủi ro lớn nhất của di sản văn hoá phi vật thể là nguy cơ mất đi tính nguyên bản, phai nhạt bản sắc nếu bị thương mại hóa quá mức [UNWTO, 2012] .

Để phát triển du lịch bền vững, các bên tham gia khai thác giá trị của làng nghề thủ công truyền thống ở Vùng ĐBSH cần đảm bảo nguyên tắc mang lại lợi ích kinh tế lâu dài cho người dân; góp phần gìn giữ, phát huy giá trị nghề truyền thống và không gây tổn hại đến môi trường sông nước và không gian sống của cộng đồng làng nghề. Việc phát triển du lịch đường không chỉ đơn thuần là hình thành các phương tiện vận chuyển du lịch trên sông mà phải xây dựng chúng trở thành không gian trải nghiệm văn hóa di động, kết nối làng nghề – sông nước – cộng đồng thành hệ sinh thái du lịch bền vững. Nói cách khác, hoạt động khai thác chuỗi giá trị của làng nghề để phát triển du lịch đường sông là quá trình kiến tạo một hệ sinh thái du lịch, nơi sông nước - làng nghề - cộng đồng được kết nối hữu cơ, tạo thành một sản phẩm độc đáo, có sức cạnh tranh cao và đảm bảo sự phát triển hài hòa, lâu dài, cân bằng giữa các lợi ích về kinh tế, văn hoá – xã hội và môi trường.

Các giá trị của làng nghề thủ công truyền thống ở Vùng ĐBSH có thể khai thác để phát triển du lịch đường sông bao gồm giá trị lịch sử, kinh tế, văn hoá, xã hội, nghệ thuật, khoa học, giáo dục và cảnh quan môi trường.

- Giá trị lịch sử: Làng nghề thủ công truyền thống là không gian lưu giữ ký ức cộng đồng và lịch sử giao thương đường sông, phản ánh vai trò của hệ thống sông Hồng như “con đường tơ lụa” của vùng. Đây cũng là nơi bảo tồn dấu tích phường hội, trung tâm buôn bán cổ, tín ngưỡng thờ tổ nghề và thành hoàng. Khai thác giá trị lịch sử cho phép hình thành sản phẩm du lịch hấp dẫn, gắn với di tích, thương cảng cổ (Thăng Long, Phố Hiến...) và các làng nghề nổi tiếng. Du lịch đường sông kết nối các điểm này sẽ tạo hành trình khám phá chiều sâu lịch sử nghề thủ công và văn

hoá Vùng ĐBSH, phù hợp với du khách quốc tế và nhóm quan tâm đến lịch sử, học thuật.

- Giá trị văn hóa: Các làng nghề là “bảo tàng sống” của văn hóa cộng đồng, bảo tồn di sản văn hoá vật thể và văn hoá phi vật thể (công trình kiến trúc, di tích lịch sử văn hoá, nghi lễ, lễ hội, nghệ thuật dân gian...). Đây cũng là nơi kết tinh các loại hình văn hóa tôn giáo, tín ngưỡng (như Phật giáo, Đạo giáo, Ki tô giáo, các tôn giáo, tín ngưỡng bản địa) văn hoá nông nghiệp, văn hoá nước,... của cư dân đồng bằng Bắc Bộ. Khai thác các giá trị văn hoá này giúp các làng nghề có thể tạo ra các sản phẩm du lịch giàu trải nghiệm. Du khách có thể hoà mình vào các hoạt động nghi lễ, lễ hội cộng đồng, giao lưu với các nghệ nhân, khám phá các tập quán xã hội, văn hoá ẩm thực, tri thức dân gian... Du khách cũng có thể tham gia lưu trú tại nhà nghệ nhân, trải nghiệm thực hành nghề thủ công truyền thống và tham gia các hoạt động văn hoá truyền thống khác nhằm trải nghiệm, tìm hiểu về đời sống văn hóa làng nghề Vùng ĐBSH một cách toàn diện.

- Giá trị nghệ thuật: Nói đến các làng nghề thủ công truyền thống Vùng ĐBSH không thể không đề cập đến những sản phẩm phong phú, đa dạng được chế tác một cách tinh xảo, công phu, mang tính nghệ thuật thẩm mỹ cao như sản phẩm gốm; tranh; lụa; gỗ trạm khảm; đồ mã; đồ đan lát mây, tre, cói; chạm bạc, đúc đồng... Chúng không chỉ phục vụ nhu cầu của đời sống sinh hoạt, thờ cúng mà còn là tác phẩm phục vụ nhu cầu nghệ thuật. Việc tổ chức trình diễn quy trình làm nghề, workshop sáng tạo, hay triển lãm – gallery tại làng nghề hoặc trên du thuyền, ven sông, sẽ biến hành trình du lịch thành không gian nghệ thuật vô cùng hấp dẫn du khách. Đây là cách vừa bảo tồn, vừa phát huy giá trị của làng nghề đáp ứng xu hướng du lịch trải nghiệm, sáng tạo nghệ thuật; khuyến khích du khách tham gia trực tiếp vào quá trình sáng tạo các tác phẩm.

- Giá trị kinh tế: Các làng nghề thủ công truyền thống đem lại lợi ích trực tiếp từ sản xuất và gián tiếp từ dịch vụ du lịch. Sản phẩm thủ công thân thiện môi trường,

thẩm mỹ cao, được khách hàng trong và ngoài nước ưa chuộng, có thể trở thành quà lưu niệm du lịch đặc trưng của địa phương có làng nghề. Các dịch vụ trải nghiệm như nặn gốm, dệt lụa, in tranh, chạm khắc gỗ, kim loại, đan lát... vừa thu hút khách du lịch đến vừa góp phần tăng doanh thu. Việc khai thác giá trị kinh tế làng nghề thông qua tổ chức tour mua sắm, hội chợ phiên, hay chương trình dành cho nhà thiết kế, doanh nhân tìm nguồn hàng sẽ trở thành một hoạt động du lịch hấp dẫn, độc đáo giúp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Khi kết nối nhiều làng nghề trên tuyến du lịch đường sông, giá trị kinh tế của các làng nghề và vùng DBSH sẽ tăng lên, từ đó góp phần tạo ra chuỗi giá trị, mang lại sinh kế bền vững hơn cho người dân địa phương.

- Giá trị khoa học và giáo dục: Làng nghề là “kho tư liệu sống” về tri thức dân gian, phản ánh trình độ phát triển công nghệ, kỹ thuật của làng nghề. Hoạt động học tập qua nghề thủ công truyền thống giúp rèn luyện kỹ năng, tư duy khoa học, sự kiên nhẫn và sáng tạo. Các quy trình sáng tạo, chế tác sản phẩm làng nghề có thể đưa vào nội dung chương trình giáo dục trải nghiệm. Thực tế cho thấy, có nhiều địa phương (như làng nghề gốm Bát Tràng, làng nghề tranh Đông Hồ, làng nghề giấy Yên Thái...) đã và đang khai thác giá trị khoa học và giáo dục của làng nghề để tổ chức các khoá học “khoa học trong nghề thủ công” (ví dụ: học về nguyên lý hóa học của men gốm, chất nhuộm tự nhiên, xử lý chất liệu giấy...), cách làm này gần gũi với mô hình giáo dục STEM (khuyến khích học sinh tư duy logic, sáng tạo, ứng dụng công nghệ và rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm). Chúng biến các làng nghề không chỉ trở thành trung tâm trải nghiệm tri thức bản địa (living museum) mà còn là cầu nối kết nối tri thức truyền thống với khoa học hiện đại..

- Giá trị xã hội: Nghề thủ công là cầu nối liên thế hệ, quá trình truyền nghề gắn với việc truyền dạy đạo đức, chuẩn mực ứng xử, tăng cường gắn kết gia đình – cộng đồng. Các lễ hội làng, lễ giỗ tổ nghề góp phần duy trì tinh thần đoàn kết, tương trợ, nuôi dưỡng niềm tự hào quê hương. Khai thác giá trị xã hội giúp khuyến khích sự

tham gia cộng đồng, lan tỏa bản sắc văn hoá làng nghề, đồng thời tạo cơ hội để du khách tham gia hoạt động thiện nguyện, bảo vệ môi trường, gây quỹ bảo tồn nghề thủ công truyền thống. Điều này góp phần nâng cao trách nhiệm xã hội của du khách trong phát triển du lịch bền vững.

- Giá trị cảnh quan: Phần lớn làng nghề nằm ven sông, gắn với hệ sinh thái đồng bằng châu thổ phong phú. Du lịch đường sông mở ra góc nhìn mới: từ du thuyền, du khách chiêm ngưỡng cảnh quan làng xóm, đồng ruộng, di tích ven sông, đồng thời trải nghiệm văn hóa làng nghề và ẩm thực truyền thống. Không gian sông nước mang đến sự thư thái, lãng mạn, phù hợp với du lịch trải nghiệm chậm. Việc tích hợp làng nghề như “điểm dừng cảnh quan” trên hành trình du lịch đường sông sẽ làm giàu giá trị thẩm mỹ và nghệ thuật của các sản phẩm du lịch.

Tóm lại, các làng nghề ở Vùng ĐBSH không chỉ có giá trị kinh tế, mà còn hàm chứa chiều sâu lịch sử, các giá trị văn hóa, nghệ thuật, khoa học, giáo dục, xã hội và cảnh quan. Đây là những yếu tố kết hợp du lịch làng nghề với tuyến du lịch đường sông, tạo ra các sản phẩm du lịch mới độc đáo vừa nâng cao tính trải nghiệm, vừa đậm đà bản sắc văn hoá địa phương. Khai thác tổng thể các giá trị này sẽ góp phần đa dạng hóa loại hình du lịch, tăng sức hấp dẫn cho các làng nghề, Vùng ĐBSH, đồng thời mở ra cơ hội bảo tồn và phát huy có hiệu quả nghề thủ công truyền thống.

3. Thực trạng khai thác các giá trị làng nghề thủ công truyền thống để xây dựng sản phẩm du lịch đường sông ở Vùng ĐBSH

Trong nhiều trăm năm, các dòng sông thuộc hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình của Vùng ĐBSH là “mạch máu kinh tế – văn hoá” nuôi dưỡng, lan tỏa và phát triển nghề thủ công truyền thống. Chúng cung cấp nguyên liệu, hạ tầng giao thông và là không gian giao lưu văn hoá của các cộng đồng làng nghề với các cộng đồng khác của Vùng châu thổ sông Hồng.

Mặc dù hiện nay, vai trò vận tải hàng hoá và giao thương của các dòng sông đối với phát triển làng nghề có phần thay đổi do bị cạnh tranh bởi mạng lưới giao

thông đường bộ và chế độ dòng chảy thay đổi. Nhưng không vì thế mà tiềm năng lợi thế của các dòng sông mất đi. Việc đầu tư khai thác phát triển du lịch đường sông đã và đang mở ra cơ hội mới về phát triển du lịch văn hoá – làng nghề, gắn làng nghề với chiến lược phát triển bền vững di sản văn hoá và hoạt động kinh tế sáng tạo của các tỉnh, thành phố có các dòng sông chảy qua.

Năm 2023 và 2024, Viện Văn hoá, Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch Việt Nam triển khai nhiệm vụ nghiên cứu khảo sát, đánh giá thực trạng hoạt động khai thác giá trị của các làng nghề thủ công truyền thống để phát triển du lịch đường sông ở Vùng ĐBSH. Nhóm nghiên cứu đã tổ chức nhiều đợt điền dã, điều tra, phỏng vấn, thảo luận với người dân và khách du lịch đến tham quan làng nghề, trong đó có một số làng nghề và từng là làng nghề thủ công truyền thống nổi tiếng nằm trên tuyến sông Hồng, sông Đuống và sông Đáy. Trên cơ sở lấy tiêu chí đặc điểm phân bố các làng nghề nằm gần sông (bán kính khoảng 5km hoặc gần các chi lưu thuận tiện kết nối với tuyến sông chính), nhóm nghiên cứu đã xác định được một danh sách gồm nhiều làng như sau:

- Các làng nghề trên tuyến sông Hồng có làng nghề làm điều Bá Dương Nội, làng gốm Bát Tràng, đan lát mây tre Ninh Sở, làm giấy Yên Thái, đúc đồng Ngũ Xã, sơn mài Hạ Thái, dát vàng Kiều Ky, nặn tò he Xuân La, gỗ mỹ nghệ Tân Dân...(Hà Nội); làm trống Đọi Tam, dệt lụa Nha Xá, làm mộc Mai Xá (Ninh Bình),...

- Các làng nghề trên tuyến sông Đuống có làng làm tranh Đông Hồ, đan tre, mây Xuân Lai, gốm Phù Lãng, gỗ mỹ nghệ Đồng Kỵ, đúc đồng Đại Bái (Bắc Ninh)...

- Các làng nghề trên tuyến sông Đáy có làng dệt lụa Vạn Phúc, làm nón Chuông, mây tre đan Phú Vinh, làm quạt giấy Chàng Sơn, làm chuồn chuồn tre Trạch Xá, dệt lụa Phùng Xá, rỗi cạp Tế Tiêu (Hà Nội), đá mỹ nghệ Ninh Vân, thêu ren Văn Lâm, thêu ren Thanh Hà, chạm khắc gỗ La Xuyên, đúc đồng Tống Xá, một số làng (như

Kim Sơn, Văn Hải, Cồn Thoi, Quang Thiện, Hồi Ninh, Lai Thành...) làm cối, bèo ở huyện Kim Sơn cũ (Ninh Bình)...

Ngoài một số làng nghề nằm dọc 3 con sông trên, nhóm nghiên cứu của Viện Văn hoá, Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch Việt Nam còn nghiên cứu bổ sung một số làng nghề khác phân bố trong khu vực chi lưu của hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình để tìm hiểu về thực trạng hoạt động du lịch kết nối giữa các làng nghề.

Kết quả nghiên cứu cho thấy chính quyền, doanh nghiệp, cộng đồng địa phương và một số tổ chức xã hội- nghề nghiệp đã tăng cường đầu tư, khai thác các giá trị làng nghề để phát triển du lịch đường sông, cụ thể là trên một số đoạn tuyến sông Hồng và sông Đuống. Một số địa phương (như Hà Nội, Ninh Bình, Quảng Ninh,) đã thu hút được doanh nghiệp trong nước và nước ngoài tham gia đầu tư phát triển du lịch đường sông, cung cấp tour tham quan trải nghiệm làng nghề thủ công truyền thống trên dọc tuyến hành trình kết hợp mô hình du lịch nghỉ dưỡng - sinh thái, văn hoá - tâm linh. Các hoạt động này đã góp phần thúc đẩy phát triển du lịch làng nghề, tạo ra sản phẩm du lịch mới, khác biệt với du lịch đường bộ phục vụ du khách của Vùng ĐBSH.

Sau đây là tóm tắt những kết quả đạt được:

- *Xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển làng nghề thủ công truyền thống*: Chính phủ, các bộ ngành, địa phương trong Vùng ĐBSH đã ban hành các quy định pháp luật về phát triển ngành nghề nông thôn; chính sách hỗ trợ bảo tồn nghề thủ công truyền thống (về vốn, đất đai, đào tạo nhân lực,...), khuyến khích phát triển du lịch làng nghề; xây dựng các tiêu chí và quy trình tổ chức đánh giá, xếp loại hoạt động làng nghề gắn với các mục tiêu phát triển bền vững. Việc chỉ đạo và điều hành nhiệm vụ bảo tồn và phát triển làng nghề gắn với phát triển du lịch được thực hiện đồng bộ từ trên xuống dưới, theo các chiến lược, chương trình, kế hoạch, đề án hoặc quy hoạch liên quan đến bảo tồn và phát triển làng nghề do Chính phủ, UBND tỉnh, thành phố ban hành (với thời gian thực hiện 5 - 10 năm)

- *Đẩy mạnh khai thác giá trị kinh tế*: Nhiều làng nghề đã được Nhà nước đầu tư cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện hạ tầng giao thông, cấp điện, cấp thoát nước, xử lý môi trường nhằm nâng cao chất lượng phục vụ nhu cầu sản xuất, sinh hoạt của nhân dân và nhu cầu phát triển du lịch. Các địa phương quy hoạch, mở rộng và sắp xếp lại các cụm, điểm làng nghề để giảm ô nhiễm môi trường và tạo điều kiện thuận lợi sản xuất; Hỗ trợ phát triển các sản phẩm đặc trưng của làng nghề, nâng cao chất lượng, giá trị và thương hiệu sản phẩm làng nghề gắn sản xuất với thị trường và du lịch theo tiêu chuẩn OCOP. Nhiều sản phẩm làng nghề được công nhận 3–4–5 sao OCOP (sản phẩm 5 sao được khuyến khích xuất khẩu, trở thành thương hiệu quốc gia). Đây là chương trình có tính tương đồng với các mô hình thành công ở Nhật Bản (OVOP – One Village, One Product) hay Thái Lan (OTOP – One Tambon, One Product).

Bên cạnh đó, một số làng nghề còn được xây dựng bảo tàng làng nghề, trung tâm triển lãm, giới thiệu sản phẩm, khu trưng bày sản phẩm thủ công truyền thống, chợ làng nghề (ví dụ: các làng làm gốm Bát Tràng, lụa Vạn Phúc, gỗ Chàng Sơn, đồng Ngũ Xã, lụa Phùng Xá (Hà Nội); tranh Đông Hồ, gốm Phù Lãng (Bắc Ninh); đá Ninh Vân, đan cói Quang Thiện, gỗ La Xuyên, đúc đồng Tống Xá (Ninh Bình),... Để kết nối sản phẩm OCOP của làng nghề và du lịch trải nghiệm, một số địa phương như thành phố Hà Nội đã hỗ trợ tổ chức chuỗi hoạt động triển lãm, quảng bá sản phẩm làng nghề tăng cường liên kết với sản phẩm du lịch. Tỉnh Bắc Ninh có giải pháp xây dựng làng tranh Đông Hồ làm điểm thí điểm sản phẩm OCOP về du lịch, quy hoạch điểm dừng chân, phân khu trải nghiệm, cải tạo chợ/ki-ốt trưng bày sản phẩm OCOP, bố trí “đường tranh” vào làng. Mục tiêu của tỉnh Bắc Ninh là chuyển đổi làng nghề truyền thống thành điểm du lịch cộng đồng chuẩn OCOP. Bên cạnh đó một số làng nghề (như Bát Tràng, Đông Hồ...) được bổ sung hệ thống biển báo phục vụ khách tham quan làng nghề

- *Tiếp tục tăng cường bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá làng nghề gắn với phát triển du lịch:* Trong khoảng 15 năm trở lại đây, các tỉnh, thành phố Vùng ĐBSH đã tập trung huy động nguồn lực lớn từ ngân sách nhà nước và xã hội hoá tu bổ, tôn tạo nhiều công trình di tích lịch sử văn hoá của làng nghề như đình, chùa Bát Tràng; đình Vạn Phúc; đình làng Chuông, đình làng Phú Vinh (Hà Nội); đình làng Đông Hồ, đình Phù Lãng (Bắc Ninh), quần thể di tích đình, đền, chùa Ninh Sở, ... Trong đó, đa số di tích gắn với tín ngưỡng thờ tổ nghề truyền thống. Cùng với khai thác giá trị các di tích của làng nghề, các tỉnh thành phố còn thực hiện nhiều dự án tu bổ, tôn tạo các di tích tiêu biểu gắn với các tuyến du lịch và tuyến tham quan làng nghề như đền Mẫu Phố Hiến (gắn với địa danh thương cảng nổi tiếng trong quá khứ), đình Chèm, chùa Bút Tháp, chùa Dâu, đền Kinh Dương Vương, khu di tích Cổ Loa, khu di tích Hoàng Thành- Thăng Long... Mục đích của các dự án tu bổ di tích là nhằm bảo tồn, ngăn chặn sự xuống cấp của các di tích đồng thời duy trì và phát triển văn hoá truyền thống, tạo ra điểm nhấn tham quan, trải nghiệm văn hoá của làng nghề và văn hoá Vùng ĐBSH cho du khách.

Cùng với hoạt động đầu tư khai thác giá trị các di sản văn hoá vật thể, các làng nghề còn triển khai nhiều nhiệm vụ bảo tồn và phát huy kho tàng di sản văn hoá phi vật thể như khôi phục và duy trì nghi lễ, lễ hội truyền thống (đặc biệt là các lễ hội liên quan đến tổ nghề); xây dựng câu lạc bộ văn nghệ dân gian, đội nghệ thuật quần chúng gắn với bảo tồn, phát triển dân ca, dân vũ, dân nhạc. Các hoạt động lễ hội tôn vinh nghề và tổ nghề đã thu hút đông đảo cộng đồng và khách du lịch tham gia (Lễ hội gồm Bát Tràng, Lễ hội tổ nghề mây tre Phú Vinh...). Một số làng nghề trở thành không gian sáng tạo kết hợp nghệ thuật đương đại (ví dụ: làng gốm Kim Lan, làng gốm Bát Tràng với triển lãm, workshop nghệ thuật).

Nhằm phát huy giá trị di sản văn hoá phi vật thể của làng nghề, chính quyền và cộng đồng các địa phương đã thực hiện xây dựng hồ sơ di sản (loại hình tập quán xã hội tín ngưỡng, nghề thủ công truyền thống, nghệ thuật trình diễn...) đề cử UNESCO

đưa vào Danh sách di sản văn hoá phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp như Nghề làm tranh dân gian Đông Hồ; đề cử Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh sách di sản văn hoá phi vật thể quốc gia như Nghề làm gốm truyền thống Bát Tràng; Nghề gốm Phù Lãng; Nghề quỳ vàng bạc Kiều Ky; Nghề thủ công truyền thống Nghề may Trạch Xá; Tập quán xã hội và tín ngưỡng Hội điều làng Bá Dương Nội; Rối cạp Té Tiêu; Nghề thủ công tre, trúc Xuân Lai; Nghề làm trống Đọi Tam; Nghề thêu ren Thanh Hà; Nghề sơn mài Cát Đằng, ...).

Chính quyền địa phương có làng nghề thường xuyên phối hợp với cộng đồng làng nghề tổ chức sự kiện triển lãm sản phẩm làng nghề, tôn vinh các nghệ nhân ưu tú- nhân dân, những người có nhiều đóng góp về bảo vệ và phát triển làng nghề truyền thống. Việc tổ chức xét công nhận tiêu chí đưa vào danh sách “làng nghề truyền thống”, “làng nghề tiêu biểu”, “nghề truyền thống”, “nhãn hiệu tập thể”, “danh sách di sản văn hoá phi vật thể của UNESCO”, “danh sách di sản văn hoá phi vật thể đại diện quốc gia”, “nghệ nhân ưu tú”, “nghệ nhân nhân dân” và bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận liên quan đến làng nghề truyền thống thực tế đã góp phần nâng cao giá trị và vị thế của các làng nghề trên thị trường du lịch Vùng ĐBSH.

- *Tăng cường khai thác giá trị khoa học và giáo dục của làng nghề:* Những năm gần đây, các làng nghề đã đẩy mạnh tổ chức các tour du lịch kết hợp học tập, trải nghiệm cho học sinh, sinh viên (đến làng nghề học thực hành vẽ gốm, dệt lụa, làm tranh dân gian). Một số trường nghề, trường mỹ thuật phối hợp với các nghệ nhân mở lớp đào tạo ngắn hạn tại làng nghề; xây dựng các chương trình ngoại khóa “Một ngày làm nghệ nhân” để giáo dục thế hệ trẻ về nghề truyền thống. Một số làng nghề như làng gốm Bát Tràng, làng gốm Phù Lãng, làng tranh Đông Hồ... đã triển khai truy xuất nguồn gốc, tem QR cho sản phẩm; kết hợp công nghệ thực tế ảo AR/VR làm tour du lịch ảo (như làng gốm Bát Tràng và Chu Đậu) để khách tham quan từ xa.

- *Nâng cao giá trị cảnh quan và bảo vệ môi trường làng nghề*: Một số địa phương đã xây dựng cảnh quan du lịch xanh ven sông gắn với làng nghề (Bát Tràng – Hà Nội). Nhiều làng nghề đưa vào mô hình làng nghề du lịch cộng đồng, kết hợp trải nghiệm nhà cổ, không gian sông nước, đồng quê. Một số nơi đã triển khai dự án xử lý môi trường thí điểm (xử lý nước thải của làng gốm Bát Tràng, dệt nhuộm Vạn Phúc) tạo dựng hình ảnh “làng nghề xanh – sạch – đẹp” để thu hút khách du lịch.

- *Hình thành một số tuyến du lịch đường sông tham quan các làng nghề do các doanh nghiệp, hợp tác xã trong nước và nước ngoài đầu tư khai thác*: Hiện nay, Vùng ĐBSH đã hình thành được một số tuyến du lịch đường sông. Có 2 hình thức du lịch đường sông: (1) sử dụng phương tiện thuyền nhỏ chở khách tham quan các di tích – danh thắng kết hợp tham quan làng nghề trên các sông suối nhỏ (như phụ lưu sông Đáy) và (2) sử dụng du thuyền hoặc thuyền lớn chở khách tham quan dọc hành trình tuyến sông.

Hình thức du lịch đưa khách tham quan bằng thuyền nan nhỏ phát triển mạnh ở một số đoạn phụ lưu sông Đáy thuộc địa phận thành phố Hà Nội và tỉnh Ninh Bình. Đó là đoạn suối Yên đến di tích chùa Hương (Hà Nội); đoạn sông Ngô Đồng đến Tam Cốc – Bích Động, Kênh Gà – Vân Trình, Vân Long; Sông Sào Khê (Ninh Bình)... Nằm cách không xa tuyến du lịch này là một số làng nghề truyền thống như Rối cạp Tế Tiêu, dệt lụa Phùng Xá (Hà Nội), thêu ren Văn Lâm, chế tác đá Ninh Vân (Ninh Bình). Đơn vị cung cấp dịch vụ chèo thuyền chủ yếu là các hợp tác xã địa phương. Theo đánh giá của khách du lịch và người làm nghề chèo thuyền của các hợp tác xã, du lịch đường sông đã trở thành một phần không thể thiếu trong hệ thống sản phẩm du lịch địa phương dựa trên khai thác giá trị di sản văn hoá. Nhờ có loại hình dịch vụ này mà số lượng khách du lịch đến tham quan các di tích và làng nghề ngày càng đông. Theo số liệu ước tính của các hợp tác xã cung cấp dịch vụ chèo thuyền, tổng số lượt khách phục vụ mỗi năm lên đến hàng trăm nghìn lượt người.

Hình thức du lịch sử dụng tàu thuyền quy mô lớn chở khách dọc hành trình tuyến sông được khai thác chủ yếu trong phạm vi các sông có thể đáp ứng được yêu cầu (về chế độ dòng chảy, độ cao tĩnh không thông thuyền, bến đỗ...). Có 2 đơn vị tiêu biểu là Xí nghiệp đầu tư và phát triển du lịch sông Hồng- một doanh nghiệp trong nước thuộc Công ty cổ phần Thăng Long GTC (công ty kinh doanh đa ngành nghề) và doanh nghiệp nước ngoài Công ty Pandaw River Cruises (thường được viết Pandaw) là một công ty du thuyền đường sông có trụ sở đăng ký tại Vương quốc Anh.

Xí nghiệp đầu tư và phát triển du lịch sông Hồng bắt đầu khai thác tuyến du lịch đường sông từ năm 2004, phạm vi khai thác chủ yếu trên tuyến sông Hồng từ đoạn chảy qua trung tâm thành phố Hà Nội đến thành phố Hưng Yên (dài khoảng 60km) và trên tuyến sông Đuống từ đoạn ngã ba sông Đuống nối với sông Hồng đến bến Kim Sơn - thành phố Hà Nội (dài khoảng 30km). Khi thực hiện các chương trình du lịch khám phá các điểm đến xa hơn, doanh nghiệp không sử dụng tàu mà sẽ kết hợp phương tiện vận chuyển khách bằng tàu thủy trên sông và ô tô theo đường bộ nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh và đáp ứng nhu cầu của khách du lịch.

Xí nghiệp đầu tư và phát triển du lịch sông Hồng có 2 tàu, mỗi tàu có khả năng vận chuyển được khoảng 60 hành khách gồm thủy thủ đoàn. Từ năm 2023, do số lượng khách giảm mạnh so với giai đoạn đầu và yêu cầu chất lượng dịch vụ vận chuyển khách cao hơn nên doanh nghiệp chỉ còn sử dụng 1 tàu - du thuyền Thăng Long Victory chuyên chở khách tham quan làng nghề. Đây là con thuyền được doanh nghiệp mới chuyển từ chạy tuyến du lịch biển Cát Bà- Hải Phòng sang chạy tuyến du lịch đường sông. Thuyền được thiết kế 2 tầng với nội thất đơn giản cung cấp dịch vụ ăn uống, thuyết minh và thông tin liên lạc (internet không dây) trên tàu. Tầng 1 là khoang phục vụ khách ăn uống, có trang bị điều hoà không khí. Số lượng thủy thủ đoàn phục vụ trên tàu thường xuyên có từ 4 đến 5 người.

Trong số 7 chương trình du lịch được doanh nghiệp xây dựng và công bố trên cổng thông tin điện tử www.dulichsonghong.com, có 2 chương trình liên quan đến hoạt động du lịch tham quan, khám phá làng nghề (làng nghề gốm Bát Tràng và làng nghề đan lát mây tre Ninh Sở) tại thành phố Hà Nội. Các chương trình đều kết nối điểm tham quan làng nghề với các điểm đến di tích lịch sử - văn hoá nổi tiếng như đền Đại Lộ, đền Dầm (thờ thánh Mẫu), đền Đa Hoà (thờ thánh Chử Đồng Tử - Tiên Dung).

Tại làng nghề Bát Tràng, doanh nghiệp có liên kết, hợp tác với các công ty lữ hành, một số hộ gia đình người dân của làng nghề cung cấp các sản phẩm, dịch vụ như sau: Thuyết minh thông tin sơ lược về lịch sử văn hoá làng nghề; Hướng dẫn khách mua sản phẩm tại các hộ gia đình, cửa hàng; tìm hiểu các loại mẫu mã sản phẩm gốm tại các khu/trung tâm trưng bày sản phẩm gốm; mua vé tham quan Bảo tàng gốm Bát Tràng, Trung tâm Tinh hoa Làng nghề Việt, nơi lưu giữ tinh hoa của nghệ thuật gốm Việt. Hướng dẫn khách tìm hiểu các công trình kiến trúc, di tích lịch sử văn hoá làng nghề (đi bộ tham quan các ngôi nhà cổ, ngõ xóm, đình, đền Bát Tràng); tham quan một số không gian sáng tạo, phòng trưng bày tác phẩm gốm nghệ thuật. Vào dịp lễ hội làng Bát Tràng, đơn vị sẽ đưa du khách đến Bát Tràng tham dự và khám phá thực hành tín ngưỡng, lễ hội truyền thống. Ở làng nghề Ninh Sở, hoạt động khai thác giá trị của làng nghề chủ yếu tập trung vào khía cạnh cung cấp cho khách du lịch nội dung văn bản về truyền thuyết liên quan đến các vị thánh được cộng đồng tôn thờ; hướng dẫn tham quan cụm di tích lịch sử văn hoá làng nghề (đình, đền của làng Ninh Sở). Do thời gian tham quan làng nghề cả 2 địa điểm Bát Tràng và Ninh Sở chỉ khoảng 3 giờ đồng hồ nên du khách hầu như ít có cơ hội tham gia khám phá, trải nghiệm văn hoá nhiều tại đây.

Theo số liệu của Xí nghiệp đầu tư và phát triển du lịch sông Hồng trong hai năm (2023-2024), doanh nghiệp phục vụ khoảng 7000 lượt khách du lịch mỗi năm, chủ yếu là khách trong nước, đến tham quan các làng nghề bằng đường sông. Chi

phí mỗi khách phải trả trung bình 800.000 đồng (30 USD) cho chuyến tham quan làng nghề truyền thống. Số lượt khách du lịch đường sông so với khách du lịch đường bộ đến làng nghề Bát Tràng và Ninh Sở chiếm chưa tới 0,05% tổng số khách đến làng nghề (theo số liệu công bố của Sở Du lịch thành phố Hà Nội). Điều đó cho thấy, tác động và sức thu hút của thị trường sản phẩm du lịch đường sông còn rất hạn chế.

Công ty Pandaw River Cruises ban đầu hoạt động chủ yếu ở khu vực Lào, Campuchia, Ấn Độ, nổi tiếng với các chương trình du lịch khám phá trên sông Mê Kông. Năm 2015, doanh nghiệp này đã di dời một tàu có mớn nước nông là Angkor Pandaw (có khả năng chở 32 người gồm cả thủy thủ đoàn) đến khai thác tuyến du lịch đường sông Vùng ĐBSH. Đây là chiếc du thuyền được thiết kế giống những chiếc du thuyền sang trọng thời thuộc địa thế kỷ 19 cung cấp dịch vụ ăn uống, lưu trú, thuyết minh và thông tin liên lạc (internet không dây) trên tàu. Hành trình của tàu Angkor Pandaw được tổ chức dưới hình thức trọn gói 10 đêm, kéo dài quanh năm, nhưng có sự điều chỉnh hành trình theo mùa (tùy theo mực nước sông, vốn dao động đáng kể tùy thuộc vào lượng mưa của Vùng ĐBSH). Hành khách đi tàu Pandaw (chủ yếu là khách quốc tế) bắt đầu hành trình trên sông Hồng tại Hà Nội với dịch vụ đưa đón bằng xe khách từ sân bay hoặc khách sạn Pan Pacific của thành phố đến các điểm khởi hành của tàu ở Phú Thọ hoặc đảo Tuần Châu (Quảng Ninh).

Theo lịch trình của du thuyền Pandaw, du khách có đến tham quan, trải nghiệm một số làng nghề nổi tiếng trên hành trình như làng nghề múa rối nước Thanh Hà, dệt lụa Cổ Chất, đan lục bình Khánh Thiện (Ninh Bình), làm gốm Bát Tràng và làng nghề làm nón Chuông. Đây là hành trình du lịch khám phá nhiều làng nghề nhất (với ít nhất 5 làng nghề, chưa kể du khách có thể tự do khám phá dấu vết của các phường nghề ở trung tâm thủ đô Hà Nội như đúc đồng Ngũ Xã, làm giấy Yên Thái, làm tranh Hàng Trống, làm đồ mã Hàng Mã, chạm bạc Hàng Bạc, rèn đúc Lò Rèn....). Hành trình đường sông của Pandaw cũng đi qua nhiều con sông nhất như sông Cẩm, sông

Kinh Thầy, sông Thái Bình, sông Luộc, sông Đáy, sông Hồng, sông Đà, sông Lô..., chưa kể còn khám phá một số phụ lưu của sông Đáy tại Ninh Bình bằng thuyền nhỏ.

Giống như Xí nghiệp đầu tư và phát triển du lịch sông Hồng, Pandaw River Cruises chỉ phục vụ một lượng nhỏ khách nhỏ có khả năng chi tiêu cao cho du lịch (chi phí khoảng 2500 USD/1 khách). Số lượt khách du lịch tham gia du lịch đường sông chỉ chiếm một phần không đáng kể so với tổng số lượt khách du lịch đến tham quan làng nghề bằng đường bộ.

Có thể nói rằng, hoạt động khai thác giá trị làng nghề thủ công truyền thống để phát triển du lịch đường sông của Vùng ĐBSH thời gian qua đã đạt được một số kết quả tích cực, góp phần đa dạng hóa sản phẩm du lịch và gia tăng trải nghiệm cho du khách. Một số tuyến du lịch đã bước đầu kết nối với các làng nghề, tạo cơ hội quảng bá sản phẩm thủ công truyền thống và nâng cao thu nhập cho cộng đồng địa phương. Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, hoạt động này còn bộc lộ không ít mặt hạn chế, bất cập, khiến cho sự kết nối giữa các làng nghề với du lịch đường sông chưa thể hình thành được một hệ sinh thái, sản phẩm du lịch đặc trưng hấp dẫn, có sức cạnh tranh cao và phát triển bền vững. Tiềm năng của các làng nghề thủ công truyền thống chưa được khai thác một cách mạnh mẽ.

Sau đây là một số mặt hạn chế đáng chú ý của hoạt động khai thác giá trị làng nghề và phát triển du lịch đường sông ở Vùng ĐBSH:

- Về quản lý, chính sách, liên kết: Hoạt động khai thác các giá trị làng nghề truyền thống để phát triển du lịch đường sông còn thiếu sự liên kết, quy hoạch vùng và cơ chế liên ngành đồng bộ. Quy hoạch phát triển du lịch đường sông thiếu tính liên vùng, chồng chéo chức năng: nhiều chương trình, kế hoạch địa phương chưa gắn kết thành tuyến du lịch đường sông liên tỉnh; thủ tục liên tỉnh/phối hợp còn rời rạc. Hệ quả là không có “hành lang du lịch” liên hoàn, khiến cho các doanh nghiệp khó tổ chức tour liên tỉnh, chưa có hành lang du lịch đường sông kết nối Hà Nội – Bắc Ninh- Hưng Yên – Ninh Bình- Hải Phòng- Quảng Ninh...

- Về hạ tầng giao thông thủy, an toàn và trung chuyển: Hệ thống bến bãi du lịch đường sông nói chung, du lịch làng nghề đường sông nói riêng chưa đạt chuẩn, thiếu bến trung chuyển, chỗ neo đậu an toàn nên dẫn đến sự hạn chế khai thác thuyền du lịch và kết nối với điểm vào sâu nội địa. Tiêu chuẩn an toàn đường thủy, phao cứu sinh, hướng dẫn an toàn còn hạn chế làm rủi ro về an toàn tác động trực tiếp tới uy tín sản phẩm du lịch ven sông. Trên khu vực thành phố Hà Nội, chỉ có 2 bến tàu được cấp phép đón trả khách du lịch (là bến 46 Chương Dương Độ và 1183 Bạch Đằng). Trải dọc theo tuyến sông Hồng bao gồm các tỉnh Bắc Ninh – Hưng Yên và Phú Thọ chưa có bến tàu khách du lịch mà chủ yếu là bến phà hoặc bến đò ngang. Điều này khiến cho việc tổ chức tour, tuyến du lịch đường sông gặp rất nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, khu vực bến tàu khách du lịch 46 Chương Dương Độ, nằm trong trung tâm thành phố Hà Nội chưa được bàn giao cho đơn vị cụ thể quản lý, khai thác nên còn dễ xảy ra tình trạng vứt rác thải gây ô nhiễm môi trường, không có bảo vệ trông nom khiến du khách không cảm thấy sự an toàn khi vào buổi tối tham dự các chương trình du lịch trên sông. Mặc dù đây là cơ sở đầu bến đón các tàu du lịch đường sông trong nước và quốc tế đến tham quan thủ đô nhưng chưa được đầu tư xây dựng đạt chuẩn bến tàu du lịch. Điểm đến dọc theo hai bên sông Hồng và sông Đuống có rất nhiều di tích lịch sử văn hoá nổi tiếng như Đền Phù Đồng, chùa Bút Tháp, chùa chùa Chuông, đền Trần, Phố Hiến ... nhưng vẫn chưa xây dựng được bến đỗ neo đậu tàu và xây dựng đường vào nên gặp nhiều khó khăn cho việc đưa khách đến tham quan. Các biển hiệu thiếu thông tin đa ngôn ngữ, ít sản phẩm thiết kế riêng cho thị trường quốc tế.

- Về sản phẩm du lịch, trải nghiệm, chất lượng dịch vụ: Sản phẩm du lịch làng nghề đường sông còn đơn điệu, thiếu chiều sâu khai thác giá trị nghệ thuật và lịch sử. Nhiều làng chỉ mở cửa trưng bày, cho khách xem sản phẩm làng nghề chứ hiếm khi cung cấp tour trải nghiệm sáng tạo, cung cấp những thông tin về câu chuyện lịch sử một cách chuyên nghiệp. Các chương trình du lịch chưa gắn kết giá trị nghề thủ

công với văn hóa cộng đồng làng nghề: hầu hết các hoạt động lễ hội, nghệ thuật diễn xướng dân gian, trò chơi dân gian, ẩm thực dân gian chưa được đưa vào tour du lịch đường sông. Điều này khiến cho các làng nghề khó giữ chân khách và tăng giá trị chi tiêu. Các sản phẩm lưu niệm ít sự đổi mới: hình thức, mẫu mã chưa đáp ứng thị hiếu của khách hàng cao cấp (nhiều du khách quốc tế và khách trong nước có khả năng chi tiêu cao cho biết khó chọn mua sản phẩm ưng ý). Các tuyến du lịch đường sông cũng đang thiếu sản phẩm theo mùa vụ, sự kiện. Đầu ra của hoạt động khai thác giá trị làng nghề còn chưa cụ thể hoá thành các sản phẩm, dịch vụ: thiếu tiêu chuẩn, quy trình trải nghiệm (workshop, lớp học, lưu niệm có giá trị) dẫn đến các sản phẩm lưu niệm chất lượng chưa đồng đều, khó tiếp cận thị trường cao cấp. Chất lượng dịch vụ du lịch làng nghề đường sông còn chưa đồng đều. Ngoài Hà Nội và Ninh Bình, các tỉnh, thành phố còn lại chưa xây dựng được tuyến du lịch đường sông sử dụng phương tiện đạt chuẩn. Với các tuyến đường sông đang khai thác, số lượng hướng dẫn viên am hiểu về các làng nghề còn hạn chế, các nghệ nhân chưa được đào tạo bài bản về kỹ năng thuyết minh, tiếp cận khách quốc tế. Việc kết nối tour du lịch đường sông còn rời rạc: Nhiều tuyến du lịch phục vụ đối tượng khách trong nước mới chỉ dừng ở một số điểm, chưa hình thành chuỗi liên kết đa điểm khám phá làng nghề hấp dẫn. Trong các thời điểm trong năm, các doanh nghiệp vẫn chưa xây dựng được “sản phẩm du lịch làng nghề mùa lễ hội”, “tour khám phá nghệ thuật đường sông” để giữ chân khách quanh năm. Một số dịch vụ chèo thuyền lại chủ yếu tập trung khai thác chở khách mùa lễ hội còn các thời điểm khác chưa có sản phẩm, dịch vụ để thu hút du khách đến tham quan, trải nghiệm.

- Về năng lực cộng đồng, quản trị điểm đến và liên kết thị trường: các làng nghề còn thiếu kỹ năng quản trị du lịch cộng đồng và năng lực tiếp thị số: các nghệ nhân, thành viên hợp tác xã chưa được đào tạo bài bản về dịch vụ du lịch, marketing, bán hàng trực tuyến. Doanh nghiệp lữ hành và cộng đồng chưa liên kết chặt chẽ để xây dựng tour du lịch nên không gắn bó chuỗi giá trị, dẫn tới việc du khách khó tiếp cận

trải nghiệm nguyên bản. Việc phối hợp giữa ngành văn hóa – du lịch – giao thông – môi trường còn thiếu cơ chế chặt chẽ, nhiệm vụ còn chồng chéo nên khó triển khai đồng bộ việc khai thác giá trị làng nghề để phát triển du lịch đường sông.

- Về quảng bá, thương hiệu và xúc tiến du lịch: Hoạt động xúc tiến, quảng bá giá trị làng nghề và nghề thủ công truyền thống còn yếu, thiếu thương hiệu vùng mạnh: sản phẩm làng nghề ít được đóng gói thương hiệu chung, quảng bá quốc tế hạn chế nên khó thu hút khách nước ngoài.

- Về bảo tồn di sản văn hoá, nghệ thuật: Công tác bảo tồn còn mang tính phân mảnh, thiếu hệ thống số hóa và hồ sơ di sản đầy đủ khi đầu tư nên nhiều tư liệu, câu chuyện lịch sử, kỹ thuật nghề chưa được chuẩn hóa để truyền tải cho du khách. Nhiều làng nghề thiếu chương trình đào tạo kế cận nghề nhân hệ thống bài bản nên việc xảy ra thất truyền kỹ thuật tinh xảo, bí quyết nghề vẫn còn nguy cơ lớn. Một số nghề truyền thống phát triển chưa bền vững.

- Về môi trường, cảnh quan sông: tình trạng ô nhiễm nước sông, chất thải làng nghề chưa được xử lý triệt để đang làm giảm giá trị cảnh quan, gây phiền hà cho du khách và ảnh hưởng hệ sinh thái sông nước- du lịch đường sông. Khi chưa xử lý tốt, du lịch làng nghề đường sông sẽ khó phát triển sản phẩm du lịch “sông sạch – làng đẹp”. Việc tổ chức quy hoạch bờ sông hiện nay còn thiếu cảnh quan kết nối: nhiều bến/điểm dừng ven sông thiếu khoảng xanh, không gian trình diễn văn hoá, chỗ dừng nghỉ cho du khách.

- Về khoa học – công nghệ, số hóa: Còn nhiều làng nghề chưa số hóa sản phẩm, chưa dùng AR/VR, không dùng nền tảng bán hàng trực tuyến hoặc truy xuất nguồn gốc (blockchain) để gia tăng giá trị. Cơ chế hỗ trợ và nguồn lực ứng dụng công nghệ trong khai thác giá trị làng nghề để phát triển du lịch đường sông chưa ổn định: thiếu quỹ phát triển chuyên biệt, chính sách ưu đãi chưa rõ ràng cho dự án du lịch làng nghề đường sông. Hoạt động quảng bá sản phẩm du lịch làng nghề đường sông còn yếu: thiếu hoạt động truyền thông trên nền tảng số; chưa có ứng dụng hay bản đồ số

để du khách tự khám phá các làng nghề trên hành trình du lịch đường sông. Khả năng phục vụ khách quốc tế còn hạn chế:

- Về nguồn lực đầu tư: Hoạt động khai thác giá trị làng nghề để phát triển du lịch đường sông đang thiếu dòng vốn dài hạn, đầu tư cho hạ tầng mềm và cứng; nguồn vốn đầu tư thường ngắn hạn, dự án manh mún. Tính mùa vụ cao: nhiều tour chỉ hoạt động tốt vào mùa lễ hội, dẫn tới thu nhập thất thường cho cộng đồng.

- Về dữ liệu, theo dõi và đánh giá tác động: Thiếu hệ thống chỉ số, dữ liệu thống kê về khách/chi tiêu/ tác động môi trường cho làng nghề nên khó đánh giá hiệu quả cũng như đưa ra giải pháp cải thiện.

Những hạn chế trên là rào cản mang tính hệ thống, liên quan đến chính sách, quy hoạch, hạ tầng, năng lực cộng đồng, môi trường và tiếp thị, quảng bá văn hoá du lịch. Chúng đều làm giảm khả năng khai thác trọn vẹn các giá trị lịch sử, văn hóa-nghệ thuật, khoa học, giáo dục và cảnh quan môi trường của làng nghề trên hành trình du lịch đường sông.

4. Giải pháp nâng cao hiệu quả khai thác giá trị làng nghề thủ công truyền thống để phát triển du lịch đường sông

- Giải pháp về cơ chế chính sách, liên kết: Lồng ghép du lịch làng nghề đường sông vào quy hoạch phát triển bền vững vùng ĐBSH. Có cơ chế kết nối hoạt động bảo tồn làng nghề với chiến lược phát triển du lịch đường sông cấp vùng (ĐBSH); ưu đãi đầu tư: hỗ trợ vốn, thuế, tín dụng xanh cho doanh nghiệp khai thác du lịch làng nghề đường sông. Xây dựng hành lang pháp đồng bộ về an toàn đường thủy, môi trường, thương hiệu du lịch làng nghề quốc gia. Xây dựng quỹ phát triển du lịch sáng tạo cho các làng nghề đường sông. Chuẩn hóa sản phẩm OCOP du lịch làng nghề, gắn nhãn hiệu vùng ven sông Hồng. Có chính sách khuyến khích xúc tiến quốc tế: kết nối “con đường du lịch làng nghề sông Hồng” với mạng lưới du lịch đường sông Mekong, ASEAN (xây dựng thương hiệu quốc tế “River Craft Tourism – Red River Delta”. Tích hợp vào quy hoạch quốc gia: tuyến du lịch đường sông Hồng –

sông Đuống – sông Đáy – sông Thái Bình; xây dựng chính sách liên kết du lịch làng nghề đường sông vùng ĐBSH: Hà Nội – Bắc Ninh – Hải Dương – Nam Định – Hưng Yên. Hình thành quỹ bảo tồn và phát triển làng nghề gắn với du lịch.

- Giải pháp tổ chức khai thác giá trị làng nghề: Xây dựng tuyến du lịch liên hoàn kết nối chuỗi làng nghề tiêu biểu; Phát triển sản phẩm du lịch đa dạng gắn với hoạt động trải nghiệm chế tác nghề thủ công (nặn gốm, dệt lụa, khắc bạc...), lễ hội tổ nghề, trò diễn dân gian, ẩm thực đặc sản của làng nghề, địa phương; Ứng dụng chuyển đổi số, xây dựng bản đồ số du lịch làng nghề và du lịch đường sông, kết hợp làm vé điện tử, tour ảo 3D. Ứng dụng công nghệ để du khách dùng điện thoại “nhìn thấy” lịch sử làng nghề ven sông. Đầu tư bến thuyền du lịch chuẩn hóa, kết hợp không gian trình diễn làng nghề ngay tại điểm dừng.

- Giải pháp phát huy vai trò cộng đồng làng nghề: Đào tạo thuyết minh viên làng nghề từ chính nghệ nhân trẻ; Khuyến khích cộng đồng khởi nghiệp trong du lịch trải nghiệm: homestay làng nghề ven sông, ẩm thực truyền thống, workshop thủ công. Khuyến khích doanh nghiệp – nghệ nhân – nông dân liên kết thành HTX du lịch.

- Giải pháp sáng tạo sản phẩm du lịch làng nghề đường sông: xây dựng chương trình du lịch trải nghiệm 4 trong 1: (1) tham quan xưởng thủ công, (2) trải nghiệm chế tác nghề thủ công, (3) tham gia trò chơi lễ hội, (4) thưởng thức ẩm thực đặc sản. Xây dựng Festival ven sông: định kỳ tổ chức tại các làng nghề như Bát Tràng... Tích hợp du lịch đêm: chợ gốm Bát Tràng ban đêm, trình diễn ánh sáng trên sông, đêm âm nhạc dân gian ven sông Hồng. Xây dựng mô hình “Tranh dân gian – không gian sống” (du khách tự in tranh trên thuyền ven sông); “Không gian đồng thau ven sông”, du khách tự đúc vật phẩm nhỏ mang về; “Trải nghiệm mây tre trên thuyền”, tạo ra các sản phẩm đan lát nhỏ làm quà; “Con thuyền gốm” – tour tham quan làng gốm – trải nghiệm – mua sắm trên sông Hồng; “Làng văn hóa – bảo tàng tranh ven sông Đuống” gắn với lễ hội tranh Tết; “Festival thời trang ven sông” kết hợp trình diễn

lụa. Thiết kế tour trải nghiệm theo mùa: mùa lễ hội, mùa nước nổi, mùa thu hoạch nguyên liệu thủ công. Áp dụng chứng chỉ du lịch xanh cho sản phẩm làng nghề ven sông.

- Giải pháp xây dựng hệ sinh thái du lịch làng nghề đường sông: Lõi (core): sản phẩm thủ công truyền thống; Vệ tinh (support): lễ hội, trò diễn, ẩm thực, homestay; Kết nối (link): giao thông thủy, dịch vụ tour, thương mại điện tử.

- Giải pháp tuyên truyền, quảng bá: Đẩy mạnh xúc tiến quốc tế: quảng bá tuyến du lịch làng nghề đường sông tại hội chợ du lịch ASEAN, Mekong.

- Giải pháp kết nối hạ tầng: Xây dựng đồng bộ cảng, bến du lịch chuyên biệt cho thuyền du lịch nhỏ, vừa. Phát triển “bến du lịch thông minh” có trung tâm trưng bày làng nghề. Kết nối tàu du lịch quốc tế từ Hải Phòng, Hạ Long vào tuyến sông Hồng.

- Giải pháp khai thác giá trị lịch sử – văn hóa làng nghề: Số hóa di sản làng nghề: lập cơ sở dữ liệu 3D về đình, đền, chùa, lễ hội tổ nghề, quy trình thủ công để lưu giữ và quảng bá. Phục dựng không gian văn hóa làng nghề: khôi phục lễ hội, trò diễn, ẩm thực và nghề phụ gắn với làng nghề. Liên kết bảo tàng – làng nghề – tuyến sông: xây dựng bảo tàng mở ven sông, tái hiện hành trình thương thuyền góm, lụa, đồng.

- Khai thác giá trị kinh tế làng nghề: Đa dạng hóa sản phẩm du lịch: từ thủ công truyền thống sang sản phẩm lưu niệm sáng tạo, sản phẩm xanh – thân thiện môi trường. Phát triển kinh tế đêm ven sông: chợ thủ công, không gian biểu diễn, ẩm thực làng nghề trên bến dưới thuyền. Liên kết doanh nghiệp – HTX – nghệ nhân: hình thành chuỗi cung ứng “làng nghề – du lịch – thương mại điện tử”.

- Giải pháp ứng dụng khoa học công nghệ: Ứng dụng công nghệ thực tế ảo nâng cao trải nghiệm của du khách về nghề thủ công (nặn góm, dệt lụa, đúc đồng, in tranh,...) bằng công nghệ số; truy xuất nguồn gốc: chứng thực sản phẩm làng nghề

bán cho du khách quốc tế; ứng dụng bản đồ số, đặt vé điện tử, audio guide đa ngôn ngữ thuyết minh.

- Giải pháp khai thác giá trị giáo dục: Tour học đường ven sông: gắn giáo dục lịch sử – văn hóa – nghề thủ công cho học sinh, sinh viên. Trường học làng nghề: kết nối trường mỹ thuật, kiến trúc, văn hóa để mở lớp tại chỗ. Đào tạo cộng đồng: nâng cao kỹ năng làm du lịch, ngoại ngữ, truyền thông số cho nghệ nhân và người dân.

- Giải pháp bảo vệ cảnh quan – môi trường: Xây dựng làng nghề xanh – sạch – đẹp: áp dụng công nghệ xử lý chất thải thủ công, tái chế nguyên liệu. Xây dựng không gian du lịch sinh thái ven sông kết hợp tham quan làng nghề – trải nghiệm nông nghiệp – cảnh quan sông nước. Quy hoạch cảnh quan ven sông: xây dựng bến thuyền du lịch hài hòa, không phá vỡ môi trường làng cổ.

Bài số 2

1. Các làng nghề thủ công truyền thống nằm trên tuyến sông Hồng, sông Đuống và sông Đáy

1.1. Sông Đuống

Sông Đuống là phân lưu của sông Hồng, dài 65km, nối liền hai con sông lớn của miền Bắc là sông Hồng và sông Thái Bình. Lượng nước do sông Đuống cung cấp cho sông Thái Bình tại Phả Lại bằng 76% tổng lượng dòng chảy. Trong mùa lũ, sông Đuống đã tiêu khoảng 23% mức lũ sông Hồng, hàng năm cũng vận chuyển một lượng nước là 27,3 triệu mét khối với lưu lượng bình quân 861m/s.

Lòng sông Đuống rộng trung bình mùa cạn 200 - 250m, mùa lũ 600 - 800m. Độ sâu trung bình 6 - 7m, mùa lũ 9 - 12m.

Sông Đuống tách từ sông Hồng ở phường Ngọc Thụy quận Long Biên chảy về phía đông đến xã Yên Thường ngoặt về phía đông nam qua vùng đất của huyện Gia Lâm, Hà Nội và các huyện Từ Sơn, Thuận Thành, Gia Bình, Bắc Ninh đổ vào sông Thái Bình ở Đại Than, gần Phả Lại. Đoạn chảy qua Hà Nội dài 17,5km.

Sông Đuống còn có các tên cổ là sông Thiên Đức, sông Đông Ngàn, sông Bắc Giang. Đoạn chảy qua Thuận Thành còn gọi là sông Lạc Thổ, đoạn gần Phả Lại gọi là sông Đại Than.

Các làng nghề thủ công truyền thống

Thực trạng hoạt động khai thác giá trị làng nghề thủ công truyền thống nhằm phát triển sản phẩm du lịch đường sông trên tuyến sông Hồng, sông Đuống và sông Đáy

Vùng Đồng bằng sông Hồng (ĐBSH), với hệ thống làng nghề thủ công truyền thống phân bố dày đặc và mạng lưới sông ngòi trù phú, sở hữu tiềm năng to lớn để phát triển các sản phẩm du lịch đường sông mang bản sắc độc đáo. Việc kết nối hoạt động khai thác giá trị làng nghề với du lịch đường sông không chỉ giúp đa dạng hóa sản phẩm du lịch mà còn góp phần bảo tồn di sản văn hóa và tạo sinh kế bền vững cho cộng đồng. Tuy nhiên, trên thực tế, tiềm năng này vẫn chưa được khai thác một cách tương xứng và hiệu quả.

1. Thực trạng hoạt động khai thác giá trị làng nghề và du lịch đường sông

1.1. Tiềm năng to lớn nhưng chưa được khai thác hiệu quả

Vùng ĐBSH là nơi tập trung số lượng làng nghề lớn nhất cả nước, với khoảng 866 đến 1.500 làng nghề, trong đó có khoảng 300 làng nghề đã được công nhận là làng nghề truyền thống. Các làng nghề này có sự phân bố đậm đặc dọc hai bên bờ của 5 con sông chính là sông Hồng, sông Đuống, sông Đáy, sông Luộc và sông Cầu. Các làng nghề này không chỉ có giá trị kinh tế mà còn hàm chứa chiều sâu lịch sử, văn hóa, nghệ thuật, khoa học, giáo dục và cảnh quan, là những "bảo tàng sống" về văn hóa bản địa.

Mặc dù có tiềm năng lớn, du lịch đường sông ở Việt Nam nói chung và vùng ĐBSH nói riêng được đánh giá là phát triển chậm, chưa tương xứng. Các hoạt động du lịch thường mang tính tự phát, manh mún, thiếu sự liên kết giữa các địa phương.

1.2. Nhu cầu cao từ du khách nhưng hạ tầng và sản phẩm còn yếu kém

Kết quả khảo sát du khách tại các làng nghề ở Hà Nội, Bắc Ninh và Ninh Bình cho thấy một bức tranh rõ nét về thực trạng hiện tại:

- **Nhu cầu và mong muốn lớn:** Tỷ lệ du khách đi tham quan làng nghề bằng đường sông còn thấp, chỉ chiếm 31,3% so với 68,7% đi bằng đường bộ. Tuy nhiên, **nhu cầu trải nghiệm du lịch làng nghề bằng đường sông của người dân là rất cao**. Có tới 72,8% du khách đã từng nghe nói đến loại hình du lịch này. Đặc biệt, trong số những người chưa

từng đi, có đến **96,1% mong muốn được trải nghiệm**, cho thấy thị trường tiềm năng phát triển rất lớn.

- **Rào cản chính từ hạ tầng và thông tin:** Lý do hàng đầu khiến du khách chưa tham gia tour đường sông là do **"không có tuyến du lịch đường sông thuận tiện" (73,8%)**. Các rào cản khác bao gồm không có thông tin (20,0%), lo ngại về an toàn (13,3%) và chi phí cao (9,7%).
- **Sản phẩm du lịch còn đơn điệu:** Đa số khách du lịch đến các làng nghề chỉ đi về trong ngày (90,7%). Điều này cho thấy các sản phẩm du lịch còn ngắn, thiếu các yếu tố hấp dẫn để giữ chân du khách lưu trú dài ngày. Du khách có xu hướng muốn kết hợp tham quan làng nghề với các di tích lịch sử văn hóa và cảnh quan thiên nhiên.

1.3. Thực trạng khai thác trên các tuyến sông cụ thể

a) Tuyến sông Hồng và sông Đuống:

Tuyến sông Hồng đoạn qua Hà Nội dài khoảng 160km, đi qua 15 quận, huyện với nhiều di tích và làng nghề nổi tiếng như gốm Bát Tràng, mây tre đan Ninh Sở, dát vàng Kiều Ky. Tương tự, sông Đuống cũng gắn liền với các làng nghề đặc sắc của Bắc Ninh như tranh Đông Hồ, gốm Phù Lãng, gỗ Đồng Kỵ.

- **Hoạt động khai thác còn hạn chế:** Hiện tại, hoạt động du lịch đường sông trên các tuyến này vẫn còn hạn chế, chưa tương xứng với tiềm năng. Sản phẩm du lịch chủ yếu vẫn do một số ít doanh nghiệp khai thác, với các tour tham quan kết hợp một vài điểm di tích, làng nghề.
- **Cơ sở hạ tầng là "điểm nghẽn" lớn nhất:** Hệ thống giao thông kết nối, bến cảng, khu dịch vụ đón khách chưa được đầu tư phát triển, không đáp ứng yêu cầu. Điển hình là một bến thủy nội địa đã được đầu tư gần đình Bát Tràng nhưng nhiều năm qua vẫn không hoạt động được do các yếu tố kỹ thuật. Đánh giá của du khách đã trải nghiệm tour sông Hồng - Hà Nội cho thấy, trong khi trang thiết bị an toàn và chất lượng tàu thuyền được đánh giá tốt (trên 78%), thì **hạ tầng cầu cảng, bến đỗ bị đánh giá "chưa tốt" tới 51,2%**. Đây là hạn chế then chốt ảnh hưởng đến sự phát triển của tuyến du lịch.
- **Chất lượng dịch vụ chưa cao:** Các dịch vụ như ẩm thực, hoạt động vui chơi giải trí trên hành trình sông Hồng được một bộ phận du khách đánh giá ở mức "bình thường" hoặc "chưa tốt". Các sản phẩm thủ công cũng bị cho là chưa thật sự hấp dẫn, thiếu sáng tạo.

b) Tuyến sông Đáy:

Sông Đáy là tuyến thủy lộ huyết mạch kết nối Hà Nội và Ninh Bình, hình thành một "hành lang di sản văn hóa - thiên nhiên" đặc sắc với các điểm nhấn như Chùa Hương, Tam Chúc, Tràng An và hệ thống làng nghề phong phú ven sông.

- **Khai thác còn phân tán, manh mún:** Lượng khách đến các điểm chính trong khu vực rất lớn, nhưng chỉ khoảng 15-20% tham gia các tour đường sông. Các sản phẩm du lịch đường sông còn phân tán, thiếu sự liên kết chuỗi. Phần lớn các làng nghề tự phát đón khách lẻ, chưa có sự phối hợp với doanh nghiệp lữ hành để xây dựng tour trọn gói.

- **Thách thức về hạ tầng và môi trường:** Nhiều cây cầu bắc qua sông Đáy có **tĩnh không thấp (khoảng 9-10m)** như cầu Gián Khẩu (Ninh Bình), gây khó khăn cho tàu thuyền lớn, hạn chế khả năng khai thác du thuyền liên tỉnh. Các bến thuyền còn tạm bợ, chưa được đầu tư đồng bộ. Đặc biệt, sông Đáy đang chịu áp lực **ô nhiễm môi trường nước nghiêm trọng** từ nước thải sinh hoạt và làng nghề, nhiều chỉ tiêu đã xuống ngưỡng "rất xấu", làm suy giảm giá trị cảnh quan và trải nghiệm của du khách.

2. Đánh giá một số mô hình du lịch đường sông đang khai thác hiện nay

Dựa trên thực trạng, có thể nhận diện và đánh giá một số mô hình khai thác chính đang hoạt động trên các tuyến sông này:

1. Mô hình Tour du lịch đường sông của doanh nghiệp trong nước (Điển hình: Xí nghiệp đầu tư và phát triển du lịch sông Hồng)

- **Mô tả:** Doanh nghiệp này khai thác các tour du lịch trong ngày trên sông Hồng và sông Đuống, kết nối các điểm đến như đền Dầm, đền Đại Lộ với các làng nghề gốm Bát Tràng và mây tre đan Ninh Sở. Doanh nghiệp sử dụng tàu du lịch có sức chứa khoảng 60 khách, cung cấp dịch vụ ăn uống và thuyết minh trên tàu.
- **Đánh giá:**
 - **Ưu điểm:** Là một trong số ít đơn vị tiên phong xây dựng sản phẩm du lịch đường sông chuyên nghiệp, kết nối được các giá trị văn hóa, tâm linh với làng nghề.
 - **Nhược điểm:** **Quy mô hoạt động rất hạn chế**, chỉ phục vụ một lượng khách nhỏ (khoảng 7.000 lượt/năm), chiếm chưa tới 0,05% tổng số khách đến các làng nghề này. Sản phẩm tour còn ngắn, chủ yếu là tham quan, chưa tạo được trải nghiệm sâu sắc cho du khách. Mô hình này vẫn phụ thuộc nặng nề và bị ảnh hưởng lớn bởi hạ tầng bến bãi yếu kém.

2. Mô hình Du thuyền cao cấp của doanh nghiệp nước ngoài (Điển hình: Pandaw River Cruises)

- **Mô tả:** Đây là mô hình khai thác tour trọn gói kéo dài (10 đêm) trên du thuyền sang trọng, hướng đến đối tượng khách quốc tế có khả năng chi trả cao. Hành trình của du thuyền Angkor Pandaw kết nối Vịnh Hạ Long với các tuyến sông lớn của ĐBSH như sông Hồng và sông Đáy, đi qua và tổ chức tham quan nhiều làng nghề đặc sắc như múa rối nước Thanh Hà, dệt lụa Cổ Chất, làm gốm Bát Tràng, làm nón Chuông.
- **Đánh giá:**
 - **Ưu điểm:** Là một bước thử nghiệm quan trọng, chứng tỏ **tiềm năng hình thành tour du thuyền liên tỉnh, liên vùng có giá trị cao**, kết nối các trung tâm du lịch lớn. Sản phẩm được thiết kế chuyên nghiệp, có chiều sâu, khai thác đa dạng các giá trị văn hóa, làng nghề dọc hành trình.
 - **Nhược điểm:** Chỉ phục vụ một **thị trường rất nhỏ, ngách**. Hoạt động của tàu phụ thuộc nhiều vào mực nước sông theo mùa. Dù là tàu cao cấp, mô hình này vẫn

phải đối mặt với các hạn chế hạ tầng chung, ví dụ như phải sử dụng thuyền nhỏ của địa phương để du khách khám phá Tràng An.

3. Mô hình Dịch vụ thuyền tham quan quy mô nhỏ do cộng đồng vận hành

- **Mô tả:** Mô hình này rất phổ biến tại các chi lưu của sông Đáy như tuyến suối Yến (Chùa Hương), sông Ngô Đồng (Tam Cốc), sông Sào Khê (Tràng An). Các hợp tác xã dịch vụ do cộng đồng địa phương trực tiếp vận hành, sử dụng thuyền nan nhỏ để chở khách tham quan các danh thắng.
- **Đánh giá:**
 - **Ưu điểm:** Đây là mô hình **thành công nhất về quy mô và tác động xã hội**. Các tuyến này thu hút hàng trăm nghìn đến hàng triệu lượt khách mỗi năm. Mô hình này đã **tạo việc làm và thu nhập ổn định cho hàng nghìn lao động địa phương**, góp phần phân phối lợi ích kinh tế về cho cộng đồng. Đây là một mô hình du lịch cộng đồng bền vững.
 - **Nhược điểm:** Hoạt động mang tính **cục bộ, riêng lẻ** tại từng điểm tham quan, chưa có sự liên kết thành một tuyến du lịch đường sông liên hoàn, kéo dài. Chất lượng dịch vụ không đồng đều, và vẫn còn những hạn chế về quản lý, an toàn.

Kết luận

Hoạt động khai thác giá trị làng nghề thủ công truyền thống để phát triển du lịch đường sông trên các tuyến sông Hồng, sông Đuống, sông Đáy sở hữu tiềm năng rất lớn nhưng thực trạng phát triển còn hết sức khiêm tốn. Các "điểm nghẽn" mang tính hệ thống về hạ tầng giao thông thủy, sự thiếu liên kết vùng, sản phẩm du lịch đơn điệu và vấn đề ô nhiễm môi trường đang là những rào cản chính.

Các mô hình đang hoạt động cho thấy sự đa dạng trong cách tiếp cận, từ các tour ngắn ngày phục vụ khách nội địa, du thuyền cao cấp cho khách quốc tế, đến các dịch vụ cộng đồng quy mô lớn. Tuy nhiên, tất cả đều đang hoạt động một cách riêng lẻ và chưa thể tạo ra một hệ sinh thái du lịch đường sông đồng bộ, có sức cạnh tranh cao. Để khơi thông "dòng chảy di sản" này, cần có một chiến lược phát triển tổng thể, sự đầu tư đồng bộ vào hạ tầng và cơ chế chính sách khuyến khích sự liên kết chặt chẽ giữa các địa phương, doanh nghiệp và cộng đồng làng nghề.

PHÁT TRIỂN DU LỊCH ĐƯỜNG SÔNG GẮN VỚI GIÁ TRỊ LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG VÙNG SÔNG ĐÁY

1. Đặt vấn đề

Sông Đáy, với chiều dài gần 240 km, là tuyến thủy lộ huyết mạch chảy qua địa bàn thành phố Hà Nội và tỉnh Ninh Bình mới (bao gồm các tỉnh Hà Nam, Nam Định và Ninh Bình cũ), kết nối vùng Thủ đô với một hành lang di sản văn hóa - thiên nhiên đặc sắc. Tuyến sông này đóng vai trò “trục xương sống” liên kết các di tích lịch sử và danh thắng nổi tiếng như Quần thể danh thắng Tràng An, Chùa Hương, Khu du lịch Tam Chúc, Nhà thờ đá Phát Diệm, cùng hệ thống làng nghề truyền thống phong phú, có lịch sử phát triển lâu đời.

Hiện nay, lượng khách du lịch đến các điểm chính trong khu vực đạt khoảng 2 triệu lượt/năm, nhưng chỉ khoảng 15-20% trong số đó tham gia các tour đường sông (số liệu khảo sát của Viện Văn hoá, Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch Việt Nam năm 2024). Sản phẩm du lịch đường sông còn phân tán, thiếu sự liên kết chuỗi; vì vậy, việc nghiên cứu giải pháp phát triển đồng bộ loại hình du lịch này là hết sức cấp thiết. Phát triển du lịch đường sông gắn với làng nghề không chỉ khai thác tiềm năng kinh tế - văn hóa của sông Đáy, mà còn là cách tiếp cận bền vững nhằm bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, mở ra không gian phát triển mới cho kinh tế di sản và du lịch bền vững.

2. Tiềm năng tài nguyên du lịch sông Đáy

2.1. Giá trị tự nhiên và cảnh quan

Sông Đáy là một trong những con sông dài ở miền Bắc Việt Nam, và là con sông chính của lưu vực sông Nhuệ - Đáy ở phía Tây Nam vùng châu thổ sông Hồng. Sông chảy xuyên qua Hà Nội và Ninh Bình, song song bên hữu ngạn hạ lưu sông Hồng, trước khi đổ ra biển Đông tại cửa Đáy - cửa sông lớn nhất của lưu vực sông Hồng. Hệ thống sông Đáy cùng các chi lưu như sông Ngô Đồng, sông Sào Khê và suối Yên mang vẻ đẹp cảnh quan độc đáo với dòng chảy hiền hòa, rất phù hợp để phát triển các loại hình du lịch bằng thuyền nhỏ hoặc du thuyền cỡ vừa. Vùng hạ lưu, đặc biệt từ thành phố Hoa Lư đến khu vực các xã ven biển Kim Sơn, là vùng đất phù sa ngập nước có hệ sinh thái đa dạng và phong phú, tạo tiềm năng lớn cho các tour du lịch sinh thái và nghiên cứu khoa học về tự nhiên. Chẳng hạn, khu bảo tồn đất ngập nước Vân Long (Ninh Bình) và bãi Ngang ven biển Kim Sơn là những ví dụ điển hình có thể khai thác các tour du lịch sinh thái vừa góp phần phát triển kinh tế, vừa nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học.

2.2. Giá trị văn hóa - lịch sử và tôn giáo

Tuyến sông Đáy hình thành một hành lang di sản văn hóa - tôn giáo đặc sắc, hiếm có ở Việt Nam. Ngoài Quần thể danh thắng Tràng An được UNESCO ghi danh là Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới (2014), khu vực sông Đáy còn hội tụ 14 di tích quốc gia đặc biệt cùng hàng trăm di tích xếp hạng quốc gia và cấp tỉnh. Các di tích quốc gia đặc biệt phân bố chủ yếu ở thượng lưu sông Đáy, tiêu biểu gồm:

- Đền Hát Môn (Hà Nội) - di tích lịch sử gắn với cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng (thế kỷ I sau Công nguyên).

- Quần thể Cố đô Hoa Lư (Ninh Bình) - di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật liên quan đến kinh đô cổ thời Đinh - Tiền Lê (thế kỷ X).

- Bốn ngôi đình cổ với niên đại khoảng thế kỷ XVII có giá trị kiến trúc nghệ thuật: đình So, đình Đại Phùng, đình Tường Phiêu, đình Hạ Hiệp (Hà Nội).

- Bốn ngôi chùa cổ có giá trị lịch sử, kiến trúc nghệ thuật, trong đó có chùa Thầy khởi dựng dưới triều vua Lý Nhân Tông (1072-1127). Các chùa tiêu biểu gồm: quần thể chùa Thầy - núi đá Sài Sơn, Hoàng Xá, Phượng Cách; chùa Tây Phương; chùa Bối Khê (Hà Nội); chùa Đọi Sơn (Ninh Bình).

- Bốn danh thắng và di tích khảo cổ: quần thể Hương Sơn (Hà Nội); quần thể danh thắng - khảo cổ Tam Chúc; di tích Núi Non Nước; danh thắng Tràng An - Tam Cốc - Bích Động (thuộc Quần thể Tràng An, Ninh Bình).

Bên cạnh đó, vùng sông Đáy còn nổi bật với các công trình kiến trúc Kitô giáo có giá trị lịch sử, văn hóa và nghệ thuật như Nhà thờ đá Phát Diệm và Nhà thờ Sở Kiện (Ninh Bình).

Không gian văn hóa - tôn giáo dọc sông Đáy được phân bố theo hai cụm lớn. Phía thượng lưu sông Đáy là nơi tập trung các di tích, danh thắng gắn với Phật giáo và tín ngưỡng dân gian, tạo thành tuyến hành hương nổi tiếng: Chùa Hương - Tam Chúc - Tràng An. Sự hiện diện của các di tích này đã định hình một trục du lịch tâm linh kết nối kinh đô cổ Hoa Lư với các trung tâm Phật giáo lớn. Không chỉ có Phật giáo và tín ngưỡng truyền thống, vùng sông Đáy còn giàu có về di sản Ki-tô giáo, đặc biệt ở phía hạ lưu. Tiêu biểu là các công trình có giá trị lịch sử, văn hóa và kiến trúc nghệ thuật vượt trội như: Nhà thờ đá Phát Diệm (Ninh Bình) - Một kiệt tác kiến trúc Đông - Tây; Nhà thờ Sở Kiện (Tiểu vương cung Thánh đường); Cùng hệ thống các nhà thờ Công giáo khác tại tỉnh Ninh Bình.

Sự kết hợp giữa trục thượng lưu đa dạng tôn giáo truyền thống và trục hạ lưu nổi bật với di sản Ki-tô giáo đã tạo nên một tuyến du lịch liên vùng đa tôn giáo, mang lại trải

nghiệm văn hóa - lịch sử phong phú, thu hút hàng trăm nghìn khách hành hương và tham quan mỗi năm.

2.3. Hệ thống làng nghề thủ công truyền thống

Sông Đáy chảy qua nhiều vùng đất giàu bản sắc, nơi cư dân từ lâu đời đã sáng tạo nên các làng nghề thủ công truyền thống có giá trị lịch sử - văn hóa. Dọc theo con sông này hiện diện một mạng lưới làng nghề phong phú:

Thành phố Hà Nội: Ven hữu ngạn sông Đáy (thuộc các huyện Phúc Thọ, Quốc Oai, Thạch Thất) hình thành một hệ sinh thái làng nghề đa dạng. Nổi bật có các làng dệt lụa Vạn Phúc, làm nón Chuông, dệt thảm Phụng Thượng, dệt lụa Phùng Xá và mây tre đan Phú Vinh. Bên cạnh đó là các làng nghề mộc truyền thống như Chàng Sơn, Canh Nậu, Dị Nậu, cùng nghề làm quạt giấy Chàng Sơn và rối cạn Tế Tiêu, tạo nên những sản phẩm văn hóa độc đáo. Các làng nghề này cùng với các di tích tiêu biểu vùng xứ Đoài như đình So, chùa Thầy đã kết nối thành một vành đai văn hóa đậm bản sắc ở ngoại vi Hà Nội.

Tỉnh Ninh Bình (kế thừa các làng nghề của tỉnh Hà Nam, Nam Định và Ninh Bình trước đây): Có làng thêu ren Thanh Hà (huyện Thanh Liêm) và nghề làm trống Đọi Tam (huyện Duy Tiên) - những làng nghề có tuổi đời hàng trăm năm và còn hoạt động sôi nổi đến ngày nay. Các làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân, thêu ren Văn Lâm, cùng các làng làm cói và bèo có truyền thống ở huyện Kim Sơn. Đặc biệt, làng gốm Bô Bát (huyện Yên Mô) - tồn tại từ thế kỷ X - được coi là “tổ nghề” của gốm Bát Tràng, minh chứng cho bề dày lịch sử của nghề gốm sứ khu vực này. Ngoài ra, Ninh Bình còn có làng nghề chạm khắc gỗ La Xuyên (huyện Ý Yên) và đúc đồng Tống Xá (huyện Ý Yên), vốn từ lâu đã cung cấp nhiều sản phẩm thủ công mỹ nghệ nổi tiếng.

Các làng nghề truyền thống dọc sông Đáy chính là những “bảo tàng sống” về văn hóa bản địa, nơi lưu giữ tri thức dân gian và kỹ thuật chế tác độc đáo của của người Việt vùng đồng bằng sông Hồng. Đây là nguồn tài nguyên văn quý giá, hỗ trợ cho phát triển du lịch trải nghiệm và sáng tạo trên hành trình khám phá vùng đất sông Đáy.

3. Thực trạng bảo tồn và phát huy giá trị làng nghề truyền thống

Khu vực dọc sông Đáy có mật độ làng nghề thủ công cao, nhiều làng đã được công nhận là làng nghề truyền thống. Thời gian qua, chính quyền và cộng đồng các địa phương có sông Đáy chảy qua đã thực hiện nhiều giải pháp nhằm bảo tồn, phát huy giá trị các làng nghề truyền thống, đặc biệt là gắn kết hoạt động bảo tồn nghề truyền thống với khai thác du lịch và xây dựng thương hiệu OCOP.

3.1. Tổ chức thực hiện các đề án quy hoạch, chương trình, kế hoạch hỗ trợ phát triển làng nghề truyền thống

Chính quyền các địa phương ven sông Đáy đã tích cực thể chế hóa công tác bảo tồn và phát triển nghề truyền thống thông qua việc ban hành các quy hoạch, chương trình, kế hoạch cụ thể, tạo cơ sở pháp lý cho việc gắn kết làng nghề với văn hóa và du lịch.

Thành phố Hà Nội đã ban hành Quy hoạch phát triển nghề, làng nghề đến năm 2020, định hướng đến năm 2030¹⁶ và Kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn giai đoạn 2023-2025¹⁷. Trọng tâm của các quy hoạch này là đầu tư 17 dự án phát triển làng nghề gắn với du lịch, trong đó 57% số làng nghề được ưu tiên thuộc khu vực ven sông Đáy, bao gồm các làng nghề tiêu biểu như sơn khảm thôn Ngọ, sơn mài Hạ Thái, đan mây tre Phú Vinh, dệt lụa Vạn Phúc.

Tại Ninh Bình, giai đoạn 2013-2022, địa phương đã triển khai Quy hoạch phát triển nghề, làng nghề gắn với du lịch đến năm 2020, định hướng 2030¹⁸ và tiếp tục thực hiện Kế hoạch bảo tồn, phát triển nghề truyền thống, làng nghề gắn với văn hóa - du lịch giai đoạn 2022-2025¹⁹. Các hoạt động chính bao gồm: Khôi phục, bảo tồn các lễ hội lớn dọc sông Đáy như Lễ hội Cổ đô Hoa Lư, Đền Thái Vi, Chùa Bái Đính, Tràng An, Lễ Giáng sinh Nhà thờ đá Phát Diệm; Tu bổ, tôn tạo nhà thờ Tổ nghề (thêu Văn Lâm, mộc Phúc Lộc, chế tác đá thôn Hệ), lập dự án xây dựng nhà thờ Tổ nghề gốm tại Bồ Bát; Phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng đề án thành lập Trung tâm bảo tồn, phát triển nghề kim chỉ và Trung tâm giao lưu văn hóa làng nghề Việt Nam.

Tỉnh Hà Nam tập trung rà soát, thống kê và phân loại làng nghề; xây dựng các mô hình phát triển gắn với du lịch, tiêu biểu là làng trống Đọi Tam và làng dệt lụa Nha Xá; đồng thời đầu tư hạ tầng và giải pháp bảo vệ môi trường làng nghề²⁰.

Tỉnh Nam Định, căn cứ Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đang triển khai kế hoạch với mục tiêu đến năm 2030 phát

¹⁶ UBND thành phố Hà Nội: Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 02/01/2013 phê duyệt thực hiện quy hoạch phát triển nghề, làng nghề thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

¹⁷ UBND thành phố Hà Nội: Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 03/3/2023 thực hiện bảo tồn, phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2023-2025

¹⁸ UBND tỉnh Ninh Bình: (Quyết định số 615/QĐ-UBND ngày 28/8/2013 phê duyệt quy hoạch phát triển nghề, làng nghề gắn với du lịch đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

¹⁹ UBND tỉnh Ninh Bình: Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 14/04/2022 bảo tồn và phát triển nghề truyền thống, làng nghề truyền thống gắn với văn hóa, du lịch trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025

²⁰ UBND tỉnh Hà Nam: Kế hoạch số 2986/KH-UBND ngày 04/11/2022 về bảo tồn và phát triển làng nghề tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021-2030

triển 5-7 làng nghề gắn với du lịch, duy trì 2-3 làng nghề có nguy cơ mai một và phấn đấu có ít nhất 10 sản phẩm OCOP đạt chuẩn từ 3 sao trở lên²¹.

Các kết quả đạt được là tiền đề quan trọng để các địa phương tiếp tục mở rộng mô hình bảo tồn - phát triển làng nghề gắn với du lịch, hướng tới xây dựng tuyến du lịch đường sông Đáy trở thành sản phẩm đặc thù của vùng Đồng bằng sông Hồng.

3.2. Suru tâm, nghiên cứu, lập hồ sơ đề cử danh hiệu làng nghề truyền thống và xếp hạng, ghi danh các di sản văn hoá của làng nghề truyền thống

Căn cứ các tiêu chí quy định của Chính phủ về làng nghề, làng nghề truyền thống và nghề truyền thống (điển hình là Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 về phát triển ngành nghề nông thôn), các tỉnh, thành phố nơi sông Đáy chảy qua đã tiến hành sưu tầm, nghiên cứu và lập hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền công nhận một số làng nghề truyền thống.

Song song với đó, các di tích lịch sử - văn hoá (đình, đền, nhà thờ tổ nghề...) và di sản văn hoá phi vật thể (lễ hội, nghề thủ công truyền thống, nghệ thuật trình diễn dân gian...) cũng được lập hồ sơ đề nghị xếp hạng di tích quốc gia, di tích cấp tỉnh hoặc ghi danh vào Danh mục di sản văn hoá phi vật thể quốc gia.

Danh mục nghề thủ công truyền thống của vùng sông Đáy được ghi danh khá phong phú, bao gồm: nghề dệt lụa Vạn Phúc, dệt lụa Nha Xá, thêu ren Văn Lâm, chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân, đan mây tre Phú Vinh, làm trống Đội Tam, cùng nghệ thuật trình diễn rối cạn Tế Tiêu. Ngoài việc lập hồ sơ ghi danh nghề truyền thống, các địa phương còn chủ động đề nghị Chủ tịch nước phong tặng các danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” cho những người thợ có đóng góp xuất sắc.

Hoạt động nghiên cứu, ghi danh và tôn vinh này đã góp phần khẳng định giá trị văn hoá - lịch sử của làng nghề, đồng thời tạo động lực mạnh mẽ cho cộng đồng trong việc bảo tồn, gìn giữ và phát huy các giá trị di sản.

3.3. Hỗ trợ truyền dạy nghề truyền thống và xây dựng thương hiệu sản phẩm thủ công

Các địa phương ven sông Đáy đều đặc biệt chú trọng công tác truyền dạy và bảo tồn nghề thủ công truyền thống. Chính quyền đã ban hành chính sách hỗ trợ kinh phí, đồng thời khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ gia đình mở lớp truyền nghề, tổ chức

²¹ UBND tỉnh Nam Định: Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 07/02/2023 triển khai thực hiện Quyết định số 801/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh.

các khóa đào tạo ngắn hạn, tập trung vào những nghề có nguy cơ mai một hoặc cần đổi mới kỹ thuật để đáp ứng nhu cầu thị trường.

Kết quả khảo sát do Viện Văn hoá, Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch Việt Nam thực hiện năm 2024 cho thấy hầu hết các làng nghề ven sông Đáy đều có hoạt động truyền dạy nghề cho thế hệ trẻ. Tuy nhiên, quy mô và hình thức tổ chức còn khác nhau giữa các doanh nghiệp, hợp tác xã và cộng đồng làng nghề. Một số làng nghề vẫn chưa hình thành được đội ngũ thợ kế cận đủ vững để đảm bảo tính bền vững, điển hình như: làng dệt lụa Phùng Xá, gồm Bồ Bát, cói Kim Sơn, hay làng rối cạn Tế Tiêu. Ở nhiều nơi, việc truyền nghề còn mang tính tự phát, chủ yếu do hộ gia đình hoặc nghệ nhân tâm huyết đứng ra thực hiện, hầu như chưa được hỗ trợ mở lớp truyền dạy bài bản.

Bên cạnh hoạt động truyền nghề, đa số sản phẩm làng nghề tiêu biểu trong khu vực đã được đưa vào Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP). Việc tham gia OCOP giúp gia tăng giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm, từng bước chuẩn hóa chất lượng, truy xuất nguồn gốc, gắn với thương hiệu địa phương, đồng thời đáp ứng tốt hơn nhu cầu thị trường trong nước và quốc tế. Đây cũng là giải pháp quan trọng nhằm bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa và tri thức truyền thống thông qua việc kể lại câu chuyện văn hóa - lịch sử gắn với sản phẩm.

Cộng đồng làng nghề đã chủ động thành lập hội, hợp tác xã để duy trì hoạt động sản xuất, mở rộng thị trường và thích ứng với các tiêu chuẩn mới. Song song với đó, chính quyền địa phương đầu tư xây dựng các khu/cụm công nghiệp làng nghề nhằm di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm ra khỏi khu dân cư, tạo không gian sản xuất tập trung cho các ngành nghề như mộc, chế tác đá mỹ nghệ, đúc đồng...

3.4. Tuyên truyền, quảng bá giá trị văn hoá làng nghề truyền thống

Để nâng cao nhận thức của người dân và thu hút du khách về các giá trị văn hóa của làng nghề truyền thống, các địa phương ven sông Đáy đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền và quảng bá thông qua nhiều hình thức. Hoạt động này được triển khai thường xuyên trên các phương tiện thông tin đại chúng, gắn với các sự kiện văn hóa - du lịch và sự phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp có ảnh hưởng nhằm lan tỏa hình ảnh làng nghề đến đông đảo công chúng.

Tại Hà Nội, nhiều sự kiện nổi bật đã được tổ chức như Tuần lễ quảng bá nông sản, sản phẩm OCOP và làng nghề truyền thống; Festival Làng nghề; Triển lãm thủ công mỹ nghệ 2025: Tôn vinh làng nghề, lan tỏa bản sắc; Xây dựng các trung tâm thiết kế sáng tạo, không gian trưng bày và bán sản phẩm OCOP gắn với du lịch trải nghiệm

Tại Ninh Bình, hàng loạt sự kiện văn hóa - du lịch được tổ chức tại Quần thể Danh thắng Tràng An với nội dung tôn vinh giá trị làng nghề truyền thống, giới thiệu sản phẩm thủ công tiêu biểu và kết nối nghệ nhân với cộng đồng, du khách. Đặc biệt, UBND tỉnh Ninh Bình đã ký kết chương trình hợp tác 10 năm với Tạp chí Di sản và Hãng hàng không Vietnam Airlines nhằm quảng bá hình ảnh văn hóa - du lịch của địa phương (bao gồm giá trị các làng nghề truyền thống ven sông Đáy) ra thị trường quốc tế.

Các tỉnh Hà Nam và Nam Định cũng từng tích cực triển khai các hoạt động truyền thông và sự kiện quảng bá về các làng nghề ven sông Đáy như làng trồng Đọi Tam, làng dệt lụa Nha Xá, làng chạm khắc gỗ, đúc đồng..., qua đó góp phần nâng cao giá trị thương hiệu, tạo sức hút cho du khách trong và ngoài nước.

3.5. Những thách thức trong công tác bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống

Bên cạnh những thành tựu đạt được, quá trình bảo tồn và phát huy giá trị làng nghề truyền thống ven sông Đáy đang đối mặt với nhiều khó khăn. Trước hết, việc đào tạo lực lượng kế cận chưa được triển khai đồng bộ, dẫn tới nguy cơ đứt gãy chuỗi truyền dạy nghề giữa các thế hệ. Nghề thủ công vốn đòi hỏi môi trường lao động nặng nhọc, nhiều khói bụi, thu nhập không ổn định, khiến người trẻ ít mặn mà gắn bó lâu dài.

Nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất cũng là thách thức lớn. Diện tích nguyên liệu tại chỗ ngày càng thu hẹp, việc khai thác bị hạn chế, trong khi nguồn cung bên ngoài lại không ổn định cả về chất lượng lẫn số lượng, làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm. Ví dụ, các làng dệt, thêu ren phụ thuộc vào sợi tơ tằm nhập khẩu có giá thành biến động; các làng gốm, đúc kim loại phải chịu áp lực chi phí nhiên liệu, nguyên liệu đầu vào tăng cao; làng chế tác đá gặp khó khăn do nguồn nguyên liệu khan hiếm hoặc bị hạn chế khai thác để bảo vệ môi trường. Một số sản phẩm thủ công chưa được thị trường định giá tương xứng, buộc các cơ sở phải bán với giá thấp để cạnh tranh, dẫn đến thu nhập của thợ nghề chưa đảm bảo đời sống.

Dù nhiều làng nghề đã được quy hoạch vào các khu, cụm công nghiệp và triển khai phương án xử lý ô nhiễm, tình trạng ô nhiễm môi trường vẫn chưa được khắc phục triệt để. Nước thải nhuộm vải, hóa chất chế tác kim loại, gỗ, tre mây, cùng bụi từ các cơ sở mộc, đúc, rèn, đan lát... vẫn xả trực tiếp ra môi trường, gây tác động tiêu cực đến sức khỏe cộng đồng. Theo các báo cáo nghiên cứu của cơ quan Nhà nước, chất lượng nước sông Đáy hiện đang ở mức đáng báo động, nhiều chỉ tiêu đã xuống ngưỡng “rất xấu” (mức D) theo tiêu chuẩn quốc gia²². Tỉnh Hà Nam từng phải ban hành cảnh báo ô nhiễm cấp độ 2 cho toàn lưu vực sông Đáy, yêu cầu triển khai các biện pháp kiểm soát nguồn thải ngay lập tức. Điều này cho thấy tình trạng ô nhiễm, đặc biệt ở khu vực có làng nghề tập trung, đang ở mức nghiêm trọng.

Những hạn chế trên, từ nhân lực kế cận, nguồn nguyên liệu đến ô nhiễm môi trường, cho thấy quá trình bảo tồn và phát huy giá trị làng nghề vẫn chưa đạt được tính bền vững. Để phát triển du lịch sông Đáy gắn với khai thác giá trị làng nghề, chính quyền, doanh nghiệp và cộng đồng địa phương cần phối hợp xây dựng các giải pháp đồng bộ, hiệu quả hơn trong thời gian tới.

4. Thực trạng phát triển du lịch đường sông dựa vào giá trị làng nghề truyền thống

4.1. Phát triển du lịch trải nghiệm làng nghề

Phát triển du lịch trải nghiệm làng nghề ven sông Đáy những năm gần đây có bước chuyển rõ rệt từ “tham quan - mua sắm” sang “trải nghiệm - tương tác - đồng sáng tạo”. Nhiều làng nghề đã chủ động xây dựng sản phẩm du lịch có chiều sâu, kết hợp giữa tham quan, trải nghiệm sản xuất, thưởng thức ẩm thực và giao lưu văn hóa.

²² Phong Anh (2025). *Chất lượng nước sông Nhuệ - Đáy vượt ngưỡng ô nhiễm nghiêm trọng*, Tạp chí Môi trường & Cuộc sống, đăng ngày 02/05/2025

- *Mô hình không gian trải nghiệm và trình diễn nghề*: Một số làng nghề đã hình thành không gian trải nghiệm và trình diễn nghề như ở làng lụa Vạn Phúc (Hà Nội), người dân không chỉ mở cửa xưởng dệt để du khách quan sát, một số hộ gia đình còn tổ chức hoạt động “tự tay dệt khăn lụa”, cung cấp dịch vụ thiết kế và in hoa văn theo yêu cầu. “Phổ lụa” được chỉnh trang thành tuyến phố đi bộ, kết hợp trưng bày sản phẩm, biểu diễn thời trang lụa vào cuối tuần. Tại làng trống Đọi Tam (Hà Nam), một số doanh nghiệp lữ hành đã phát triển tour “Một ngày làm nghề nhân”, trong đó du khách được hướng dẫn căng mặt trống, sơn trống, tham gia biểu diễn trống hội. Đây là sản phẩm du lịch độc đáo, vừa bảo tồn kỹ thuật chế tác, vừa tạo sức hút cho khách trẻ. Làng thêu ren Văn Lâm (Ninh Bình) có bố trí không gian “xưởng mở” để du khách xem nghề nhân thêu, trải nghiệm thêu một số hoa văn đơn giản. Các sản phẩm lưu niệm được thiết kế nhỏ gọn, tiện mua sắm và dễ mang theo trong hành trình du lịch Tràng An - Tam Cốc.

- *Liên kết với di tích - danh thắng để tạo “hành trình di sản”*: Các làng nghề ven sông Đáy đã bắt đầu gắn kết với di sản văn hóa - tôn giáo, tạo ra tuyến du lịch khép kín: tham quan di tích - trải nghiệm làng nghề - thưởng thức ẩm thực. Ví dụ, du khách đến Tràng An có thể kết hợp tham quan làng đá mỹ nghệ Ninh Vân và mua sản phẩm tượng đá nhỏ; khách hành hương Chùa Hương được giới thiệu sản phẩm mây tre đan Phú Vinh, sơn mài Hạ Thái. Mô hình này gia tăng thời gian lưu trú và chi tiêu của du khách.

- *Đa dạng hóa loại hình trải nghiệm làng nghề*: Một số địa phương đã thí điểm tour xe đạp, xe điện kết nối các làng nghề với cảnh quan ven sông; tổ chức workshop sáng tạo như làm gốm Bồ Bát, đan cói Kim Sơn, vẽ tranh sơn mài Hạ Thái. Ngoài ra, có sự kết hợp với biểu diễn nghệ thuật dân gian như rối cạn Tế Tiêu, hát chèo, trống hội để nâng cao tính giải trí và chiều sâu văn hóa.

- *Gắn với thương mại điện tử và truyền thông số*: Một số làng nghề đã số hóa câu chuyện làng nghề (heritage storytelling), xây dựng video, mã QR giới thiệu quy trình sản xuất, đưa sản phẩm lên sàn thương mại điện tử OCOP. Điều này vừa giúp quảng bá, vừa tạo sự hứng thú cho du khách trước khi đến tham quan.

Nhờ các hoạt động trên, nhiều làng nghề, đặc biệt ở Ninh Bình đã tăng lượng khách 15-20% mỗi năm, doanh thu từ dịch vụ du lịch chiếm 20-40% tổng thu nhập làng nghề (số liệu khảo sát của Viện Văn hoá, Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch Việt Nam năm 2023-2024). Quan trọng hơn, du lịch trải nghiệm đã tạo động lực để nghề nhân duy trì sản xuất, khôi phục kỹ thuật cổ truyền và truyền nghề cho thế hệ trẻ.

4.2. Thực trạng khai thác các tuyến du lịch đường sông hiện có

Mặc dù hoạt động du lịch đường sông liên tỉnh trên hệ thống sông Đáy chưa phát triển tương xứng với tiềm năng, song một số tuyến du lịch đường thủy cục bộ trên các chi lưu đã được hình thành và bước đầu đạt những kết quả tích cực.

Tại tỉnh Ninh Bình, các tour du lịch bằng thuyền nan trên sông Sào Khê (thuộc Quần thể Danh thắng Tràng An) và trên sông Ngô Đồng (khu vực Tam Cốc - Bích Động) hiện thu hút trên 500.000 lượt khách mỗi năm. Ở Hà Nội, tuyến du lịch đường thủy trên suối Yến - tuyến đưa khách hành hương tới danh thắng Chùa Hương - cũng là lựa chọn phổ biến, với khoảng 1 triệu lượt khách/năm. Để đảm bảo quản lý và khai thác hiệu quả các tour này, chính quyền địa phương đã thành lập các hợp tác xã dịch vụ chèo thuyền, do cộng đồng cư dân sở tại trực tiếp vận hành. Mô hình này vừa tạo việc làm, thu nhập ổn định cho hàng nghìn lao động địa phương, vừa góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ nhờ sự am hiểu về địa bàn và văn hóa bản địa, đồng thời bảo đảm nguồn lợi kinh tế được phân phối trở lại cộng đồng. Đây là yếu tố quan trọng trong việc củng cố sự ủng hộ của người dân đối với định hướng phát triển du lịch bền vững.

Bên cạnh đó, một số doanh nghiệp lữ hành quốc tế đã bày tỏ sự quan tâm đến khai thác tuyến du lịch hạ lưu sông Đáy nhờ lợi thế có thể vận hành du thuyền trọng tải lớn. Năm 2015, hãng du thuyền Pandaw River Cruises (Vương quốc Anh) đã điều chuyển tàu Angkor Pandaw - loại tàu có mớn nước nông, với sức chứa 32 khách bao gồm thủy thủ đoàn - đến khai thác tuyến du lịch đường sông Hồng kết hợp sông Đáy. Hành trình được thiết kế theo hình thức tour trọn gói kéo dài 10 đêm, khai thác quanh năm, nhưng được điều chỉnh linh hoạt tùy theo mực nước sông vốn biến động theo mùa mưa - khô ở vùng Đồng bằng sông Hồng.

Lịch trình của du thuyền bắt đầu từ Vịnh Hạ Long, di chuyển qua Cát Bà - Hải Phòng, vào cửa Cấm, theo sông Kinh Thầy - sông Luộc - sông Hồng, và tiến vào hạ lưu sông Đáy. Trên hành trình, du khách được tham quan nhiều điểm đến văn hóa - làng nghề đặc sắc như làng múa rối nước Thanh Hà, làng dệt lụa Cổ Chất, làng đan lục bình Khánh Thiện (Ninh Bình). Tại Ninh Bình, du thuyền dừng tại khu vực thành phố Hoa Lư để du khách chuyển sang thuyền nhỏ do người dân địa phương điều khiển nhằm khám phá Quần thể Tràng An - Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới - và trải nghiệm thêm các làng nghề truyền thống trong vùng. Sau khi kết thúc chương trình ở Ninh Bình, du thuyền tiếp tục di chuyển theo sông Hồng về Hà Nội, tổ chức tham quan làng gốm Bát Tràng, sau đó đến tỉnh Phú Thọ để tìm hiểu văn hóa cộng đồng các dân tộc thiểu số.

Mô hình du lịch du thuyền Pandaw là một trong những bước thử nghiệm quan trọng nhằm hình thành tour du thuyền liên tỉnh, kết nối các trung tâm du lịch và làng nghề dọc các tuyến sông lớn. Đây là hướng đi giàu tiềm năng để nâng tầm sản phẩm du lịch miền Bắc, đồng thời thúc đẩy sự liên kết giữa các làng nghề trên hệ thống sông Đáy với các làng nghề ở sông Hồng, sông Đuống và những tuyến sông khác, tạo ra mạng lưới sản phẩm du lịch đặc trưng và gia tăng giá trị kinh tế - văn hóa cho toàn khu vực.

Nhìn chung, sự gắn kết du lịch đường sông với khai thác giá trị làng nghề ven sông Đáy mới ở giai đoạn khởi đầu nhưng đã có một số tín hiệu tích cực. Tại Ninh Bình, mô hình du lịch cộng đồng kết hợp làng nghề đang từng bước hình thành. Làng thêu ren Văn Lâm (Hoa Lư) và làng đá mỹ nghệ Ninh Vân đã xây dựng trung tâm giới thiệu sản phẩm ngay trong làng, mở cửa đón khách tham quan quy trình sản xuất và mua sắm hàng lưu niệm. Các đoàn khách tham quan Tràng An - Tam Cốc theo đường sông hiện đã được bổ sung chương trình ghé thăm làng Văn Lâm để trải nghiệm nghệ thuật thêu ren, trong khi các sản phẩm cói Kim Sơn được doanh nghiệp địa phương đa dạng hóa (chiếu, túi xách, đồ lưu niệm) và bày bán tại điểm du lịch, giúp nâng cao giá trị sản phẩm nghề thủ công truyền thống của cộng đồng địa phương.

Việc tăng cường liên kết du lịch đường sông với khai thác giá trị các làng nghề truyền thống giúp du khách kéo dài thời gian lưu trú và tăng mức chi tiêu; người dân làng nghề có thêm nguồn thu nhập ổn định. Ví dụ, làng nghề thêu ren Văn Lâm nhờ tăng số lượng khách đến tham quan, trải nghiệm, đã tạo thêm việc làm cho hàng trăm người lao động, đặc biệt là phụ nữ, và khuyến khích giới trẻ tiếp nối nghề truyền thống. Điều này không chỉ góp phần bảo tồn di sản của làng nghề mà còn tạo động lực để cộng đồng tham gia tích cực hơn vào chuỗi giá trị du lịch. Khi du lịch và làng nghề được kết nối, các giá trị văn hóa được “sống” trong đời sống đương đại, thay vì chỉ hiện diện trong bảo tàng, qua đó tạo tiền đề để phát triển các sản phẩm du lịch chuyên đề như “Một ngày làm nghệ nhân” hay “Tour tìm hiểu lịch sử làng nghề” trong tương lai.

4.3. Những mặt hạn chế và thách thức trong phát triển du lịch đường sông dựa trên khai thác giá trị làng nghề truyền thống

Phát triển du lịch đường sông dựa trên khai thác giá trị làng nghề truyền thống ở lưu vực sông Đáy đang đối mặt với nhiều rào cản cả về hạ tầng, môi trường và tổ chức khai thác:

- *Hạ tầng giao thông thủy chưa đáp ứng yêu cầu phát triển*: Nhiều cây cầu bắc qua sông Đáy có tĩnh không thấp (chỉ khoảng 9-10 m) gây khó khăn cho tàu thuyền trọng tải lớn, hạn chế khả năng khai thác các tuyến du thuyền liên tỉnh (ví dụ Cầu Gián Khẩu - Ninh Bình). Các bến thuyền du lịch thiếu về số lượng, còn tạm bợ, chưa được đầu tư đồng bộ²³. Phương tiện thủy phục vụ khách du lịch phần lớn nhỏ lẻ, chất lượng dịch vụ không đồng đều, chưa đáp ứng nhu cầu trải nghiệm cao cấp.

- *Ô nhiễm môi trường nước nghiêm trọng*: Sông Đáy đang chịu áp lực ô nhiễm lớn từ nước thải sinh hoạt và sản xuất làng nghề. Nhiều đoạn sông ghi nhận mức ô nhiễm vượt quy chuẩn hàng chục lần, gây ảnh hưởng tiêu cực đến cảnh quan, sức khỏe cộng đồng và chất lượng trải nghiệm của du khách²⁴.

- *Sản phẩm du lịch còn đơn điệu, thiếu chiều sâu*: Các tour du lịch đường sông hiện chủ yếu tập trung vào ngắm cảnh và tham quan di tích, ít tích hợp trải nghiệm làng nghề hoặc hoạt động mang tính tương tác cao. Các sản phẩm làng nghề chưa được thiết kế theo hướng quà lưu niệm du lịch đường sông, thiếu yếu tố sáng tạo, thẩm mỹ và câu chuyện văn hóa hấp dẫn để lôi cuốn du khách.

- *Liên kết giữa du lịch và làng nghề còn lỏng lẻo*: Phần lớn các làng nghề tự phát đón khách lẻ, chưa hình thành các điểm dừng chân chuyên nghiệp, thiếu sự phối hợp với doanh nghiệp lữ hành trong việc xây dựng sản phẩm tour trọn gói²⁵. Điều này khiến chuỗi giá trị du lịch chưa khép kín, khó gia tăng giá trị kinh tế cho cộng đồng địa phương.

Tóm lại, việc phát triển du lịch đường sông gắn với làng nghề truyền thống trên hệ thống sông Đáy đang bị cản trở bởi ba nút thắt chiến lược: hạ tầng thiếu đồng bộ (đặc biệt là tĩnh không cầu và hệ thống bến cảng), suy thoái môi trường và sản phẩm du lịch chưa có chiều sâu cùng với sự thiếu liên kết vùng. Việc tháo gỡ triệt để các rào cản này, thông qua việc áp dụng các giải pháp kỹ thuật và mô hình khai thác linh hoạt, là yếu tố quyết định để du lịch sông Đáy trở thành sản phẩm đặc thù, có tính cạnh tranh cao và phát triển bền vững trong chiến lược phát triển du lịch đường sông Vùng ĐBSH.

5. Giải pháp và mô hình phát triển du lịch đường sông gắn với phát huy giá trị làng nghề truyền thống

Để làng nghề trở thành trụ cột của du lịch đường sông trên tuyến sông Đáy, thành phố Hà Nội và tỉnh Ninh Bình mới cần có sự đầu tư đồng bộ vào hạ tầng kết nối, cơ chế hỗ trợ cộng đồng và xúc tiến thị trường.

5.1. Cải thiện hạ tầng, kỹ thuật và môi trường làng nghề

- *Về đầu tư hạ tầng kết nối làng nghề với du lịch đường sông*: Ưu tiên xây dựng các bến thuyền/điểm dừng du lịch cỡ nhỏ, tiêu chuẩn cao tại các làng nghề ven sông hoặc gần sông nhất (hiện nay hầu hết các làng nghề ven sông Đáy chưa được đầu tư xây dựng bến tàu du lịch). Các bến này phải tích hợp đường dẫn và bãi đỗ xe du lịch thuận tiện để kết nối linh hoạt giữa đường thủy và đường bộ, tạo điều kiện cho du khách dễ dàng tiếp cận các làng nghề nằm sâu trong đất liền.

- *Bảo vệ môi trường sông nước làng nghề*: Thực hiện các biện pháp quyết liệt để kiểm soát nguồn xả thải từ các làng nghề vào hệ thống sông Đáy. Hỗ trợ các làng nghề chuyển đổi công nghệ xử lý chất thải hoặc lắp đặt hệ thống thu gom tập trung, đảm bảo cảnh quan môi trường nước sông được cải thiện, tạo thiện cảm cho du khách khi ghé thăm.

5.2. Hỗ trợ cộng đồng làng nghề phát triển du lịch cộng đồng, du lịch đường sông

- *Xây dựng cơ chế liên kết làng nghề liên tỉnh*: Các tỉnh dọc sông Đáy, sông Hồng (Hà Nội - Ninh Bình - Hưng Yên - Hải Phòng) cần phối hợp xây dựng một đề án chung nhằm liên kết chuỗi giá trị làng nghề (từ nguyên liệu, sản phẩm đến du lịch). Đề án phải xác định các làng nghề trọng điểm trên tuyến để tập trung đầu tư, đảm bảo mỗi làng nghề cung cấp một trải nghiệm và sản phẩm khác biệt, tránh cạnh tranh nội vùng.

- *Tăng cường giá trị văn hóa cho sản phẩm thủ công*: Tổ chức các chương trình tập huấn để hỗ trợ nghệ nhân thiết kế lại sản phẩm làng nghề theo hướng du lịch (kích thước nhỏ, tiện lợi, có câu chuyện văn hóa đi kèm). Chú trọng phát triển các sản phẩm độc quyền, gắn với du thuyền hoặc tuyến đường sông.

- *Xây dựng thương hiệu “Di sản - Làng nghề Sông Đáy”*: Phối hợp xây dựng một thương hiệu du lịch chung cho tuyến sông. Tổ chức các chuyến khảo sát (famtrip) cho hãng lữ hành, báo chí, chuyên gia để quảng bá sâu rộng về trải nghiệm thực tế tại các làng nghề như một yếu tố độc đáo của tuyến sông Đáy.

²³ Báo cáo tổng hợp Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo tổng hợp quy hoạch tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo tổng hợp quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

²⁴ Quang Thế - Danh Khang (2023), “Ô nhiễm trầm trọng ở sông Nhuệ, sông Đáy khiến dân “kêu trời”. *Báo Tuổi Trẻ*.

²⁵ Du lị Minh Hải (2023), “Du lịch làng nghề, Hiệu quả chưa tương xứng với tiềm năng”. *Báo và Phát thanh, Truyền hình Ninh Bình*.

- *Đào tạo hướng dẫn viên tại chỗ*: Tập trung đào tạo nghiệp vụ, kỹ năng giao tiếp và ngoại ngữ cho người dân địa phương (hậu duệ làng nghề) để họ trở thành những hướng dẫn viên, người kể chuyện văn hóa tại chính làng mình.

5.3. Tích hợp du lịch đường sông - làng nghề - các di sản văn hoá tôn giáo vùng sông Đáy

- *Đồng bộ hóa quy chế quản lý di sản*: Chính quyền địa phương cần phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý di tích tôn giáo (Ban Quản lý Chùa Hương, Tràng An, Giáo phận Phát Diệm,...) để xây dựng Quy chế ứng xử thống nhất với du khách (về trang phục, thái độ, chụp ảnh) tại các điểm di sản văn hóa tôn giáo. Điều này đảm bảo tính tôn nghiêm và tôn trọng văn hóa địa phương.

- *Thiết lập cơ chế phối hợp hướng dẫn viên*: Tổ chức các lớp tập huấn chung về kiến thức lịch sử tôn giáo và kỹ năng thuyết minh làng nghề cho đội ngũ hướng dẫn viên. Mỗi hướng dẫn viên tại làng nghề cần được đào tạo thêm kiến thức cơ bản về di sản tôn giáo lân cận để có thể kể câu chuyện liên kết, tạo ra một dòng chảy thông tin liền mạch cho du khách.

- *Ứng dụng công nghệ để tích hợp thông tin*: Xây dựng một ứng dụng di động (App) chung cho tuyến sông Đáy, tích hợp: Bản đồ tuyến đường sông và các điểm dừng; Thông tin chi tiết về từng làng nghề (nghệ nhân, quy trình); Thông tin lịch sử và kiến trúc của các di sản văn hóa tôn giáo.

5.4. Mô hình đề xuất

- *Mô hình “1 ngày làm nghệ nhân”* trên tuyến sông Đáy: Mô hình này lấy trải nghiệm thực tế tại làng nghề làm trọng tâm, kết hợp với tính linh hoạt của du lịch đường sông để tạo ra sản phẩm liên tuyến độc đáo.

Đoạn hành trình	Phương tiện chính	Mục tiêu khai thác
Đường sông chính	Du thuyền cỡ vừa/ xe Buýt Du lịch	Đảm bảo sự tiện nghi và di chuyển nhanh qua các đoạn thuận lợi; vận chuyển khách đến các bến/điểm chuyển tải.
Tiếp cận làng nghề ven sông	Thuyền nhỏ truyền thống (Thuyền nan)	Vượt qua các điểm nghẽn (cầu thấp, luồng nông) và đưa khách di chuyển vào các chi lưu nhỏ để

		tiếp cận trực tiếp làng nghề (dệt lụa Phùng Xá, thêu ren Văn Lâm, chế tác đá Ninh Vân, gốm Bò Bát...).
Tiếp cận làng nghề sâu nội địa	Xe ô tô du lịch cỡ nhỏ	Đảm bảo du khách ghé thăm được các làng nghề trọng điểm nằm xa bờ sông (làm trống Đọi Tam, mây tre đan Phú Vinh) một cách thuận tiện.

- *Mô hình trải nghiệm “nhập vai” làng nghề*: Xây dựng các sản phẩm du lịch theo chủ đề “Truyền thống và Sáng tạo”, cho phép du khách không chỉ xem mà còn thực hành:

+ Trải nghiệm chạm khắc và tạo tác: Tại làng trống Đọi Tam (Ninh Bình), du khách trực tiếp trải nghiệm các công đoạn căng da, đóng tang và tự tay làm trống mini để mang về. Tại Làng chạm khắc đá Ninh Vân/ chạm khắc gỗ La Xuyên (Ninh Bình), du khách được chiêm ngưỡng quy trình điêu khắc đá/gỗ và thử nghiệm các kỹ thuật chạm khắc đơn giản dưới sự hướng dẫn của thợ cả.

+ Trải nghiệm dệt may và đan lát thủ công: Tại làng lụa Vạn Phúc (Hà Nội): Tham quan xưởng dệt và học cách nhận biết các loại tơ lụa. Tại Làng thêu ren Văn Lâm (Ninh Bình): Tập thêu các họa tiết cơ bản. Tại làng cói Kim Sơn (Ninh Bình): Tham gia các công đoạn chế cói, đan sản phẩm và tự tay hoàn thiện một chiếc ví hoặc mũ cói nhỏ làm kỷ niệm.

+ Trải nghiệm gốm sứ và ẩm thực: Tại làng gốm Bò Bát (Ninh Bình): Thử sức với bàn xoay gốm, tạo ra sản phẩm của riêng mình; Du lịch ẩm thực làng nghề: Kết hợp lưu trú homestay và thưởng thức các món ăn đặc sản tại gia đình nghệ nhân.

Mô hình trải nghiệm “nhập vai” làng nghề sẽ biến hành trình trên sông Đáy thành một bảo tàng sống, nơi du khách cảm nhận sâu sắc văn hóa Vùng ĐBSH thông qua bàn tay và câu chuyện của các nghệ nhân.

6. Kết luận

Phát triển du lịch đường sông gắn với làng nghề truyền thống trên hệ thống sông Đáy là một hướng đi chiến lược, có khả năng biến con sông này thành một “tuyến du lịch di sản liên tỉnh” độc đáo của Việt Nam. Nghiên cứu cho thấy sông Đáy hội tụ đầy đủ các yếu tố tài nguyên để hình thành sản phẩm du lịch hấp dẫn, từ cảnh quan thiên nhiên, di sản văn hóa - lịch sử đặc sắc cho đến các làng nghề truyền thống lâu đời. Tuy nhiên, hiện trạng khai thác còn phân tán, manh mún, đòi hỏi phải có giải pháp đồng bộ về hạ tầng, môi trường

và sản phẩm để nâng cao sức cạnh tranh của du lịch sông Đáy. Các rào cản như hạ tầng chưa đồng bộ, ô nhiễm nguồn nước, sự thiếu gắn kết giữa du lịch với làng nghề cần được tháo gỡ bằng tầm nhìn quy hoạch dài hạn và sự phối hợp chặt chẽ giữa các tỉnh liên quan. Việc triển khai mô hình thí điểm linh hoạt kết hợp thuyền nhỏ - du thuyền - ô tô, cùng với phát triển những tour trải nghiệm làng nghề độc đáo, sẽ không chỉ tạo sinh kế và nâng cao thu nhập cho cộng đồng địa phương, mà còn góp phần bảo tồn hiệu quả các giá trị văn hóa truyền thống của vùng. Kết quả nghiên cứu cũng gợi mở rằng để du lịch đường sông liên tỉnh phát triển bền vững, cần có sự tham gia tích cực của chính quyền trong hỗ trợ hạ tầng - chính sách, sự năng động sáng tạo của doanh nghiệp trong xây dựng sản phẩm, và đặc biệt là sự hưởng ứng của cộng đồng cư dân - những chủ thể giữ gìn và phát huy di sản. Với định hướng đúng đắn và các bước đi phù hợp, sông Đáy trong tương lai gần có thể trở thành điểm nhấn mới trên bản đồ du lịch Việt Nam, góp phần đưa vùng ĐBSH trở thành một điểm đến du lịch đường sông đặc sắc trong khu vực.

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT HỘ LÀM NGHỀ

Đề tài: *Khai thác giá trị làng nghề thủ công truyền thống trong phát triển du lịch đường sông vùng Đồng bằng sông Hồng*

Đối tượng và phạm vi khảo sát:

- **Số lượng phiếu:** 300 hộ làm nghề thủ công.
- **Địa bàn:** Tp. Hà Nội, tỉnh Bắc Ninh và tỉnh Ninh Bình.
- **Thời gian thực hiện:** 2024-2025.

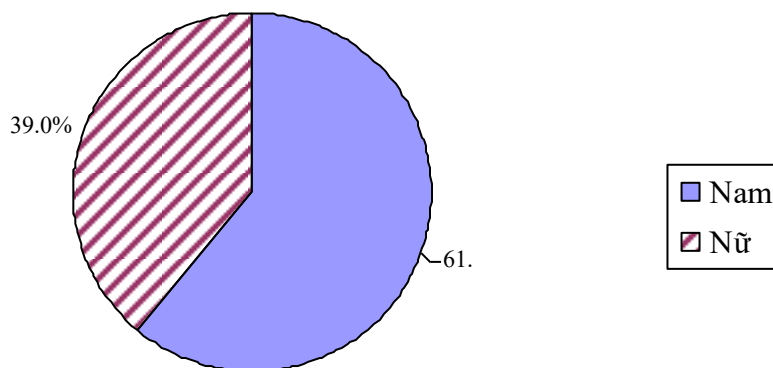
Phần 1: Đặc điểm chung của các hộ gia đình được khảo sát

Phần này cung cấp thông tin tổng quan về nhân khẩu học và kinh nghiệm của các hộ gia đình tham gia khảo sát, là nền tảng để hiểu rõ hơn về nguồn nhân lực tại các làng nghề.

1.1. Thông tin nhân khẩu học

Về giới tính: Tỷ lệ nữ giới là chủ hộ hoặc người trả lời phỏng vấn chiếm đa số với 61.0%, trong khi nam giới chiếm 39.0%. Điều này cho thấy vai trò quan trọng của phụ nữ trong việc duy trì và vận hành các hoạt động sản xuất tại làng nghề.

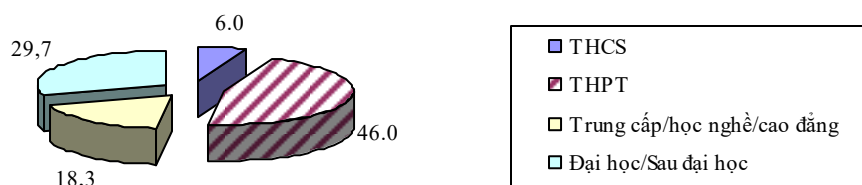
Biểu đồ: Đặc điểm giới tính



(Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài năm 2024-2025)

Về trình độ học vấn:

Biểu đồ: Đặc điểm trình độ học vấn



(Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài năm 2024-2025)

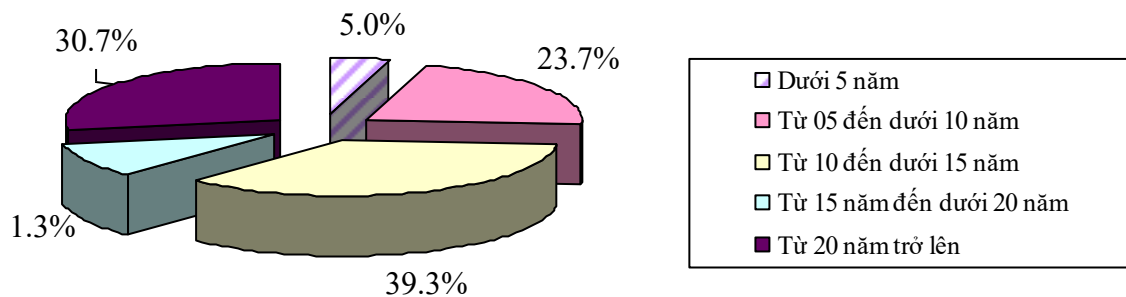
Trình độ THPT chiếm tỷ lệ cao nhất 46.0%. Trình độ Đại học/Sau đại học chiếm tỷ lệ đáng kể 29.7%. Trình độ Trung cấp/Học nghề/Cao đẳng chiếm 18.3%. Trình độ THCS chiếm tỷ lệ thấp nhất 6%. Nhìn chung, mặt bằng học vấn của các chủ hộ tại làng nghề khá cao. Đây là nguồn nhân

lực có tiềm năng để tiếp thu công nghệ, đổi mới sáng tạo và tham gia vào các hoạt động du lịch chuyên nghiệp.

II. Nội dung nghiên cứu

1. Thời gian gia đình làm nghề thủ công truyền thống

Biểu đồ: Thời gian làm nghề của các hộ gia đình

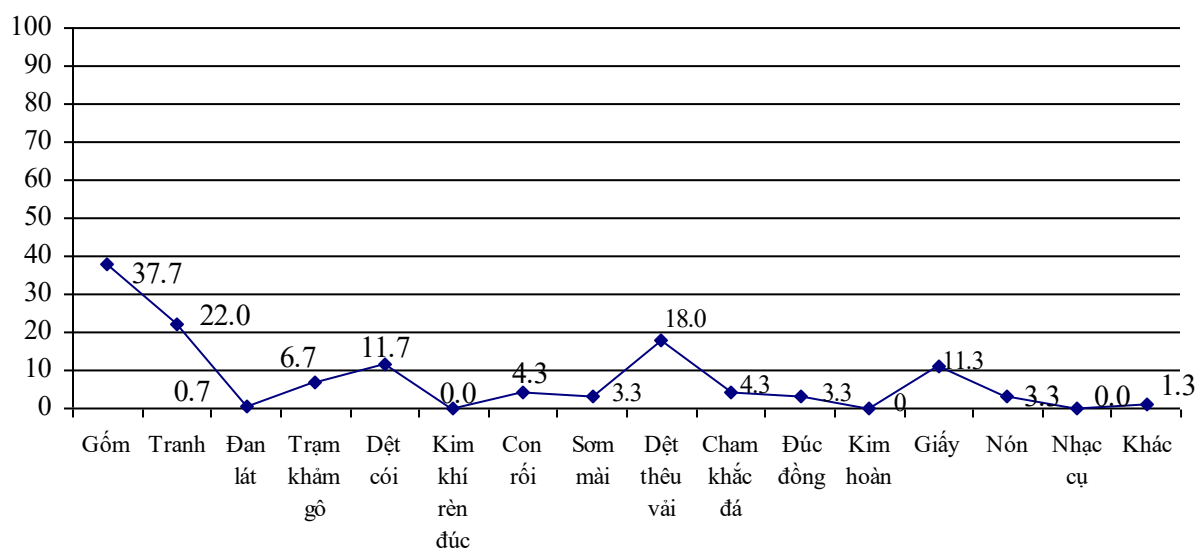


(Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài năm 2024-2025)

Kết quả khảo sát về thâm niên làm nghề của các hộ gia đình, cho thấy tính kế thừa và sự gắn bó lâu đời với nghề thủ công truyền thống: 39.3% hộ gia đình làm nghề từ 10 đến dưới 15 năm chiếm tỷ lệ cao nhất ở nghiên cứu này. Tiếp theo, 30.7% hộ gia đình làm từ 20 năm trở lên; 23.7% hộ gia đình làm từ 5 đến dưới 10 năm. Từ 15 đến dưới 20 năm và từ 5 năm trở xuống chiếm tỷ lệ thấp ở cuộc khảo sát này.

2. Các mặt hàng thủ công mỹ nghệ các hộ gia đình sản xuất

Biểu đồ: Tỷ lệ hộ gia đình sản xuất các mặt hàng thủ công mỹ nghệ (tỷ lệ %)

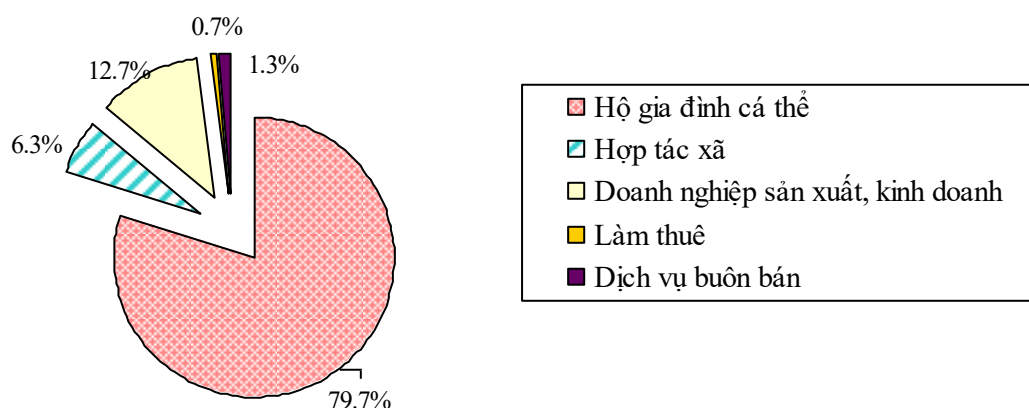


(Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài năm 2024-2025)

Các mặt hàng thủ công mỹ nghệ các gia đình sản xuất chủ yếu tại các địa bàn khảo sát ở nghiên cứu này là gốm, tranh, dệt thêu vải, dệt cói, giấy... Các tỷ lệ có sản xuất mặt hàng thủ công mỹ nghệ trên cũng không cao thể hiện ở biểu đồ trên.

3. Hình thức tổ chức làm nghề của gia đình

Biểu đồ: Hình thức tổ chức làm nghề của gia đình (tỷ lệ %)



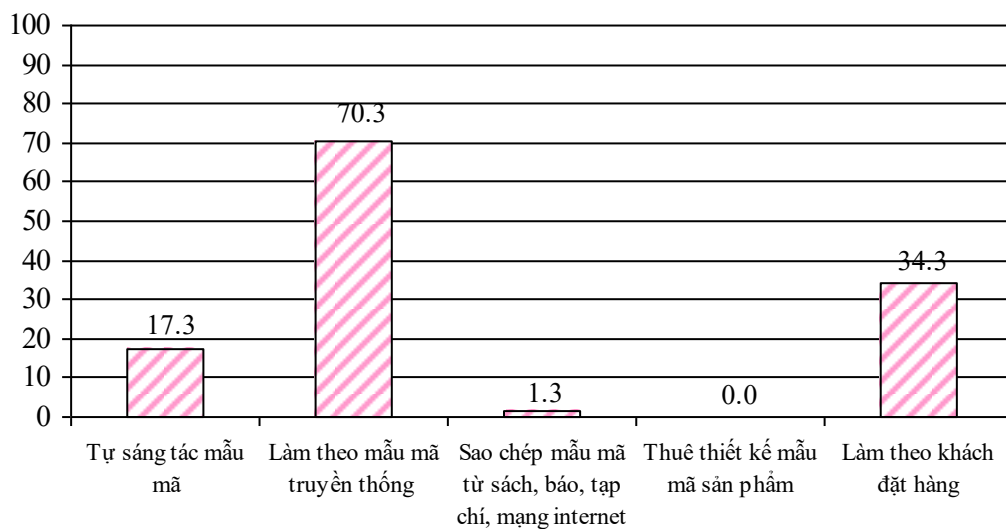
(Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài năm 2024-2025)

Tìm hiểu mô hình hoạt động phổ biến là hộ gia đình, tổ hợp tác hay doanh nghiệp, kết quả 79.7% trong số những người được hỏi là hộ gia đình cá thể. Các cách thức tổ chức làng nghề của

gia đình chiếm tỷ lệ thấp hơn, thể hiện ở biểu đồ trên.

4. Cách thức sáng tác mẫu mã sản phẩm

Biểu đồ: Cách thức sáng tác mẫu mã sản phẩm (tỷ lệ %)

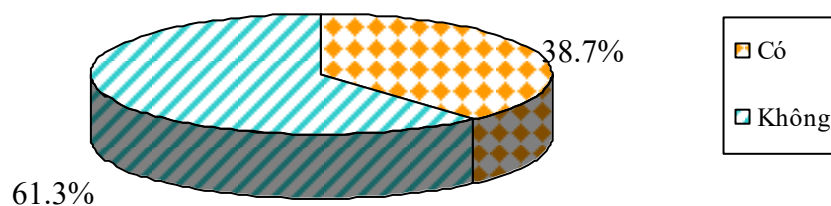


(Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài năm 2024-2025)

Nghiên cứu tiến hành khảo sát về cách thức sáng tác mẫu mã sản phẩm của các hộ gia đình là chủ yếu làm theo mẫu mã truyền thống chiếm 70.3%. Một số người dân làm theo khách đặt hàng 34.3%. Chỉ có 17.3% hộ gia đình tự sáng tác mẫu mã. Không có ai trong số những người được hỏi thuê thiết kế mẫu mã sản phẩm.

5. Tỷ lệ gia đình có sử dụng máy móc thiết bị vào các công đoạn sản xuất

Biểu đồ: Tỷ lệ gia đình có sử dụng máy móc thiết bị vào các công đoạn sản xuất

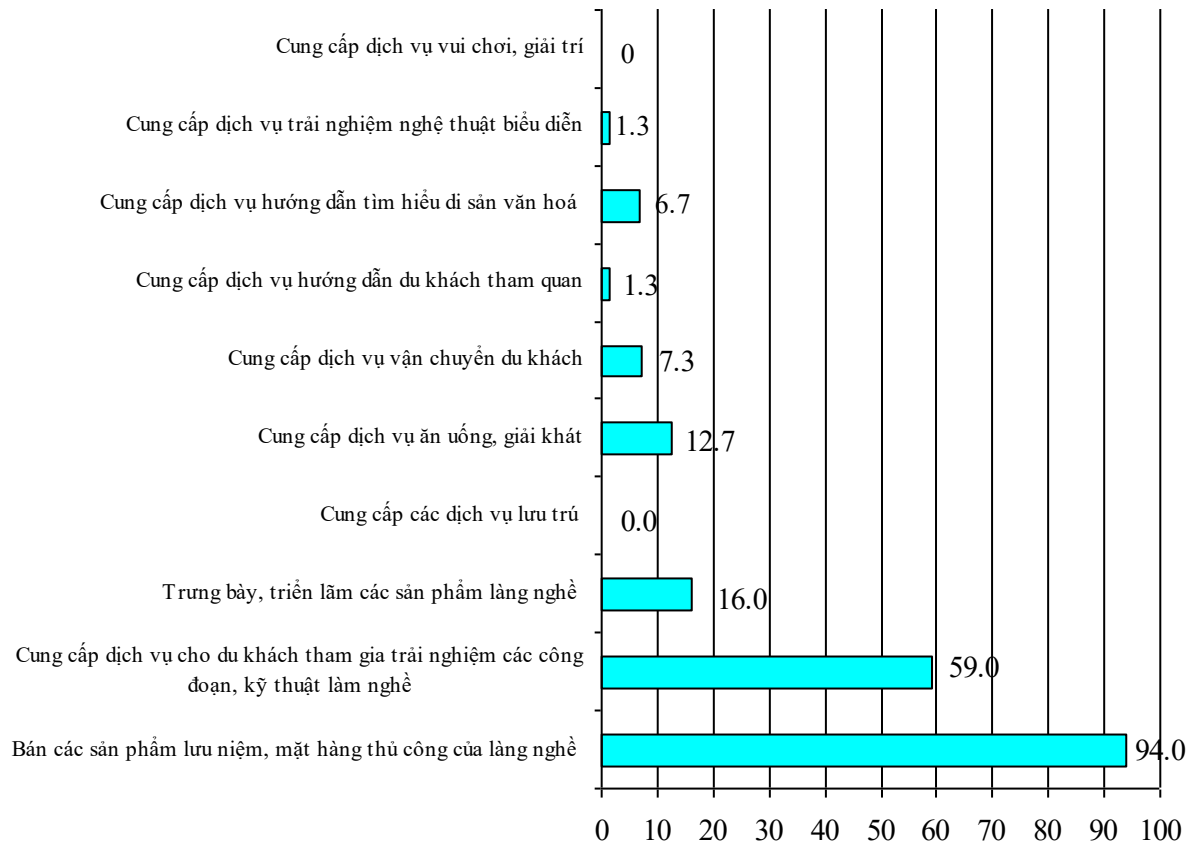


(Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài năm 2024-2025)

Phần lớn các gia đình cho biết không sử dụng máy móc thiết bị vào các công đoạn sản xuất chiếm 61.3%; 38.7% người dân không sử dụng máy móc thiết bị vào các công đoạn sản xuất.

6. Các sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách du lịch tham quan làng nghề

Biểu đồ: Các sản phẩm, dịch vụ hộ gia đình làm nghề cung cấp cho khách du lịch tham quan làng nghề (tỷ lệ %)



(Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài năm 2024-2025)

Biểu đồ trên cho thấy, dịch vụ bán các sản phẩm lưu niệm, mặt hàng thủ công của làng nghề cho du khách chiếm tỷ lệ cao nhất với 94.0%. Tiếp đến là cung cấp dịch vụ cho du khách tham gia trải nghiệm các công đoạn, kỹ thuật làm nghề 59.0%; Trưng bày, triển lãm các sản phẩm làng nghề cho khách tham quan, tìm hiểu chiếm 16.0%.

Ngoài ra, các sản phẩm, dịch vụ hộ gia đình làm nghề cung cấp cho khách du lịch tham quan làng nghề là cung cấp các dịch vụ lưu trú (ngủ nghỉ); dịch vụ ăn uống, giải khát; dịch vụ vận chuyển du khách; dịch vụ hướng dẫn du khách tham quan, tìm hiểu văn hoá làng nghề; dịch vụ hướng dẫn tìm hiểu di sản văn hoá vật thể (di tích, đình, đền, chùa, miếu, nhà cổ...) và di sản văn hoá phi vật thể (phong tục, tập quán, lễ hội của làng nghề...); cung cấp dịch vụ trải nghiệm nghệ thuật biểu diễn; dịch vụ vui chơi, giải trí

7. Mức độ hấp dẫn của các yếu tố tại làng nghề đối với du khách

Bảng 1: Mức độ hấp dẫn của các yếu tố tại làng nghề đối với du khách (tỷ lệ %)

Yếu tố hấp dẫn	Rất hấp dẫn/hấp dẫn	Bình thường	Ít hấp dẫn/không hấp dẫn
Chất lượng và kỹ thuật chế tác sản phẩm	82.6	0.0	17.4
Các mẫu mã, sản phẩm độc đáo	82.0	0.7	17.3
Quy trình và các công cụ sản xuất truyền thống	79.3	3.4	17.3
Di sản văn hoá vật thể (đình, đền, chùa, nhà cổ...)	66.6	15.3	18.1
Khu trưng bày tư liệu, hiện vật về lịch sử làng nghề	73.3	10.0	16.7
Sự hiếu khách và văn hoá ứng xử của người dân	72.6	16.0	11.4
Các nghi lễ, lễ hội truyền thống	70.7	28.0	1.3
Giá bán sản phẩm	48.0	11.3	18.7
Môi trường, cảnh quan của làng nghề	45.6	47.7	6.7
Ẩm thực của làng nghề	30.6	25.3	44.0
Truyền thông, quảng bá về làng nghề	32.7	49.3	18.0
Truyền thuyết, truyện dân gian về làng nghề	37.6	62.4	0.0
Chi phí tour tham quan làng nghề	41.3	47.7	11.0

(Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài năm 2024-2025)

Bảng số liệu trên cho biết, theo đánh giá của người dân làm nghề tại địa phương, có một số yếu tố có mức độ rất hấp dẫn/hấp dẫn đối với du khách chiếm tỷ

lệ cao trên 70.0% là: Chất lượng và kỹ thuật chế tác sản phẩm 82,6%; Các mẫu mã, sản phẩm độc đáo 82,0%; Quy trình và công cụ sản xuất truyền thống 79,3%; Khu trưng bày tư liệu, hiện vật 73,3%; Sự hiếu khách và văn hoá ứng xử 72,6%; Các nghi lễ, lễ hội truyền thống 70,7%. Điều này cho thấy giá trị cốt lõi của du lịch làng nghề nằm ở sản phẩm thủ công, sự độc đáo trong chế tác, yếu tố văn hóa – tinh thần và con người. Đây là những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy, vì chúng trực tiếp tạo nên trải nghiệm khác biệt cho du khách.

Những yếu tố hấp dẫn chiếm tỷ lệ trên 40.0 là: Di sản văn hoá vật thể 66,6%; Giá bán sản phẩm 48,0%; Môi trường, cảnh quan 45,6%, Chi phí tour tham quan 41,3%. Những yếu tố này ảnh hưởng trực tiếp đến sự hài lòng, nhưng chưa phải là điểm mạnh. Du khách quan tâm nhưng chưa thực sự thấy hấp dẫn, cần có giải pháp cải thiện môi trường cảnh quan, tính hợp lý về giá cả và chi phí tour để nâng cao trải nghiệm.

Đặc biệt, một số yếu tố mức độ hấp dẫn bình thường đối với du khách chiếm tỷ lệ trên 47.0% là: Truyền thuyết, truyện dân gian về làng nghề 62.4%; Truyền thông, quảng bá về làng nghề 49.3%; Môi trường, cảnh quan của làng nghề và Chi phí tour tham quan làng nghề đều chiếm 47.7%.

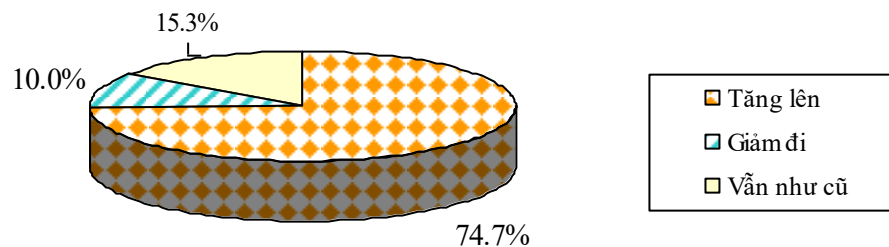
Nhóm được đánh giá rất tốt/tốt chiếm tỷ lệ trên 30.0% là: Ẩm thực của làng nghề 30,6%, thậm chí có tới 44.0% ý kiến đánh giá ít hấp dẫn/không hấp dẫn; Truyền thông, quảng bá 32,7%: Truyền thuyết, truyện dân gian 37,6%. Công tác truyền thông, quảng bá và kể chuyện về lịch sử, truyền thuyết làng nghề còn yếu, trong khi đây có thể là “chất liệu” để tạo chiều sâu văn hoá cho sản phẩm du lịch.

Điều này cho thấy, điểm mạnh nổi bật là các yếu tố liên quan trực tiếp đến sản phẩm (chất lượng, mẫu mã độc đáo) và quy trình sản xuất truyền thống được đánh giá là hấp dẫn nhất. Đây chính là "linh hồn" và lợi thế cạnh tranh lớn nhất của các làng nghề. Các giá trị văn hóa - lịch sử (di sản vật thể, khu trưng bày, lễ hội) và yếu tố con người (sự hiếu khách) cũng được xem là rất thu hút có tiềm năng lớn. Tuy

nhiên, các yếu tố về ẩm thực, cảnh quan môi trường và đặc biệt là công tác truyền thông, quảng bá đang được đánh giá là ít hấp dẫn nhất. Đây là những khía cạnh cần được đầu tư để nâng cao trải nghiệm toàn diện cho du khách.

8. Đánh giá lượng du khách đến tham quan, trải nghiệm tại làng nghề so với những năm trước Covid 19 xảy ra

Biểu đồ: Đánh giá lượng du khách đến tham quan, trải nghiệm tại làng nghề so với những năm trước Covid 19 xảy ra



(Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài năm 2024-2025)

Biểu đồ trên cho thấy, lượng khách du lịch đến tham quan, trải nghiệm tại làng nghề so với những năm trước Covid 19 xảy ra đã tăng lên chiếm 74.7% trong số những người được hỏi. Chỉ bộ phận nhỏ người dân cho rằng lượng khách du lịch đến tham quan, trải nghiệm tại làng nghề so với những năm trước Covid 19 xảy ra giảm đi chiếm 10.0%. Bên cạnh đó, có 15.3% ý kiến ước lượng lượng khách so với trước COVID-19 vẫn như cũ.

9. Đánh giá về tuyến du lịch tham quan làng nghề bằng đường sông hiện nay

Kết quả khảo sát cho thấy một thực trạng đáng báo động: hầu hết các yếu tố cấu thành một tuyến du lịch đường sông đều không tồn tại ở khu vực khảo sát. Có tới 66.7% trong số người được hỏi cho rằng "Không có" các dịch vụ và hạ tầng như: cầu cảng, phương tiện vận chuyển, kết nối điểm đến, chi phí tour, trang thiết bị an toàn, dịch vụ ăn uống, giải trí, quà lưu niệm, hướng dẫn viên, hệ thống biển báo và tài liệu quảng bá. Chỉ có 100 người (khoảng 33.0%) có đưa ra đánh giá,

cho thấy du lịch đường sông tại khu vực này còn rất sơ khai hoặc chưa được phát triển. Đây là thách thức lớn nhất nhưng cũng là cơ hội để quy hoạch và phát triển bài bản ngay từ đầu.

Trong số 100 người có đánh giá về tuyến du lịch tham quan làng nghề bằng đường sông hiện nay, kết quả như sau:

Bảng: Đánh giá về tuyến du lịch tham quan làng nghề bằng đường sông hiện nay (tỷ lệ %)

TT	Nội dung	Rất tốt/tốt	Bình thường	Không tốt lắm/Không tốt
1.	Hệ thống cầu cảng, bến đỗ và trạm dừng nghỉ	8.0	5.0	87.0
2.	Phương tiện vận chuyển khách	92.0	8.0	0.0
3.	Kết nối các điểm đến trên hành trình du lịch	57.0	37.0	6.0
4.	Chi phí tour du lịch đường sông	9.0	78.0	13.0
5.	Trang thiết bị bảo đảm an toàn cho du khách	94.0	0.0	6.0
6.	Chất lượng sản phẩm, dịch vụ ăn uống cung cấp cho hành khách trên tuyến đường sông	71.0	29.0	0.0
7.	Chất lượng sản phẩm dịch vụ giải trí cung cấp cho khách trên tuyến đường sông	51.0	49.0	0.0
8.	Chất lượng sản phẩm lưu niệm cung cấp cho khách trên tuyến đường sông	37.0	54.0	9.0
9.	Hướng dẫn viên, thuyết minh viên trên tour đường sông	94.0	0.0	6.0
10.	Hệ thống biển báo, chỉ dẫn, bảng thông tin về hành trình du lịch, điểm đến	22.0	62.0	14.0

11.	Hệ thống thông tin, tài liệu quảng bá giới thiệu điểm đến và làng nghề cung cấp cho du khách theo tour đường sông	2.0	49.0	47.0
-----	---	-----	------	------

(Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài năm 2024-2025)

Trong số các yếu tố nghiên cứu đưa ra, có những yếu tố nhận được mức độ đánh giá rất tốt/tốt chiếm tỷ lệ cao trên 70.0% là Phương tiện vận chuyển khách 92.0%; Trang thiết bị bảo đảm an toàn; Hướng dẫn viên, thuyết minh viên đều chiếm 94%; Chất lượng sản phẩm, dịch vụ ăn uống (71%). Đây là thế mạnh nổi bật, cho thấy tuyến du lịch đường sông hiện nay khá chuyên nghiệp trong vận chuyển, an toàn, nhân lực thuyết minh, và dịch vụ ăn uống. Đây là cơ sở quan trọng để tạo sự tin tưởng và hài lòng cho du khách.

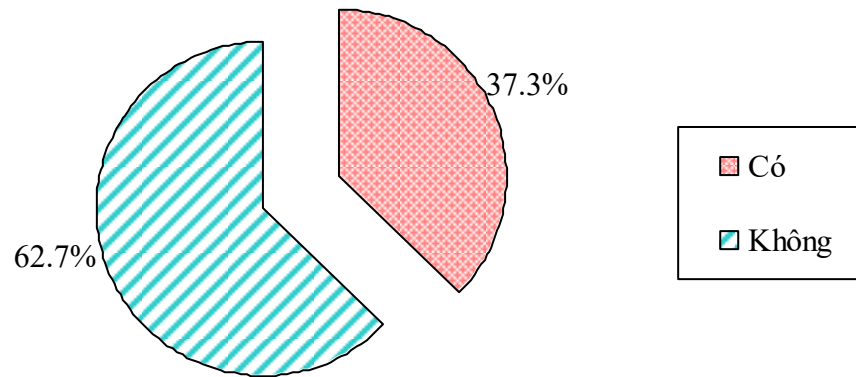
Hai yếu tố được đánh giá rất tốt/tốt có tỷ lệ trên 50.0%, nhưng cũng có nhiều người đánh giá ở mức bình thường, thậm chí có ý kiến cho rằng không tốt lắm/không tốt đó là: kết nối các điểm đến (57% rất tốt/tốt, 37% bình thường, 6% chưa tốt). Chất lượng sản phẩm dịch vụ giải trí (51% tốt, 49% bình thường). Đây là nhóm yếu tố có tiềm năng nhưng cần nâng cấp, đặc biệt là kết nối điểm đến và sản phẩm bổ trợ để tăng trải nghiệm cho du khách.

Bên cạnh đó, có một số yếu tố có tỷ lệ khá cao đánh giá không tốt lắm/không tốt là: Hệ thống cầu cảng, bến đỗ, trạm dừng nghỉ chiếm tới 87.0%; Hệ thống thông tin, tài liệu quảng bá giới thiệu điểm đến và làng nghề cung cấp cho du khách theo tour đường sông là 47.0%; Hệ thống biển báo, chỉ dẫn, bảng thông tin về hành trình du lịch, điểm đến 14.0%; Chi phí tour du lịch đường sông (chỉ 9% tốt, 78% bình thường, 13% chưa tốt). Nhóm các yếu tố này là hạn chế then chốt ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển bền vững của tuyến du lịch như cơ sở hạ tầng, quảng bá, chỉ dẫn... khiến du khách thiếu thông tin và khó kết nối với giá trị văn hóa làng nghề.

Như vậy, những tiêu chí về an toàn, phương tiện vận chuyển, đội ngũ thuyết minh, dịch vụ ăn uống phần nào cho thấy đã có sự đánh giá cao của cộng đồng làng nghề. Tuy nhiên, cơ sở hạ tầng hệ thống cầu cảng, trạm dừng, công tác thông tin, quảng bá, biển báo, chi phí tour là những yếu tố nền tảng nhưng còn kém, làm giảm sự hấp dẫn của tuyến du lịch tham quan làng nghề bằng đường sông hiện nay.

10. Tỷ lệ hộ gia đình có kết hợp với các công ty du lịch đường sông để thu hút khách du lịch tới sử dụng sản phẩm, dịch vụ của làng nghề

Biểu đồ: Tỷ lệ hộ gia đình có kết hợp với các công ty du lịch đường sông để thu hút khách du lịch tới sử dụng sản phẩm, dịch vụ của làng nghề

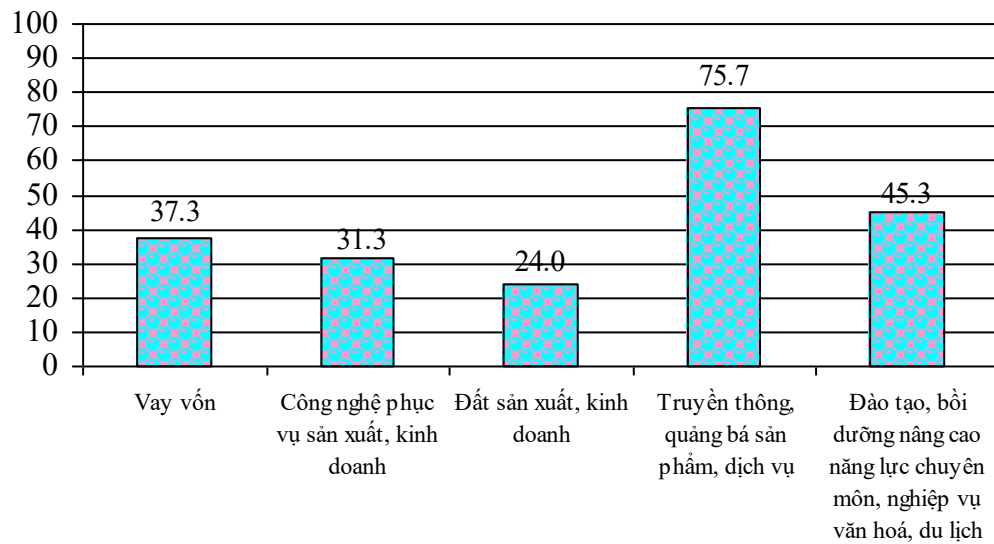


(Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài năm 2024-2025)

Kết quả khảo sát cho thấy, hiện nay chỉ có 37.3% hộ gia đình cho biết có kết hợp với các công ty du lịch đường sông để thu hút khách du lịch tới sử dụng sản phẩm, dịch vụ của làng nghề. Bên cạnh đó, cũng có tỷ lệ khá cao 62,7% ý kiến trả lời không kết hợp với các công ty du lịch đường sông để thu hút khách du lịch tới sử dụng sản phẩm, dịch vụ của làng nghề. Điều này cho thấy các tour tuyến du lịch đường sông gần như chưa có nhiều để các hộ có thể hợp tác phát triển các sản phẩm, dịch vụ làng nghề cung cấp đến cho du khách tham quan du lịch bằng đường sông.

11. Tỷ lệ hộ gia đình nhận được sự hỗ trợ của chính quyền nhằm bảo tồn, phát huy văn hoá làng nghề gắn với phát triển du lịch

Biểu đồ: Tỷ lệ hộ gia đình nhận được sự hỗ trợ của chính quyền nhằm bảo tồn, phát huy văn hoá làng nghề gắn với phát triển du lịch (tỷ lệ %)



(Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài năm 2024-2025)

Biểu đồ trên thể hiện, các hộ gia đình làng nghề đã nhận được sự hỗ trợ của chính quyền nhằm bảo tồn, phát huy văn hoá làng nghề gắn với phát triển du lịch với nhiều hình thức khác nhau, trong đó tỷ lệ cao nhất là 75.7% gia đình nhận được truyền thông, quảng bá sản phẩm, dịch vụ. Thứ hai, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ văn hoá, du lịch chiếm 45,3%. Thứ ba, vay vốn là 37.3%. Thứ tư, hỗ trợ công nghệ phục vụ sản xuất kinh doanh 31.3% và cuối cùng 24.0% được nhận hỗ trợ đất sản xuất, kinh doanh. Như vậy, chính quyền chú trọng truyền thông và quảng bá, bước đầu giúp nâng cao nhận diện sản phẩm và làng nghề. Các hỗ trợ vay vốn, công nghệ còn hạn chế, khiến hộ gia đình gặp khó khăn trong việc mở rộng sản xuất và cải tiến sản phẩm. Do đó, cần tăng cường chính sách đồng bộ hơn, để hỗ trợ các hộ gia đình có điều kiện sản xuất và kinh doanh ổn định và lâu dài nhằm bảo tồn, phát huy văn hoá làng nghề gắn với phát triển du lịch.

12. Mức độ cần thiết của các giải pháp để khai thác giá trị làng nghề trong phát triển các tour, tuyến du lịch đường sông

Về các giải pháp cần thiết để phát triển du lịch đường sông các hộ gia đình đã chỉ ra rất rõ những việc cần làm, thể hiện sự đồng thuận rất cao về các giải pháp mang tính chiến lược và nền tảng.

Bảng 2: Mức độ cần thiết của các giải pháp để khai thác giá trị làng nghề trong phát triển các

tour, tuyến du lịch đường sông (tỷ lệ %)

TT	Nội dung	Rất cần thiết/cần thiết	Bình thường	Không cần thiết lắm/Không cần thiết
1.	Giữ gìn, tôn tạo cảnh quan và bảo vệ môi trường	100.0	0.0	0.0
2	Xây dựng các sản phẩm, dịch vụ văn hoá phù hợp với tour du lịch đường sông	100.0	0.0	0.0
3	Sáng tạo các sản phẩm du lịch gắn truyền thuyết và lịch sử làng nghề, câu chuyện dân gian gắn với làng nghề, sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng	95.0	0.0	5.0
4.	Cải tiến mẫu mã các sản phẩm của làng nghề	94.0	6.0	0.0
5.	Đảm bảo chất lượng các sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách du lịch	94.0	0.0	6.0
6	Phát triển các dịch vụ để du khách trải nghiệm các quy trình, sử dụng công cụ, kỹ thuật chế tác sản phẩm làm nghề	55.3	34.7	0.0
7	Trung bày, giới thiệu về tài liệu, hiện vật, sản phẩm để khách du lịch hiểu về văn hoá, lịch sử của làng nghề	100.0	0.0	0.0
8.	Tổ chức các sự kiện cho các nghệ nhân dân gian, thợ thủ công truyền thống trình	100.0	0.0	0.0

	diễn chế tác sản phẩm đỉnh cao cho du khách xem			
9.	Áp dụng công nghệ vào sản xuất các sản phẩm, giới thiệu, trưng bày các sản phẩm sáng tạo từ công nghệ	45.3	38.3	6.3
10.	Quảng bá, giới thiệu về văn hoá làng nghề trên các phương tiện báo chí, internet, các cuộc thi, triển lãm, hội chợ...	94.5	5.5	0.0
11.	Có chính sách khuyến khích hỗ trợ các hộ gia đình làng nghề bảo vệ và phát huy văn hoá làng nghề gắn với phát triển du lịch	95.0	0.0	5.0
12.	Có chính sách khuyến khích thu hút đầu tư phát triển du lịch đường sông	100.0	0.0	0.0
13.	Đầu tư xây dựng hoàn thiện hạ tầng cơ sở du lịch làng nghề, nhất là du lịch đường sông	100.0	0.0	0.0
14.	Kết nối các điểm du lịch làng nghề với các điểm tham quan khác trên hành trình để tăng sức hấp dẫn tour du lịch	100.0	0.0	0.0

(Nguồn: kết quả khảo sát của đề tài năm 2024-2025)

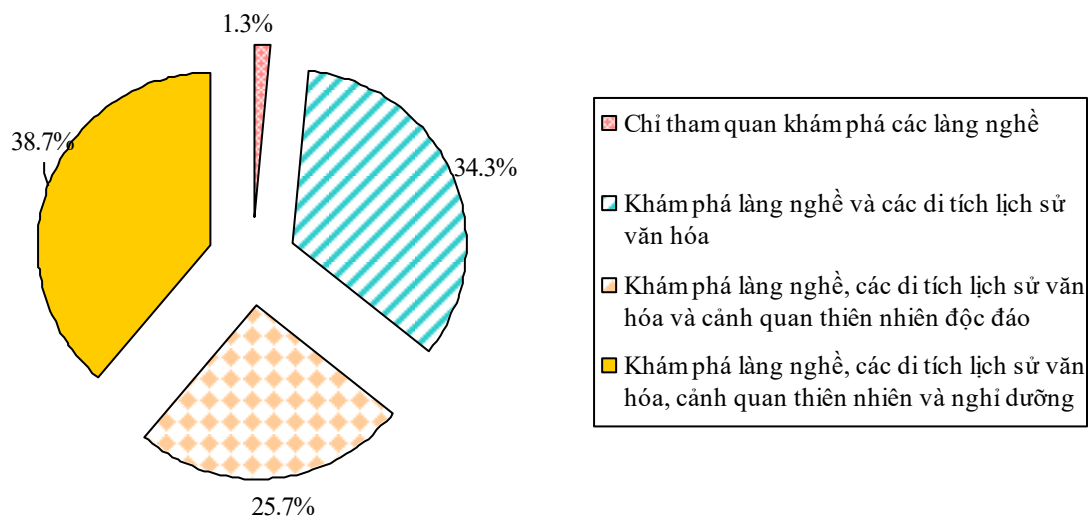
Bảng số liệu trên cho thấy có sự nhất trí tuyệt đối 100.0% ý kiến về sự rất cần thiết/cần thiết của một số giải pháp thực hiện để khai thác giá trị làng nghề trong phát triển các tour, tuyến du lịch đường sông như: Giữ gìn, tôn tạo cảnh quan và bảo vệ môi trường; Xây dựng các sản phẩm, dịch vụ văn hoá phù hợp với tour du lịch đường sông; Trưng bày, giới thiệu về tài liệu, hiện vật, sản phẩm để khách du lịch hiểu về văn hoá, lịch sử của làng nghề; Tổ chức các sự kiện cho các nghệ nhân dân gian, thợ thủ công truyền thống trình diễn chế tác sản phẩm đỉnh cao cho du khách xem; Có chính sách khuyến khích thu hút đầu tư phát triển du lịch đường sông; Đầu tư xây dựng hoàn thiện hạ tầng cơ sở du lịch làng nghề, nhất là du lịch đường sông; Kết nối các điểm du lịch làng nghề với các điểm tham quan khác trên hành trình để tăng sức hấp dẫn tour du lịch. Có thể

nói, việc đầu tư hạ tầng và có chính sách thu hút đầu tư là hai yếu tố tiên quyết, là "nút thắt" cần được tháo gỡ. Các giải pháp về tăng cường kết nối, quảng bá, tổ chức sự kiện và bảo vệ môi trường cũng được xem là cực kỳ quan trọng. Người dân làng nghề nhận thức rất rõ rằng để phát triển du lịch, cần có sự đầu tư đồng bộ từ hạ tầng cứng (cầu cảng, đường sá) đến hạ tầng mềm (chính sách, quảng bá, sản phẩm du lịch).

Bên cạnh đó, có hai giải pháp người dân đánh giá mức độ cần thiết chưa cao là Phát triển các dịch vụ để du khách trải nghiệm các quy trình, sử dụng công cụ, kỹ thuật chế tác sản phẩm làm nghề, 55.3% và Áp dụng công nghệ vào sản xuất các sản phẩm, giới thiệu, trưng bày các sản phẩm sáng tạo từ công nghệ chỉ có 45.3% cho rằng cần thiết/rất cần thiết. Thậm chí có trên 34.0% ý kiến chỉ lựa chọn mức độ bình thường ở cả hai giải pháp trên.

13. Tỷ lệ người dân lựa chọn điểm thích đến trên hành trình nếu đi du lịch làng nghề bằng đường sông

Biểu đồ: Tỷ lệ người dân lựa chọn điểm thích đến trên hành trình nếu đi du lịch làng nghề bằng đường sông



(Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài năm 2024-2025)

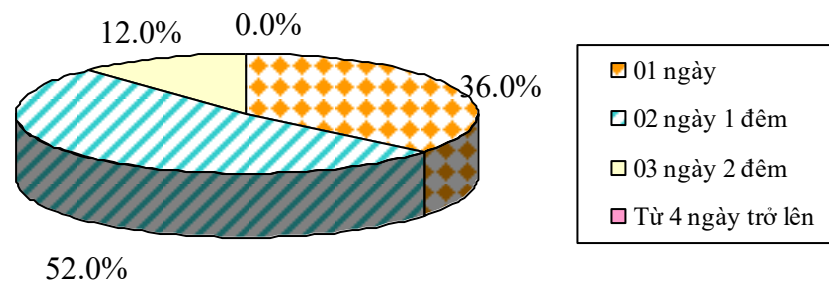
Kết quả khảo sát về điểm thích đến trên hành trình nếu đi du lịch làng nghề bằng đường sông có 38.7% trong số những người được hỏi lựa chọn khám phá làng nghề, các di tích lịch sử văn hóa, cảnh quan thiên nhiên và nghỉ dưỡng. 34.3% ý kiến muốn

khám phá làng nghề và các di tích lịch sử văn hóa. 25.7% người dân chọn khám phá làng nghề, các di tích lịch sử văn hóa và cảnh quan thiên nhiên độc đáo. Chỉ có tỷ lệ rất nhỏ 1.3% trong số những người được phỏng vấn lựa chọn điểm đến là chỉ tham quan làng nghề.

Như vậy, du khách có xu hướng đa dạng hóa các điểm lựa chọn khi đi du lịch tham quan làng nghề bằng đường sông. Du khách ngày nay có nhu cầu trải nghiệm toàn diện văn hóa, lịch sử, thiên nhiên và nghỉ dưỡng. Sự phát triển của du lịch đường sông tạo cơ hội liên kết làng nghề, di tích lịch sử văn hóa, cảnh quan theo chuỗi hành trình, sẽ tạo sức hút mạnh hơn so với chỉ xem quy trình nghề. Điều đó cho thấy, phát triển du lịch làng nghề bằng đường sông cần tạo tour liên tuyến, liên kết điểm đến làng nghề với di tích lịch sử văn hóa, sinh thái và nghỉ dưỡng. Điều này định hướng cho quản lý và phát triển du lịch đường sông cần chú trọng kết nối, liên hoàn và sáng tạo sản phẩm.

14. Mong muốn của người dân về thời gian đi du lịch làng nghề bằng đường sông

Biểu đồ: Mong muốn của người dân về thời gian đi du lịch làng nghề bằng đường sông



(Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài năm 2024-2025)

Biểu đồ trên cho thấy, mong muốn của người dân làng nghề về thời gian đi du lịch làng nghề bằng đường sông, kết quả có 52.0% trong số những người được hỏi mong muốn đi tham quan 2 ngày 1 đêm. 36.0% du khách mong muốn được đi 1 ngày. 12.0% du khách mong muốn tham quan du lịch làng nghề bằng đường sông 3 ngày 2 đêm và không có ai lựa chọn phương án đi từ 4 ngày trở lên. Để du khách có thể lưu trú lại dài ngày cần cải thiện hơn nữa chất lượng sản phẩm,

dịch vụ du lịch làng nghề bằng đường sông hấp dẫn hơn.

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT DU LỊCH LÀNG NGHỀ

**Đề tài: Khai thác giá trị làng nghề thủ công truyền thống
trong phát triển du lịch đường sông vùng đồng bằng sông Hồng**

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CUỘC KHẢO SÁT

- **Mục tiêu:** Khảo sát, thu thập và phân tích ý kiến, đánh giá của khách du lịch về thực trạng và tiềm năng khai thác các giá trị của làng nghề thủ công truyền thống gắn với phát triển du lịch đường sông tại vùng Đồng bằng sông Hồng.
- **Phạm vi khảo sát:** 3 địa bàn TP. Hà Nội, tỉnh Bắc Ninh và tỉnh Ninh Bình.
- **Đối tượng khảo sát:** Khách du lịch đã và đang tham quan tại các làng nghề.

- **Số lượng phiếu khảo sát:** 300 phiếu.

- **Thời gian thực hiện:** 2024 - 2025.

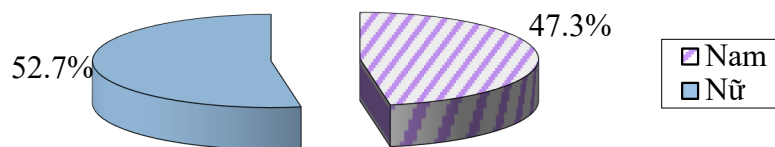
II. PHÂN TÍCH KẾT QUẢ KHẢO SÁT

1. Đặc điểm của đối tượng khảo sát

Thông tin về nhân khẩu học của khách du lịch được thể hiện qua giới tính và nơi cư trú, cụ thể như sau:

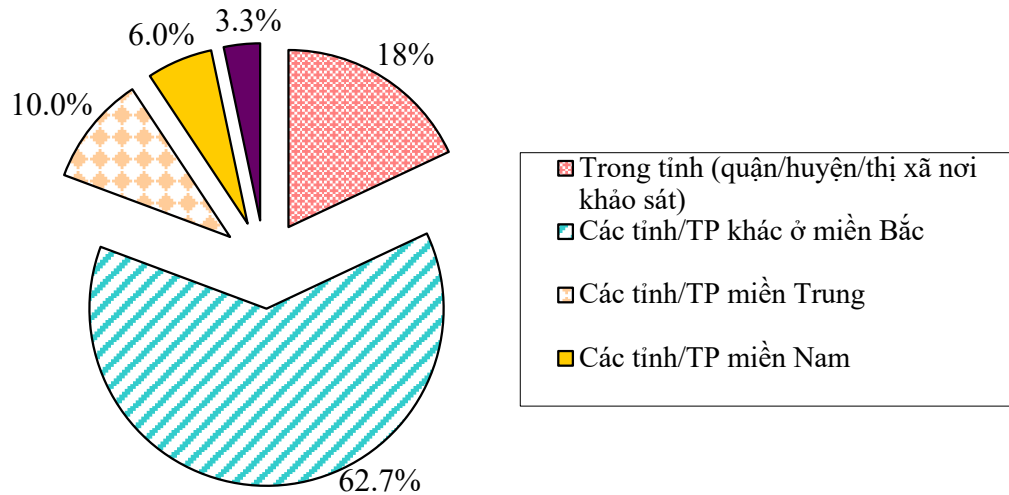
Về giới tính, tỷ lệ khách du lịch là nữ giới cao hơn một chút so với nam giới, chiếm 52.7% (158 người), trong khi nam giới chiếm 47.3% (142 người). Điều này cho thấy sự cân bằng tương đối về giới trong nhóm khách du lịch đến các làng nghề.

Biểu đồ: Đặc điểm giới tính



Về nơi cư trú, Đa số khách du lịch đến từ các tỉnh miền Bắc (62.7%), cho thấy sức hút chủ yếu của các làng nghề này vẫn tập trung vào thị trường khách nội địa gần. Khách du lịch trong tỉnh chiếm 18.0%, khách từ miền Trung và miền Nam chiếm tỷ lệ nhỏ hơn (lần lượt là 10.0% và 6.0%). Khách nước ngoài chỉ chiếm một tỷ lệ khiêm tốn là 3.3%.

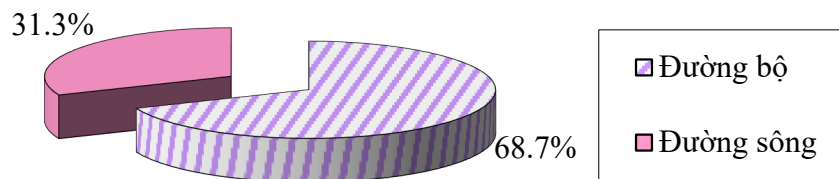
Biểu đồ: Nơi sinh sống của du khách



2. Thực trạng và hành vi du lịch làng nghề của du khách

2.1. Hình thức du khách đi du lịch làng nghề

Biểu đồ: Hình thức du khách đi du lịch (tỷ lệ %)

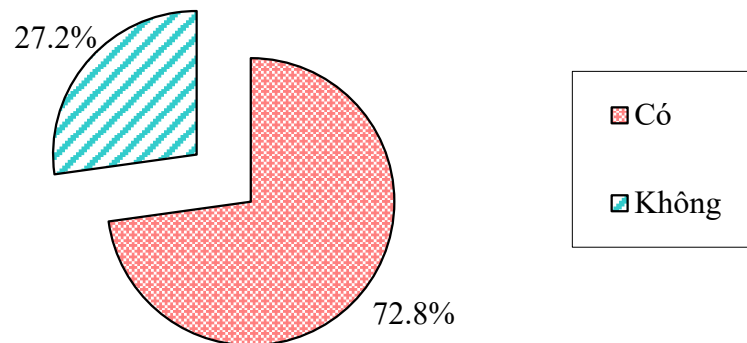


(Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài năm 2024-2025)

Kết quả khảo sát du khách đến tham quan các làng nghề khu vực đồng bằng sông Hồng chủ yếu đi bằng đường bộ chiếm tỷ lệ 68.7%. Tỷ lệ du khách đến tham quan các làng nghề bằng đường sông thấp hơn chỉ có 31.3%. Điều này cho thấy, dịch vụ du lịch đường sông chưa phổ biến, chỉ có gần 1/3 trong số những người được hỏi sử dụng dịch vụ này.

2.2. Tỷ lệ du khách mong muốn được trải nghiệm du lịch làng nghề bằng đường sông

Biểu đồ: Tỷ lệ du khách biết tuyến du lịch tham quan làng nghề bằng đường sông

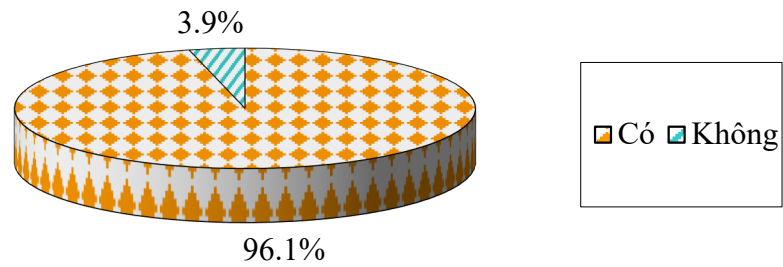


(Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài năm 2024-2025)

Biểu đồ trên cho thấy, tỷ lệ du khách đã từng nghe nói đến loại hình du lịch này chiếm tỷ lệ khá cao tới 72.8%. Chỉ có 27.2% trong số những người được hỏi chọn trả lời không biết đến tuyến du lịch du lịch tham quan làng nghề bằng đường sông.

2.3. Tỷ lệ du khách mong muốn được trải nghiệm du lịch làng nghề bằng đường sông

Biểu đồ: Tỷ lệ du khách mong muốn được trải nghiệm du lịch làng nghề bằng đường sông (tỷ lệ %)

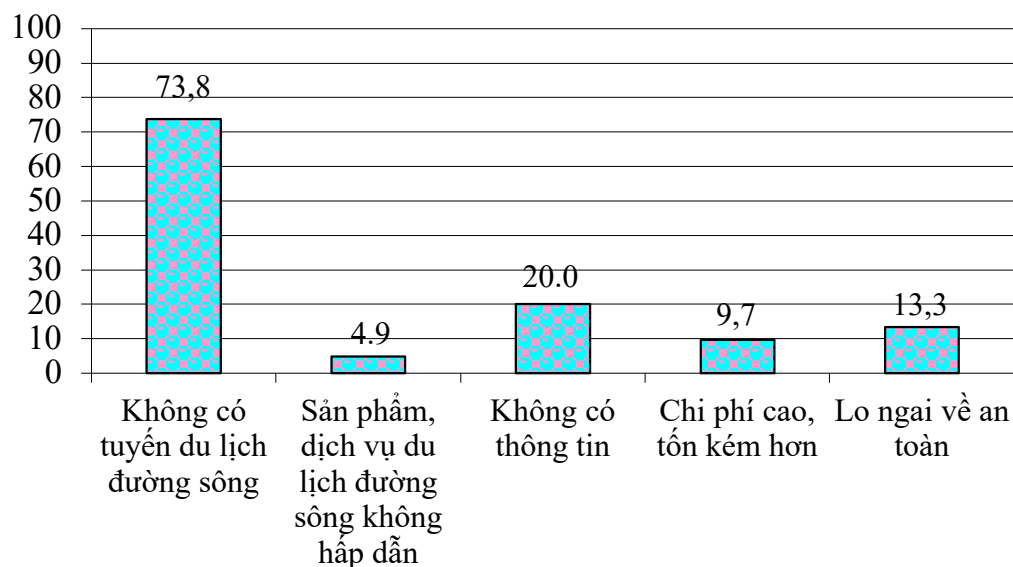


(Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài năm 2024-2025)

Nghiên cứu tiến hành phỏng vấn những người chưa đi du lịch tham quan làng nghề bằng đường sông, về có mong muốn được đi du lịch bằng đường sông, kết quả phần lớn du khách trả lời có, chiếm tới 96.1%. Chỉ có 3.9% trong số những du khách được hỏi không có nhu cầu đi du lịch tham quan làng nghề bằng đường sông. Điều đó cho thấy, nhu cầu của người dân có mong muốn được đi du lịch bằng đường sông là cao, thể hiện thị trường tiềm năng phát triển lớn của sản phẩm du lịch đường sông trong thời gian tới. Do đó, các cơ quan chức năng, các cấp quản lý cần có chủ trương, chính sách và kế hoạch khai thác, phát triển du lịch đường sông để khai thác giá trị làng nghề thủ công truyền thống khu vực đồng bằng sông Hồng

4. Lý do du khách chưa từng tham quan du lịch làng nghề bằng đường sông

Biểu đồ: Lý do du khách chưa từng tham quan du lịch làng nghề bằng đường sông (tỷ lệ %)

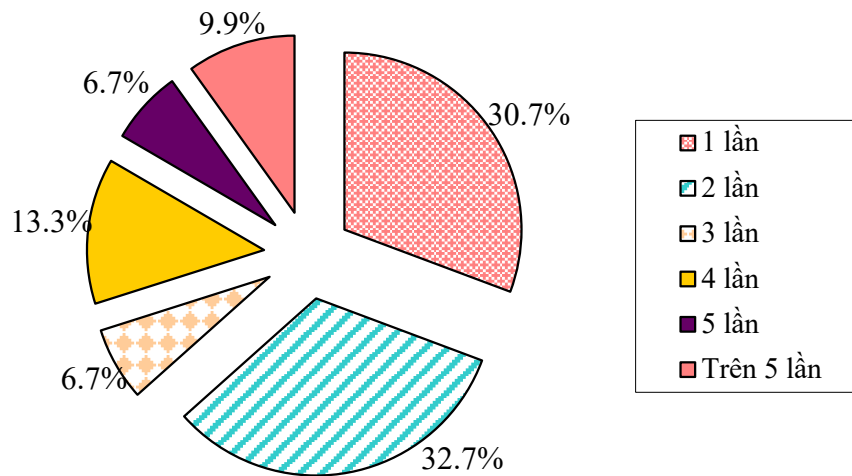


(Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài năm 2024-2025)

Nghiên cứu tiến hành tìm hiểu lý do một bộ phận du khách chưa tiếp cận sử dụng dịch vụ du lịch tham quan làng nghề bằng đường sông, kết quả có nhiều lý do khác nhau, trong đó tỷ lệ cao nhất du khách cho rằng do không có tuyến du lịch đường sông thuận tiện chiếm 73.8%; một số du khách do không có thông tin nên không biết có tuyến du lịch tham quan làng nghề bằng đường sông là 20.0%. Bên cạnh đó, vấn đề lo ngại về an toàn khi đi du lịch trên các tuyến sông cũng là một rào cản khiến du khách không lựa chọn là 13.3.%. Hơn nữa, hiện nay chi phí cho tuyến du lịch đường sông khá cao, tốn kém cũng ảnh hưởng đến lựa chọn dịch vụ này với 9.7%. Sản phẩm, dịch vụ du lịch đường sông một số du khách đánh giá không hấp dẫn nên họ không lựa chọn hình thức tham quan du lịch làng nghề bằng đường sông.

5. Số lần du khách đi du lịch tham quan làng nghề

Biểu đồ: Số lần du khách đi du lịch tham quan làng nghề

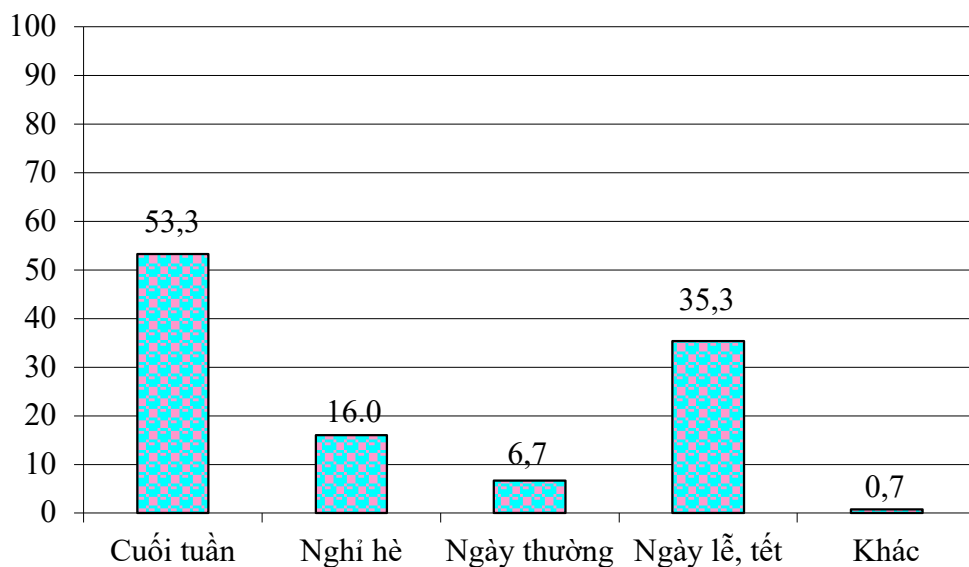


(Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài năm 2024-2025)

Biểu đồ trên cho thấy, tỷ lệ du khách đến tham quan làng nghề 2 lần chiếm cao nhất với 32.7%, thấp hơn không nhiều là 30.7% du khách đến làng nghề là lần đầu tiên. Bên cạnh đó, cũng có khá nhiều du khách đã đến tham quan các làng nghề lần thứ 4 chiếm 13.3% trong số những người được hỏi; lần thứ 3 và 5 là 6.7% và đặc biệt nhiều du khách đến tham quan làng nghề trên 5 lần chiếm 9.9%. Kết quả phân tích trên thể hiện nhiều du khách đến tham quan làng nghề đã quay trở lại nhiều lần. Điều này phản ánh mức độ hấp dẫn và khả năng giữ chân du khách của làng nghề ở các địa bàn nghiên cứu.

6. Các dịp du khách thường đi du lịch làng nghề

Biểu đồ: Các dịp du khách thường đi du lịch làng nghề (tỷ lệ %)



(Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài năm 2024-2025)

Kết quả khảo sát về dịp du khách thường đến tham quan làng nghề có 53.3% trong số những du khách được hỏi đi vào ngày cuối tuần, chiếm tỷ lệ cao nhất. Thứ hai, du khách đi vào các ngày lễ, tết là 35.3%. Bên cạnh đó, một bộ phận du khách cho biết thường đến tham quan làng nghề vào các dịp nghỉ hè là 16.0%. Chỉ có tỷ lệ nhỏ du khách đi vào ngày thường là 6.7%. Một số người lựa chọn tham quan làng nghề vào các dịp khác với những ngày trên.

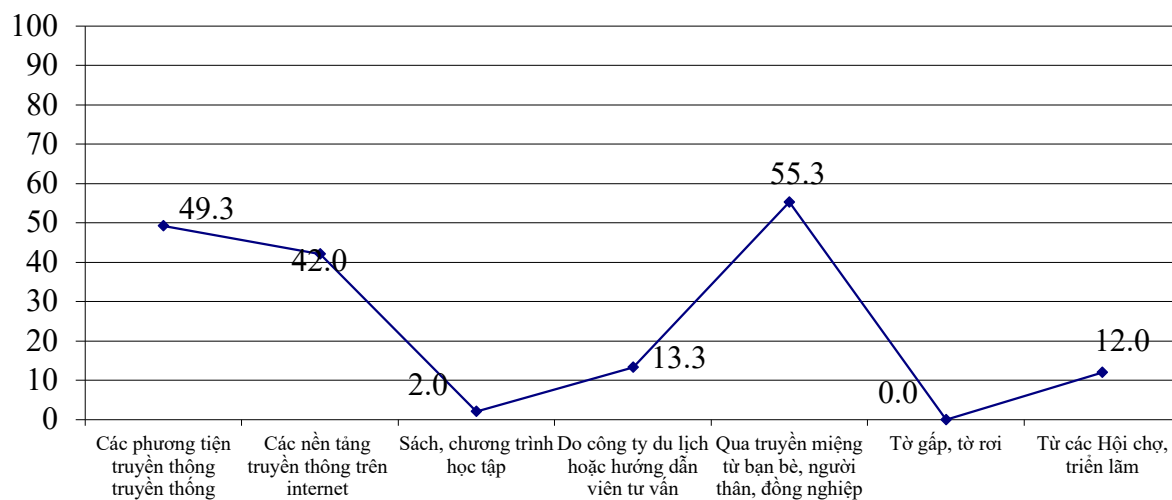
Kết quả trên có thể lý giải do địa bàn nghiên cứu là làng nghề ở khu vực đồng bằng sông Hồng với các tỉnh lân cận gần với Hà Nội. Nên du khách vào dịp cuối tuần, ngày lễ, Tết ngắn hạn nhiều gia đình, nhóm bạn trẻ đi du lịch trải nghiệm gần Hà Nội, gần các đô thị lớn. Vào các dịp lễ hội truyền thống của làng nghề (giỗ tổ nghề, lễ hội đình làng): thu hút không chỉ khách địa phương mà cả du khách quốc tế muốn trải nghiệm văn hóa làng nghề địa phương. Hay các ngày nghỉ lễ dài như 30/4-1/5, Quốc khánh 2/9, tết dương lịch, Tết Nguyên đán lượng khách du lịch tăng cao, đặc biệt là khách nội địa đi theo tour hoặc tham quan kết hợp lễ hội.

Từ kết quả nghiên cứu này, giúp dự báo dòng khách để chuẩn bị cơ sở vật chất, dịch vụ, nguồn lực cho phục vụ du khách. Xây dựng chiến lược sản phẩm theo

mùa vụ như mùa Tết tập trung quà biếu, sản phẩm truyền thống; mùa hè gắn với trải nghiệm workshop cho trẻ em... Phát triển lịch sự kiện thường niên để phân bổ đều khách, tránh tình trạng quá tải mùa lễ. Đặc biệt, khi phát triển du lịch đường sông cũng là cơ sở, căn cứ để các đơn vị dịch vụ du lịch đường sông ước lượng khách tham quan chuẩn bị các điều kiện đón khách được chu đáo, chất lượng cũng như các chiến lược quảng bá hay chương trình để nhằm thu hút du khách sử dụng dịch vụ du lịch đường sông đến tham quan các làng nghề truyền thống.

7. Các kênh thông tin du khách biết đến làng nghề

Biểu đồ: Các kênh thông tin du khách biết đến làng nghề (tỷ lệ %)



(Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài năm 2024-2025)

Biểu đồ trên cho thấy có du khách biết đến làng nghề qua nhiều kênh thông tin khác nhau, trong đó cao nhất là biết qua truyền miệng từ bạn bè, người thân, đồng nghiệp chiếm 55.3%; thứ hai từ các phương tiện truyền thông truyền thống như truyền thanh, truyền hình là 49.3%. Với sự phát triển của công nghệ thông tin thì các nền tảng truyền thông trên internet cũng là kênh quảng bá truyền thông về làng nghề hiệu quả có 42.0% du khách biết đến làng nghề qua kênh thông tin này. Bên cạnh đó, một số du khách cũng biết đến làng nghề qua các kênh thông tin là các công ty

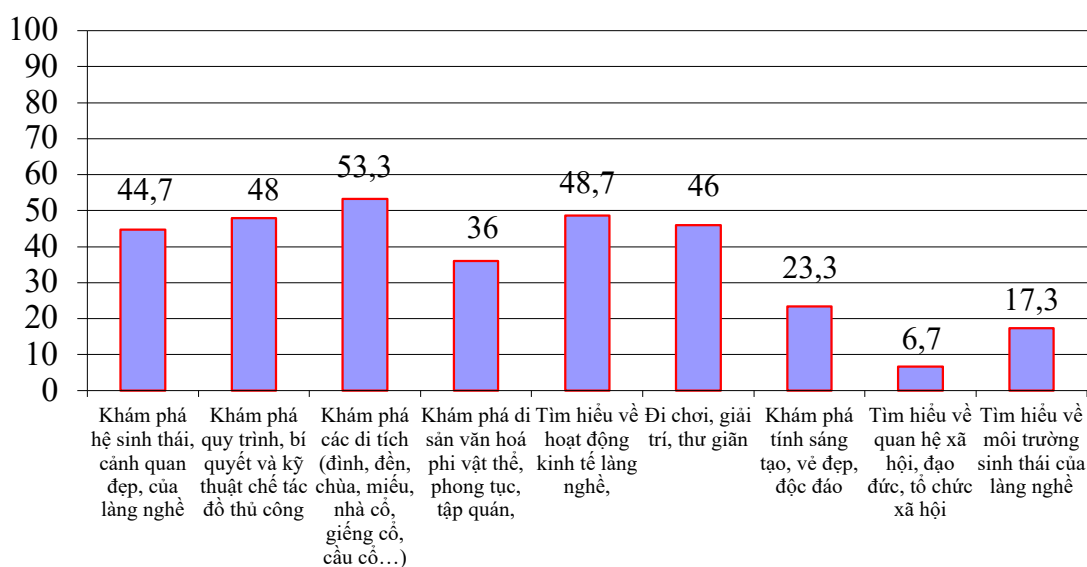
du lịch hoặc hướng dẫn viên tư vấn; từ các hội chợ triển lãm, sách chương trình học tập... nhưng chiếm tỷ lệ thấp hơn thể hiện ở biểu đồ trên.

Từ kết quả trên cho thấy, các làng nghề khu vực đồng bằng sông Hồng đã phần nào có sức hấp dẫn du khách nên tỷ lệ du khách biết đến làng nghề qua truyền miệng từ bạn bè, người thân, đồng nghiệp vì đây là kênh có độ tin cậy cao, thường ra quyết định đi đầu tiên của du khách. Các kênh truyền thông truyền thống cũng được nhiều người lựa chọn, nhất là các du khách quen và truyền thống của làng nghề. Các nền tảng truyền thông như Facebook, TikTok, YouTube, Instagram... cũng ngày càng chiếm ưu thế, đặc biệt với giới trẻ.

Với kết quả về nghiên cứu các kênh thông tin du khách biết được để đến tham quan làng nghề quan trọng để cho các đơn vị, doanh nghiệp, hộ gia đình/cá nhân tập trung đầu tư quảng bá làng nghề đến du khách. Tập trung đầu tư vào mạng xã hội và truyền miệng, đồng thời duy trì sự hiện diện chính thống trên website và phương tiện truyền thông đại chúng truyền thống. Kết nối với doanh nghiệp lữ hành, tổ chức các sự kiện hội chợ, triển lãm thu hút báo chí, truyền thông để mở rộng nguồn khách du lịch tham quan trải nghiệm và mua sắm sản phẩm của làng nghề

8. Mục đích du khách tham quan, du lịch làng nghề

Biểu đồ: Mục đích du khách tham quan, du lịch làng nghề (tỷ lệ %)



(Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài năm 2024-2025)

- Làm rõ các mục đích chính của du khách (tham quan, tìm hiểu văn hóa, mua sắm, trải nghiệm...). Đây là cơ sở để định vị và phát triển sản phẩm du lịch phù hợp.

Biểu đồ trên cho thấy du khách đến tham quan làng nghề với nhiều mục đích khác nhau. Xếp theo thứ tự một cách tương đối Top 5 mục đích ta có: 1/ Khám phá các di tích (đình, đền, miếu, nhà cổ, giếng cổ,...) chiếm 53.3%; 2/ Tìm hiểu kinh tế làng nghề là 48.7%; 3/ Khám phá quy trình, bí quyết, kỹ thuật chế tác đồ thủ công với 48.0%; 4/ Đi chơi, giải trí, thư giãn 46.0% và 5/ Khám phá hệ sinh thái, cảnh quan đẹp của làng nghề 44.7%. Bên cạnh đó, các du khách đến tham quan làng nghề với mục đích khác như khám phá di sản văn hóa phi vật thể, phong tục tập quán; khám phá tính sáng tạo vẻ đẹp độc đáo... chiếm tỷ lệ thấp hơn thể hiện ở biểu đồ trên.

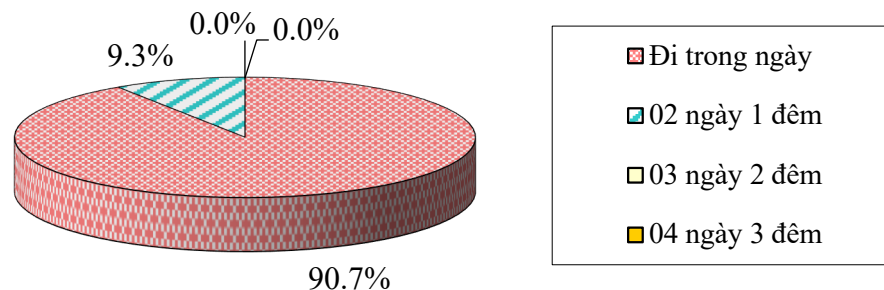
Như vậy, với những mục đích trên chủ yếu du khách tham quan du lịch làng nghề để trải nghiệm văn hóa, tìm hiểu nghề truyền thống; tìm hiểu di tích lịch sử, giá trị văn hóa gắn với nghề; xem nghệ nhân trình diễn, tham gia thực hành thử làm

nghề tìm hiểu di sản làng nghề; khám phá hệ sinh thái vẻ đẹp của làng nghề; giải trí thư giãn du lịch đi cùng gia đình, nhóm bạn bè tham quan kết hợp ẩm thực, chụp ảnh, tham gia không gian lễ hội.

Với những mục đích với tỷ lệ khách du lịch lựa chọn trên giúp xác định mục tiêu khách để định hướng quảng bá, **đa dạng hóa sản phẩm du lịch làng nghề phù hợp với mục đích của du khách**: không chỉ bán hàng mà còn có workshop, tour trải nghiệm...

9. Thời gian du khách lưu trú tại địa phương khi tham quan làng nghề

Biểu đồ: Thời gian du khách lưu trú tại địa phương khi tham quan làng nghề (tỷ lệ %)



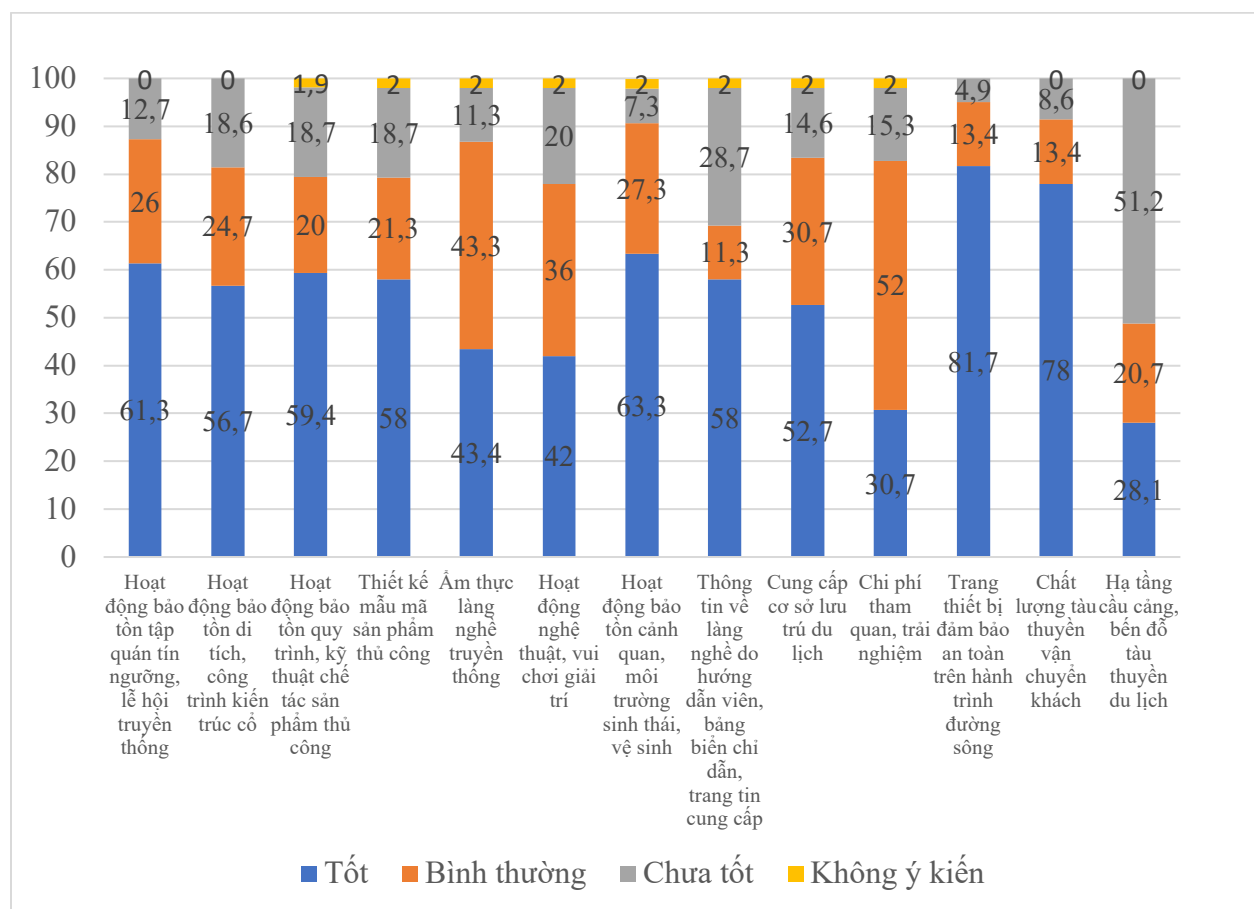
(Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài 2024-2025)

Kết quả khảo sát tại 03 địa bàn về thời gian du khách lưu trú tại địa phương khi tham quan du lịch làng nghề phần lớn du khách đi về trong ngày chiếm tới 90.7%. Còn lại 9.3% trong số những người được hỏi lưu trú tại địa phương 2 ngày 1 đêm. Không có ai lựa chọn phương án 3 ngày 2 đêm và 4 ngày 3 đêm. Do chủ yếu là khách đến từ các tỉnh miền Bắc gần làng nghề và các tỉnh lân cận nên thường dành thời gian ham quan, trải nghiệm và mua sắm tại làng nghề thường ít do đó tỷ lệ cao du khách lựa chọn đi trong ngày. Lượng khách đi 2 ngày 1 đêm trên không cao, thường đi tour liên kết nhiều điểm làng nghề với tham quan di tích và sinh thái, với lượng khách này giúp **tăng chi tiêu du lịch**, thúc đẩy dịch vụ ăn ở, văn hóa - giải trí

địa phương. Với phần lớn khách đi **trong ngày** cũng cho thấy sản phẩm du lịch còn ngắn, thiếu yếu tố hấp dẫn du khách lưu trú lại dài ngày. Do đó, cần có những chiến lược phát triển để khách trải nghiệm làng nghề liên kết điểm đến trên hành trình du lịch làng nghề với các di tích lịch sử văn hóa và du lịch sinh thái; ẩm thực, tour đêm... Từ đó, khi định hướng phát triển du lịch đường sông với khai thác giá trị làng nghề sẽ có nhiều tiềm năng hấp dẫn du khách trải nghiệm.

10. Đánh giá của du khách về sản phẩm, dịch vụ du lịch trên hành trình khám phá du lịch làng nghề thủ công truyền thống trên tuyến sông Hồng - Hà Nội

Biểu đồ: Đánh giá của du khách về sản phẩm, dịch vụ du lịch trên hành trình khám phá du lịch làng nghề thủ công truyền thống trên tuyến sông Hồng - Hà Nội (tỷ lệ %)



(Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài năm 2024-2025)

Kết quả khảo sát đánh giá của du khách về sản phẩm, dịch vụ du lịch trên hành trình khám phá du lịch làng nghề thủ công truyền thống trên tuyến sông Hồng - Hà Nội kết quả tỷ lệ đánh giá tốt khá cao ở các phương án. Trong đó có 9/13 phương án tỷ lệ du khách đánh giá sản phẩm, dịch vụ ở mức độ tốt chiếm tỷ lệ trên 50.0%, cụ thể: 1/**Trang thiết bị đảm bảo an toàn hành trình đường sông** là 81,7% đánh giá tốt; 2/ **Chất lượng tàu thuyền vận chuyển khách** 78.0%; 3/ **Hoạt động bảo tồn cảnh quan, môi trường sinh thái, vệ sinh** với 63,3%; 4/ **Hoạt động bảo tồn tập quán tín ngưỡng, lễ hội truyền thống** 61,3%; 5/ **Quy trình kỹ thuật chế tác sản phẩm thủ công** 59,4%; 6/ **Thông tin về làng nghề do hướng dẫn viên cung cấp** và **Thiết kế mẫu mã sản phẩm thủ công** đều chiếm 58.0%; 8/ Hoạt động bảo tồn di tích công trình kiến trúc cổ 56.7%; 9/ **Cung cấp cơ sở lưu trú du lịch** 52.7%. Kết quả tỷ lệ du khách đánh giá tốt ở một số phương án trên sẽ tạo niềm tin cho du khách, cho thấy phương tiện di chuyển du lịch bằng đường sông khá đảm bảo; yếu tố môi trường được quan tâm; cũng như những yếu tố văn hóa làng nghề đã nhận được sự hài lòng của du khách khi đến tham quan, trải nghiệm.

Một bộ phận du khách đánh giá một số sản phẩm, dịch vụ du lịch trên hành trình khám phá du lịch làng nghề thủ công truyền thống trên tuyến sông Hồng - Hà Nội ở mức độ bình thường hoặc chưa tốt khá cao như: Chi phí tham quan, trải nghiệm (52.0% bình thường, 15.3% chưa tốt); **Ấm thực làng nghề truyền thống** với tỷ lệ chọn bình thường là 43,3% bình thường, 11.3% chưa tốt; Hoạt động nghệ thuật vui chơi, giải trí (36.0% bình thường, 20.0% chưa tốt); **Thiết kế mẫu mã sản phẩm thủ công** 21,3% bình thường, 18,7% chưa tốt; **cơ sở lưu trú du lịch** (30,7% bình thường, 14,6% chưa tốt). Điều đó cho thấy, chi phí tham quan, trải nghiệm vẫn còn cao; chất lượng ẩm thực chưa tạo điểm nhấn, còn hạn chế; các sản phẩm chưa thật sự hấp dẫn, thiếu sự sáng tạo, hiện đại; cơ sở hạ tầng phục vụ lưu trú còn yếu, chưa đáp ứng kỳ vọng của du khách.

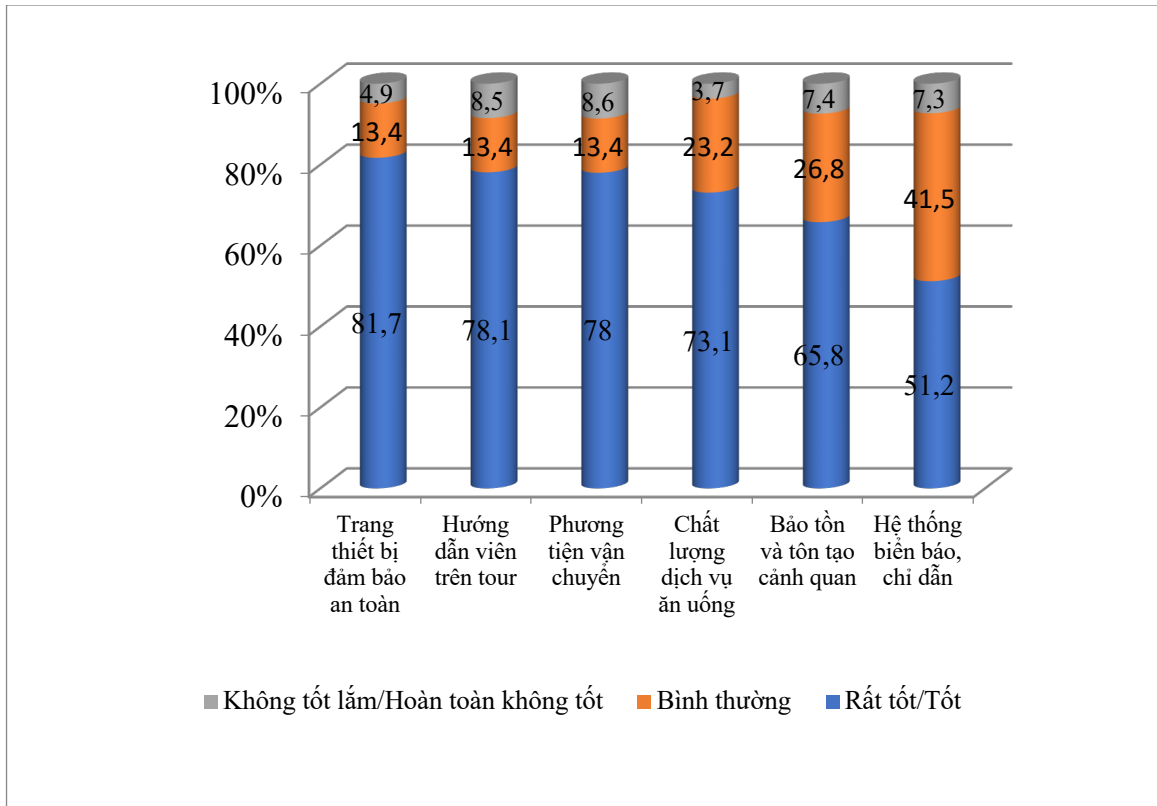
Đặc biệt, với du lịch làng nghề bằng đường sông, hệ thống cầu cảng, bến đỗ tàu thuyền du lịch cần được quan tâm bởi có tới 51,2% du khách đánh giá chưa tốt, chỉ có 28,1% du khách đánh giá tốt, 20.7% chọn bình thường. Điều đó chứng tỏ dịch vụ này chưa nhận được nhiều đánh giá tốt của du khách khi trải nghiệm du lịch làng nghề truyền thống bằng đường sông trên tuyến sông Hồng - Hà Nội. Thông tin về làng nghề do hướng dẫn viên, bảng biển chỉ dẫn, trang tin cung cấp cũng có tới 28.7% du khách đánh giá chưa tốt. Điều này cần được khắc phục để ngày càng nhiều du khách biết đến và hấp dẫn du khách hơn nữa.

Như vậy, hành trình khám phá du lịch làng nghề thủ công truyền thống trên tuyến sông Hồng - Hà Nội vẫn đề an toàn, phương tiện vận chuyển, bảo tồn cảnh quan - môi trường và yếu tố văn hóa truyền thống cơ bản đã nhận được **sự đánh giá cao** của du khách. Bên cạnh đó, có một số sản phẩm, dịch vụ cần phải cải thiện là ẩm thực, cơ sở lưu trú, thiết kế sản phẩm thủ công, chi phí dịch vụ. Đặc biệt **hạ tầng cầu cảng, bến đỗ** tàu chưa nhận được đánh giá cao của du khách trong hành trình du lịch khám phá làng nghề truyền thống bằng đường sông tuyến sông Hồng - Hà Nội.

Do đó, giải pháp hướng tới cần đa dạng món ăn, gắn với đặc sản làng nghề, nâng cao chất lượng phục vụ; các **sản phẩm thủ công** cần cải tiến mẫu mã, ứng dụng thiết kế hiện đại để thu hút giới trẻ, khách quốc tế. Đặc biệt, **chi phí dịch vụ** cần hợp lý và phù hợp với chất lượng cung cấp cũng như đối tượng khách hàng. Với **hạ tầng lưu trú và cầu cảng, bến đỗ** cần đầu tư nâng cấp để tăng trải nghiệm, đặc biệt với khách lưu trú dài ngày. Điều nữa cần khắc phục là **truyền thông quảng bá** để hấp dẫn, thu hút du khách hơn nữa.

11. Đánh giá của du khách về thực trạng khai thác du lịch đường sông tại làng nghề

Biểu đồ: Đánh giá của du khách về thực trạng khai thác du lịch đường sông tại làng nghề (tỷ lệ %)



(Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài năm 2024-2025)

Chúng tôi phỏng vấn những du khách đã từng đi du lịch tham quan làng nghề bằng đường sông, đánh giá về thực trạng khai thác du lịch đường sông tại làng nghề cho thấy tỷ lệ du khách đánh giá rất tốt/tốt khá cao, đặc biệt có trên 70.0% du khách đánh giá các tiêu chí ở mức độ rất tốt/tốt là **trang thiết bị đảm bảo an toàn** chiếm tỷ lệ cao nhất 81,7%; **Hướng dẫn viên trên tour** 78,1% và phương tiện vận chuyển với 78.0%. Điều đó, thể hiện một số dịch vụ du khách trải nghiệm du lịch tham quan làng nghề bằng đường sông đã được đánh giá khá cao, điều này là ưu điểm giúp du khách yên tâm khi trải nghiệm trên sông. Các yếu tố này phản ánh **khâu vận hành và an toàn trên tuyến sông được bảo đảm tốt**, góp phần tạo sự tin tưởng của du khách.

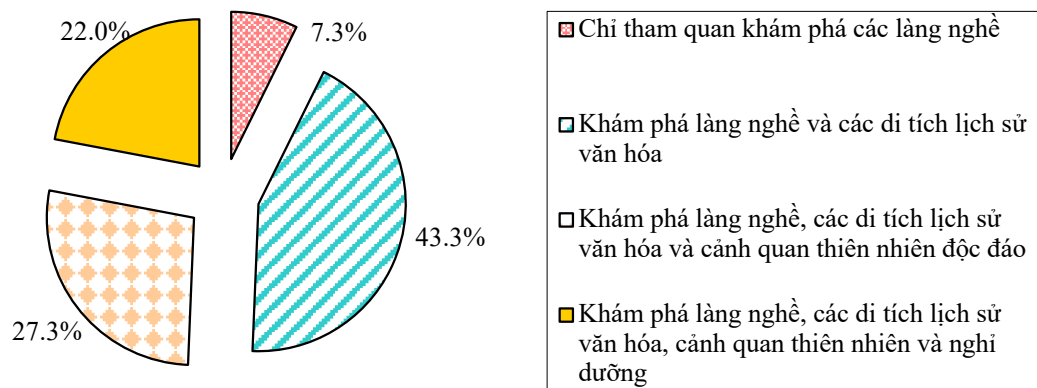
Bên cạnh đó, hệ thống biển báo, chỉ dẫn có 41.5% du khách đánh giá ở mức độ bình thường hay nói cách khác ở mức độ trung bình; 7.3% đánh giá hoàn toàn không tốt/không tốt lắm. Kết quả này cho thấy, du khách có thể gặp khó khăn trong

việc định hướng, tiếp cận các điểm tham quan, gây ảnh hưởng trải nghiệm khi du lịch làng nghề bằng đường sông. Ngoài ra, trên 23.0% du khách cho rằng **chất lượng dịch vụ ăn uống**; bảo tồn và tôn tạo cảnh quan ở mức độ bình thường. Điều đó cho thấy dịch vụ ăn uống, cảnh quan ven sông mới đáp ứng cơ bản, nhưng chưa tạo ấn tượng mạnh cho du khách.

Như vậy, du khách đã đánh giá cao về trang thiết bị đảm bảo **an toàn, phương tiện và đội ngũ hướng dẫn** viên là những yếu tố cốt lõi của du lịch đường sông đã làm khá tốt. Tuy nhiên, **dịch vụ ăn uống, cảnh quan và hệ thống chỉ dẫn** còn hạn chế, chưa đủ sức hấp dẫn và tiện lợi cho du khách. Do đó, cần cải thiện khắc phục để thu hút hơn nữa du khách trải nghiệm du lịch đường sông gắn với tham quan làng nghề.

12. Tỷ lệ du khách lựa chọn điểm đến trên hành trình du lịch làng nghề bằng đường sông

Biểu đồ: Tỷ lệ du khách lựa chọn điểm đến trên hành trình du lịch làng nghề bằng đường sông



(Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài năm 2024-2025)

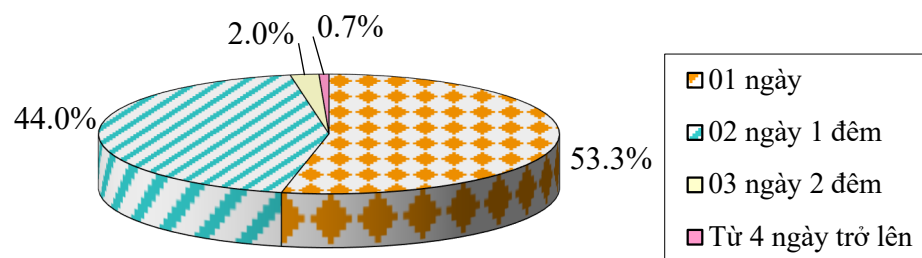
Kết quả khảo sát về điểm đến trên hành trình du lịch làng nghề bằng đường sông của du khách có 43.3% trong số những người được hỏi lựa chọn khám phá làng

nghe và các di tích lịch sử văn hóa; 27.3% du khách khám phá làng nghề, các di tích lịch sử văn hóa và cảnh quan thiên nhiên độc đáo. 22.0% du khách khám phá làng nghề, các di tích lịch sử văn hóa, cảnh quan thiên nhiên và nghỉ dưỡng. Có tỷ lệ nhỏ 7.3% du khách chỉ tham quan làng nghề.

Như vậy, du khách có xu hướng đa dạng hóa trải nghiệm kết hợp làng nghề với di sản văn hóa thêm yếu tố thiên nhiên. Xu hướng kết hợp nghỉ dưỡng tuy chưa chiếm đa số nhưng vẫn có tiềm năng với 22.0% du khách lựa chọn trên. Du khách ngày nay có nhu cầu trải nghiệm toàn diện văn hóa, lịch sử, thiên nhiên và nghỉ dưỡng. Sự phát triển của du lịch đường sông tạo cơ hội liên kết làng nghề, di tích lịch sử văn hóa, cảnh quan theo chuỗi hành trình, sẽ tạo sức hút mạnh hơn so với chỉ xem quy trình nghề. Điều đó cho thấy, phát triển du lịch làng nghề bằng đường sông cần đa dạng hóa sản phẩm du lịch. Tạo tour liên tuyến, liên kết điểm đến làng nghề với di tích lịch sử văn hóa, sinh thái và nghỉ dưỡng. Điều này định hướng cho quản lý và phát triển du lịch đường sông cần chú trọng kết nối, liên hoàn và sáng tạo sản phẩm.

13. Mong muốn của du khách về thời gian đi du lịch làng nghề bằng đường sông

Biểu đồ: Mong muốn của du khách về thời gian đi du lịch làng nghề bằng đường sông



(Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài năm 2024-2025)

Để phát triển du lịch đường sông vùng đồng bằng sông Hồng cho du khách trải nghiệm tham quan làng nghề, nghiên cứu tìm hiểu mong muốn của du khách về thời gian đi du lịch làng nghề bằng đường sông, kết quả có 53.3% trong số những người được hỏi mong muốn đi tham quan 1 ngày. Đồng thời, cũng có tỷ lệ khá cao 44.0% du khách mong muốn được đi 2 ngày 1 đêm. Chỉ có 2.0% và 0.7% du khách mong muốn tham quan du lịch làng nghề bằng đường sông từ 3 ngày 2 đêm và từ 4 ngày trở lên. Kết quả này cũng dễ lý giải, bởi lẽ với hiện trạng về du lịch tham quan làng nghề bằng đường sông trên tuyến sông Hồng - Hà Nội hiện nay có một số sản phẩm, dịch vụ đã nhận được đánh giá khá cao của du khách, nhưng vẫn còn nhiều những bất cập và hạn chế theo những phân tích trên nên chưa hấp dẫn được du khách lưu trú lại nhiều ngày. Vì vậy, kết quả với tỷ lệ mong muốn về thời gian tham quan du lịch làng nghề bằng đường sông như trên là điều dễ hiểu. Để du khách có thể lưu trú lại dài ngày cần cải thiện hơn nữa chất lượng sản phẩm, dịch vụ du lịch làng nghề bằng đường sông.